ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 3132/UBND-KT V/v tiếp thu, giải trình ý kiến của Ban Dân tộc (Hội đồng nhân dân tỉnh) về việc thẩm tra dự thảo Nghị quyết điều chỉnh lần 02 chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025	*Khánh Hòa, ngày 27 tháng 3 năm 2024*

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Ngày 25/3/2024, Ban Dân tộc (Hội đồng nhân dân tỉnh) đã tổ chức thẩm tra Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh lần 02 chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 (*kèm theo Tờ trình số 2934/TTr-UBND ngày 20/3/2024 của UBND tỉnh*) và có Báo cáo số 21/BC-BDT ngày 26/3/2024 về kết quả thẩm tra; UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp thu, điều chỉnh theo các kiến nghị tại Báo cáo thẩm tra nói trên, cụ thể như sau:

- Điều chỉnh tên nghị quyết và tiêu đề Điều 1 thành *"Điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 – 2025 đã được ban hành tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 và Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh"*.

- Tại khoản 1 Điều 1: Tiếp thu, bổ sung số liệu cụ thể trước tỷ lệ %.

- Tại khoản 2 Điều 1: Điều chỉnh tiêu đề thành *"2. Điều chỉnh khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 27/NQ-HĐND và khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 62/NQ-HĐND"*.

Vốn đầu tư phát triển tăng so với Nghị quyết 27 là 1.334.358 triệu đồng.

- Điều chỉnh tiêu đề khoản 3 Điều 1 thành *"3. Điều chỉnh khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 27/NQ-HĐND và các phụ lục danh mục kèm theo Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022; Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh"*.

- Về các phụ lục:

+ Bổ sung phụ lục vốn sự nghiệp trong đó làm rõ cơ cấu và mức vốn sự nghiệp điều chỉnh tăng để triển khai trên địa bàn toàn tỉnh. Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình, căn cứ khả năng cân đối của Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT sẽ tiếp tục phối hợp với các Sở, ngành tham mưu ưu tiên cân đối vốn cho từng hạng mục cụ thể.

+ Bổ sung phụ lục các xã tham gia nông thôn mới so với Nghị quyết 62, Nghị quyết 27.

+ Về các phụ lục danh mục: Tách riêng các nội dung điều chỉnh so với Nghị quyết 62, Nghị quyết 27; lý do.

- Thống nhất điều chỉnh danh mục công trình "*Nâng cấp, mở rộng đường trục thôn Thịnh Sơn (đoạn tiếp giáp đường gom cao tốc đến nhà ông Mang Thương), xã Cam Thịnh Tây*" và công trình "*Xây dựng taluy hai đầu cầu đường vào khu sản xuất tuyến 2, thôn Thịnh Sơn, xã Cam Thịnh Tây*" từ năm 2025 thành năm 2024 theo đề nghị của UBND thành phố Cam Ranh.

- Về việc đầu tư các danh mục công trình nước sạch trên địa bàn huyện Vạn Ninh, Khánh Sơn: Hiện nay, tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025, Chương trình nông thôn mới chỉ hỗ trợ nước sạch cấp huyện; các chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chỉ có mục tiêu hỗ trợ nước hợp vệ sinh (thấp hơn chuẩn nước sạch). Để đảm việc hỗ trợ công trình nước sạch có thể thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh *(Thông tư 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định vùng đồng bằng, khu vực dân cư có điều kiện thuận lợi thì đầu tư công trình cấp nước tập trung trong xây dựng nông thôn mới bằng hình thức xã hội hóa hoặc đối tác công tư*), UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các Sở, ngành tham mưu hỗ trợ đầu tư các công trình nước sạch bằng nguồn vốn đầu tư có mục tiêu.

- Đối với các công trình có quy mô nhỏ: Hầu hết các địa phương cấp xã có nguồn vốn phân cấp khá thấp nên việc đối ứng các công trình nông thôn mới gặp nhiều hạn chế; để đảm bảo không nợ đọng xây dựng cơ bản, các địa phương chỉ đầu tư vừa đủ tỷ lệ đạt chuẩn. UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở chuyên ngành tiếp tục rà soát trong quá trình tham mưu phân bổ vốn.

UBND tỉnh kính báo cáo, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét./.

(Đính kèm Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình, Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Nơi nhận: (VBĐT)
- Như trên;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Văn phòng Điều phối NTM;
- Lưu: VT, TLe.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Hòa Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA** Số: 90 /BC-UBND	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Khánh Hòa, ngày 27 tháng 3 năm 2024*

BÁO CÁO

Đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 – 2025 đã được ban hành tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 và Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 của HĐND tỉnh về việc ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa quy định mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 của HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của HĐND tỉnh phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 543-KL/TU ngày 06/02/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 11/01/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Báo cáo số 21/BC-BDT ngày 26/3/2024 của Ban Dân tộc (Hội đồng nhân dân tỉnh) về thẩm tra dự thảo nghị quyết điều chỉnh lần 2 chủ trương đầu tư Chương trình

mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 – 2025 đã được ban hành tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 và Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh (viết tắt là Nghị quyết 62, 27) với các nội dung chính sau:

I. CÁC NỘI DUNG KHÔNG THAY ĐỔI SO VỚI NGHỊ QUYẾT 62, 27

Các nội dung đề nghị giữ nguyên gồm:

1. Phần Thông tin Chương trình: Tên Chương trình, Cơ quan chủ quản Chương trình, Đối tượng thụ hưởng, Thời gian thực hiện, Cơ quan đơn vị thực hiện Chương trình.

2. Phần Nội dung chủ yếu của Chương trình: Sự cần thiết đầu tư, Các chi phí có liên quan, Đánh giá tác động của Chương trình, Tổ chức thực hiện.

II. CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH SO VỚI NGHỊ QUYẾT 62,27

1. Mục tiêu Chương trình

- Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 27 như sau: "*1. Mục tiêu: Hỗ trợ vốn đầu tư phát triển để có 72 xã đạt chuẩn nông thôn mới (tăng 23 xã so với Nghị quyết 62/NQ-HĐND) và 32 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (tăng 07 xã so với Nghị quyết 62/NQ-HĐND)*"

đề nghị điều chỉnh thành

"*1. Mục tiêu: Hỗ trợ vốn cho các địa phương thực hiện các nội dung Chương trình nông thôn mới để đến cuối năm 2025 có ít nhất 75/92 xã (80% số xã) đạt chuẩn nông thôn mới, 37/92 xã (40% số xã) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 10/92 xã (10% số xã) đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, không còn xã dưới 15 tiêu chí; các huyện Vạn Ninh, Cam Lâm đạt chuẩn huyện nông thôn mới, huyện Diên Khánh đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao; thành phố Cam Ranh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới*".

Lý do điều chỉnh: Qua rà soát, hầu hết các địa phương đã đăng ký nguồn vốn đầu tư thực hiện Chương trình để đạt chuẩn theo mục tiêu ban hành tại Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 11/01/2021 của Tỉnh ủy, Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 của HĐND tỉnh (*riêng xã Ninh Phước không đăng ký vì dự kiến thực hiện sát nhập xã với xã Ninh Vân, huyện Cam Lâm chưa có nhu cầu vốn đầu tư để cấp huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới, huyện Diên Khánh chưa có nhu cầu vốn đầu tư để đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao)*. Việc điều chỉnh phạm vi thực hiện Chương trình là cần thiết để để đạt mục tiêu Chương trình giai đoạn 2021-2025.

2. Phạm vi thực hiện Chương trình

- Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết 27 có nội dung như sau: "*4. Vốn đầu tư phát triển thực hiện tại 79 xã (tăng 23 xã so với Nghị quyết 62/NQ-HĐND) thuộc 08 huyện, thị xã, thành phố gồm: Vạn Ninh: 10 xã, Ninh Hòa: 17 xã, Nha Trang: 07 xã, Diên Khánh: 16 xã, Cam Lâm: 03 xã, Cam Ranh: 06 xã, Khánh Vĩnh: 13 xã, Khánh Sơn: 07 xã.*"

đề nghị điều chỉnh thành

"4. Vốn đầu tư phát triển thực hiện trên phạm vi toàn bộ 92 xã của Chương trình; các phường, thị trấn liên quan đến mục tiêu đạt chuẩn huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; hỗ trợ theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 – 2025"

Lý do điều chỉnh: Phạm vi thực hiện vốn đầu tư phát triển từ 79 xã thành 92 xã *(100% số xã tham gia Chương trình nông thôn mới)* – tăng 13 xã gồm: Vạn Thạnh, Ninh An, Ninh Thọ, Ninh Phước, Cam Hải Tây, Cam Tân, Cam Hiệp Nam, Cam Hiệp Bắc, Cam Hải Đông, Cam Hòa, Cam Thành Bắc, Cam An Bắc, Cam An Nam; ngoài ra, để đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn cấp huyện cần đầu tư để các phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn ban hành tại các bộ tiêu chí nông thôn mới cấp huyện; đầu tư hỗ trợ các nội dung thành phần thực hiện Chương trình nông thôn mới. Trong quá trình thực hiện, một số xã, huyện thực hiện sát nhập, phát triển thành đô thị sẽ được báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định về việc không tiếp tục thực hiện Chương trình nông thôn mới.

3. Nhu cầu vốn thực hiện Chương trình

Điều chỉnh tổng nguồn vốn thực hiện Chương thành:

Tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình: 1.513.288 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn sự nghiệp kinh tế: 178.930 triệu đồng;

+ Vốn đầu tư phát triển: 1.334.358 triệu đồng.

Nguồn vốn trên đã bao gồm vốn hỗ trợ thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020; Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021.

So với nhu cầu tại Nghị quyết số 62,27, tổng mức đầu tư tăng 428.922 triệu đồng *(từ 1.084.366 triệu đồng lên thành 1.513.288 triệu đồng, chủ yếu do tăng đầu tư các công trình trường học để đạt tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời tăng đầu tư cho giao thông, đầu tư bổ sung để cấp huyện đạt chuẩn)*; vốn NS

cấp tỉnh tăng 202.482 triệu đồng *(từ 541.345 triệu đồng tăng thành 743.827 triệu đồng; trong đó, mức tăng cho trường học đã chiếm 46%)*; vốn NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác tăng 226.440 triệu đồng (*từ 543.021 triệu đồng lên thành 769.461 triệu đồng).*

Các thay đổi so với Nghị quyết 62,27 gồm:

- Nhu cầu vốn sự nghiệp kinh tế tăng 47.380 triệu đồng hỗ trợ thực hiện các nội dung mới thuộc Chương trình NTM ban hành tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính, cụ thể:

+ Chi nâng cao chất lượng đào tạo nghề (Điều 95 TT 55): 14.000 triệu đồng;

+ Chi hỗ trợ điều tra số liệu nông thôn mới (Khoản 7 Điều 4 TT 55): 2.000 triệu đồng;

+ Chi hỗ trợ cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở (Điều 82 TT 55), chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở (Điều 100 TT 55): 7.500 triệu đồng;

+ Chi nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng – xanh – sạch- đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống nông thôn (Điều 103,106 TT 55): 3.000 triệu đồng;

+ Chi hỗ trợ các Chương trình chuyên đề của Chương trình nông thôn mới gồm: Chương trình khoa học công nghệ trong xây dựng nông thôn mới (Điều 93 TT 55); Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới (Điều 94 TT 55); Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn (Điều 108 TT 55); Chương trình Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 (Điều 111 TT 55); Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Điều 120 TT 55) và các nội dung khác tại Thông tư 55/2023/TT-BTC: 20.880 triệu đồng.

- Nhu cầu vốn đầu tư phát triển điều chỉnh tăng 381.542 triệu đồng *(trong đó, vốn NS cấp tỉnh là 155.102 triệu đồng*) bao gồm các nội dung:

+ Bổ sung vốn cho các địa phương là 456.780 triệu đồng *(vốn NS cấp tỉnh là 194.008 triệu đồng).* Trong đó, bổ sung vốn cho các xã chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư tại NQ 62,27 là 134.332 triệu đồng (*vốn NS cấp tỉnh là 54.329 triệu đồng*); bổ sung các công trình qua rà soát tại các xã còn lại là 322.448 triệu đồng (*vốn NS cấp tỉnh là 139.679 triệu đồng);*

+ Điều chỉnh giảm công trình của các xã đã được phê duyệt chủ trương đầu tư do qua rà soát vẫn còn tận dụng được các công trình hiện hữu, đã bố trí nguồn vốn khác thực hiện, điều chỉnh giảm danh mục các trang thiết bị nhà văn hóa, dụng cụ thể dục thể thao và hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở (*không đi kèm đầu tư cơ sở hạ tầng khác*) để sử dụng vốn sự nghiệp kinh tế theo quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC, điều chỉnh giảm do không còn nhu cầu và giảm kinh phí đối ứng của địa phương: TMĐT giảm là 79.175 triệu đồng (vốn NS cấp tỉnh là 40.086 triệu đồng).

+ Điều chỉnh danh mục các công trình *(điều chỉnh tên để phù hợp với quy định chuyên ngành, đảm bảo không tách công trình; điều chỉnh vốn do sai sót trong quá trình tính toán, chênh lệch giữa thực tế triển khai và quy mô ước tính đã được phê duyệt chủ trương đầu tư; điều chỉnh quy mô, hình thức đầu tư do phát sinh các hạng mục mới cần đánh giá khi triển khai thực hiện; điều chỉnh năm thực hiện chủ yếu do các công trình quy hoạch chưa thực hiện xong và một số công trình không hoàn chỉnh kịp thủ tục đầu tư, công trình cần thực hiện trong nhiều năm*): TMĐT điều chỉnh là 3.937 triệu đồng (vốn NS cấp tỉnh là 1.179 triệu đồng).

Tổng hợp các điều chỉnh như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tiêu chí	Số công trình	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
	TỔNG CỘNG		**428.922**	**202.482**	**226.440**	
A	**VỐN SỰ NGHIỆP KINH TẾ**		**47.380**	**47.380**		
	Nâng cao chất lượng đào tạo nghề; hỗ trợ điều tra số liệu nông thôn mới; hỗ trợ hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở; nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng – xanh – sạch- đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống nông thôn; hỗ trợ các Chương trình chuyên đề của Chương trình nông thôn mới gồm: Chương trình khoa học công nghệ trong xây dựng nông thôn mới; Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới; Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn; Chương trình Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025; nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025và các nội dung khác tại Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính.		47.380	47.380		
B	**VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**	**138**	**381.542**	**155.102**	**226.440**	
1	Quy hoạch	8	9.060	0	9.060	
2	Giao thông	46	61.597	31.982	29.615	
3	Thủy lợi	4	2.640	1.849	791	
4	Điện	1	1.800	1.260	540	
5	Trường học	59	247.037	94.921	152.116	
6	Cơ sở vật chất văn hóa	25	44.654	12.748	31.906	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	2	2.049	615	1.434	

8	Hạ tầng thông tin và truyền thông	-3	-1.641	-1.149	-492	
9	Môi trường	-4	-3.650	0	-3.650	
10	Hạ tầng hợp tác xã	-1	-2.004	-1.124	-880	
*	Công trình cấp huyện	1	20.000	14.000	6.000	

Nhu cầu vốn đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tiêu chí	Số công trình	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
	TỔNG CỘNG		**1.513.288**	**743.827**	**769.461**	
A	**VỐN SỰ NGHIỆP KINH TẾ**		**178.930**	**178.930**	**0**	
	Tập huấn, bồi dưỡng nông thôn mới; truyền thông, tuyên truyền; hoạt động Ban Chỉ đạo và cơ quan giúp việc các cấp; hỗ trợ điều tra số liệu NTM; hỗ trợ phát triển sản xuất, thành lập HTX, làng nghề, chương trình OCOP; đào tạo nghề và các nội dung khác tại Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính.		178.930	178.930		
B	**VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**	**844**	**1.334.358**	**564.897**	**769.461**	
I	**Chia theo tiêu chí**	**844**	**1.334.358**	**564.897**	**769.461**	
	Cấp xã	**837**	**1.196.405**	**460.259**	**736.146**	
1	Quy hoạch	76	45.820	0	45.820	
2	Giao thông	371	392.046	210.490	181.557	
3	Thủy lợi và phòng chống thiên tai	100	125.779	56.286	69.493	
4	Điện	2	3.000	1.260	1.740	
5	Trường học	87	384.573	140.069	244.504	
6	Cơ sở vật chất văn hóa	142	176.049	32.233	143.816	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	12	21.395	6.059	15.336	
8	Hạ tầng thông tin và truyền thông	4	3.639	2.547	1.092	

9	Y tế	2	2.050	595	1.455	
10	Hạ tầng khu sản xuất	3	2.668	1.868	800	
11	Môi trường	12	10.704	0	10.704	
12	Nghĩa trang xã	11	12.871	0	12.871	
13	Hỗ trợ theo QĐ 1804	15	15.810	8.852	6.958	
	Cấp huyện	**7**	**137.953**	**104.638**	**33.315**	
III	**Chia theo năm thực hiện**	**844**	**1.334.358**	**564.897**	**769.461**	
1	Năm 2021	91	86.129	21.218	64.911	
2	Năm 2022	83	89.410	37.265	52.145	
3	Năm 2023	232	410.414	186.063	224.351	
4	Năm 2024	289	522.402	228.829	293.573	
5	Năm 2025	149	226.004	91.522	134.482	

(chi tiết theo phụ lục 03, 03a, 04, 04a, 04b, 05, 05a, 05b, 06 đính kèm)

Căn cứ nhu cầu vốn thực tế từng năm, trên cơ sở danh mục các công trình đã được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu phân bổ cho các địa phương thực hiện Chương trình.

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét./.

(Đính kèm các văn bản có liên quan)

Nơi nhận: (VBĐT)
- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Ban Dân tộc HĐND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, NN&PTNT, TC;
- Lưu: VT, TL, TLe.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Hòa Nam

Phụ lục 01:

LỘ TRÌNH ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo số 90/BC-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh)

Stt	Địa phương	Năm đạt chuẩn		
		NTM	*NTM nâng cao*	*NTM kiểu mẫu*
	TỔNG CỘNG *(dự kiến)*	*76 xã và 05 cấp huyện*	*39 xã và 01 cấp huyện*	*11 xã*
I	**Huyện Vạn Ninh**	**2025**		
1	Xã Xuân Sơn	2018		
2	Xã Vạn Lương	2015		
3	Xã Vạn Hưng	2015	2023	
4	Xã Vạn Phú	2018	2022	2025
5	Xã Vạn Bình	2018	2025	
6	Xã Vạn Thắng	2016	2024	
7	Xã Vạn Khánh	2021		
8	Xã Vạn Long	2022		
9	Xã Vạn Phước	2020		
10	Xã Vạn Thọ	2019		
11	Xã Vạn Thạnh	2024		
II	**Thị xã Ninh Hòa**			
1	Xã Ninh Quang	2014	2020	2024
2	Xã Ninh Phụng	2015	2023	
3	Xã Ninh Bình	2017	2023	
4	Xã Ninh Hưng	2017	2023	
5	Xã Ninh Đông	2017	2023	2025
6	Xã Ninh Sim	2020		
7	Xã Ninh Trung	2020		
8	Xã Ninh Xuân	2021		
9	Xã Ninh Thân	2018	2024	
10	Xã Ninh Tân	2019	2024	
11	Xã Ninh Sơn	2020	2024	
12	Xã Ninh Lộc	2021	2025	
13	Xã Ninh Thượng	2024		
14	Xã Ninh Vân	2018		
15	Xã Ninh Phú	2019	2024	
16	Xã Ninh Ích	2020		
17	Xã Ninh Tây	2024		
18	Xã Ninh An	2025		
19	Xã Ninh Thọ	2016	2025	
20	Xã Ninh Phước			
III	**Thành phố Nha Trang**	**2024**		
1	Xã Vĩnh Trung	2015	2024	
2	Xã Vĩnh Thạnh	2015	2023	
3	Xã Vĩnh Hiệp	2014	2022	

Stt	Địa phương	Năm đạt chuẩn		
		NTM	*NTM nâng cao*	*NTM kiểu mẫu*
5	Xã Vĩnh Phương	2016	2020	2025
6	Xã Vĩnh Ngọc	2014		
7	Xã Phước Đồng	2016		
IV	**Huyện Diên Khánh**	**2023**	**2025**	
1	Xã Diên Điền	2016	2021	2025
2	Xã Diên Hòa	2017	2024	
3	Xã Diên Toàn	2017		
4	Xã Suối Tiên	2019		
5	Xã Diên Thạnh	2018		
6	Xã Bình Lộc	2020		
7	Xã Diên Xuân	2023		
8	Xã Diên Tân	2021		
9	Xã Diên Đồng	2022		
10	Xã Diên An	2014	2021	2025
11	Xã Diên Sơn	2015	2023	
12	Xã Diên Phước	2014	2022	2025
13	Xã Diên Lạc	2014	2022	2025
14	Xã Diên Phú	2014	2023	
15	Xã Diên Thọ	2015	2024	
16	Xã Diên Lâm	2015		
V	**Huyện Cam Lâm**	**2025**		
1	Xã Cam Hải Tây	2014	2021	2025
2	Xã Cam Tân	2015	2024	
3	Xã Cam Hiệp Nam	2015	2025	
4	Xã Cam Hiệp Bắc	2017		
5	Xã Cam Hải Đông	2016	2024	
6	Xã Cam Phước Tây	2023		
7	Xã Cam Hòa	2017	2025	
8	Xã Suối Cát	2021	2025	
9	Xã Cam Thành Bắc	2019	2021	2025
10	Xã Cam An Bắc	2018		
11	Xã Cam An Nam	2020		
12	Xã Sơn Tân	2024		
VI	**Thành phố Cam Ranh**	**2025**		
1	Xã Cam Bình	2014	2025	
2	Xã Cam Thịnh Đông	2015	2023	2025
3	Xã Cam Phước Đông	2025		
4	Xã Cam Lập	2015	2024	
5	Xã Cam Thịnh Tây	2025		
6	Xã Cam Thành Nam	2014	2025	
VII	**Huyện Khánh Vĩnh**			
1	Xã Sông Cầu	2019	2025	
2	Xã Khánh Đông	2025		

Stt	Địa phương	Năm đạt chuẩn		
		NTM	*NTM nâng cao*	*NTM kiểu mẫu*
4	Xã Khánh Thượng			
5	Xã Liên Sang			
6	Xã Khánh Thành			
7	Xã Khánh Phú			
8	Xã Khánh Nam			
9	Xã Khánh Trung			
10	Xã Khánh Hiệp			
11	Xã Khánh Bình	2025		
12	Xã Cầu Bà			
13	Xã Sơn Thái			
VIII	**Huyện Khánh Sơn**			
1	Xã Thành Sơn			
2	Xã Sơn Lâm			
3	Xã Sơn Bình	2024		
4	Xã Sơn Hiệp	2025		
5	Xã Sơn Trung			
6	Xã Ba Cụm Bắc			
7	Xã Ba Cụm Nam			

Phụ lục 02:

DANH SÁCH CÁC ĐỊA PHƯƠNG BỔ SUNG SO VỚI NGHỊ QUYẾT SỐ 62/NQ-HĐND NGÀY 22/8/2022 VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 27/NQ-HĐND NGÀY 21/7/2023 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

(Kèm theo Báo cáo số 90/BC-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh)

Stt	Địa phương	Ghi chú
A	**DANH SÁCH XÃ ĐẠT CHUẨN NTM BỔ SUNG**	*Tăng 04 xã (từ 72 lên 76 xã)*
1	Xã Vạn Thạnh	
2	Xã Ninh An	
3	Xã Sơn Hiệp	
4	Xã Khánh Bình	
B	**DANH SÁCH XÃ ĐẠT CHUẨN NTM NÂNG CAO BỔ SUNG**	Tăng 07 xã (từ 32 lên 39 xã)
1	Xã Ninh Thọ	
2	Xã Cam Hải Tây	
3	Xã Cam Tân	
4	Xã Cam Hiệp Nam	
5	Xã Cam Hải Đông	
6	Xã Cam Hòa	
7	Xã Cam Thành Bắc	
C	**DANH SÁCH XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU BỔ SUNG**	*Tăng 04 xã (từ 07 xã lên 11 xã)*
1	Xã Vạn Phú	
2	Xã Diên Lạc	
3	Xã Cam Hải Tây	
4	Xã Cam Thành Bắc	
D	**CẤP HUYỆN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI**	*Tăng 02 huyện (từ 01 huyện Diên Khánh lên thành 03 huyện)*
1	Huyện Vạn Ninh	
2	Huyện Cam Lâm	
E	**THÀNH PHỐ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**	
1	Thành phố Nha Trang	
2	Thành phố Cam Ranh	
F	**CẤP HUYỆN ĐẠT CHUẨN HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO**	
1	Huyện Diên Khánh	

** Huyện Cam Lâm chưa đăng ký nhu cầu vốn để huyện đạt chuẩn NTM, huyện Diên Khánh chưa đăng ký nhu cầu để huyện đạt chuẩn NTM nâng cao*

Phụ lục 03:

TỔNG HỢP NHU CẦU BỔ SUNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH NTM

(Kèm theo Báo cáo số 90 /BC-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Số lượng công trình	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác
	TỔNG CỘNG		**456.780**	**194.008**	**262.772**
A	**CHIA THEO TIÊU CHÍ**	**203**	**456.780**	**194.008**	**262.772**
1	Quy hoạch	8	6.180	0	6.180
2	Giao thông	82	98.840	57.375	41.465
3	Thủy lợi	11	12.646	8.852	3.794
4	Điện	1	1.800	1.260	540
5	Trường học	61	258.614	98.094	160.520
6	Cơ sở vật chất văn hóa	36	55.450	13.452	41.998
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	3	3.250	975	2.275
*	Hạ tầng cấp huyện	1	20.000	14.000	6.000
B	**CHIA THEO ĐỊA PHƯƠNG**	**203**	**456.780**	**194.008**	**262.772**
1	Vạn Ninh	13	43.614	21.984	21.630
2	Ninh Hòa	137	285.216	100.059	185.157
3	Cam Lâm	40	75.550	31.895	43.655
4	Cam Ranh	2	2.400	1.680	720
5	Khánh Vĩnh	10	45.000	33.390	11.610
6	Khánh Sơn	1	5.000	5.000	0
C	**CHIA THEO NĂM**	**203**	**456.780**	**194.008**	**262.772**
1	Năm 2024	110	265.117	122.948	142.169
2	Năm 2025	81	147.014	55.415	91.598
*	Đầu tư theo tiến độ (2024-2025)	12	44.650	15.645	29.005

lục 03a:

DANH MỤC VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BỔ SUNG SO VỚI NGHỊ QUYẾT SỐ 62/NQ-HĐND NGÀY 22/8/2022, NGHỊ QUYẾT SỐ 27/NQ-HĐND NGÀY 21/7/2023 CỦA HĐND TỈNH

(Kèm theo Báo cáo số 90 /BC-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
TỔNG CỘNG		***456.780***	***194.008***	***262.772***				
HUYỆN VẠN NINH		**43.614**	**21.984**	**21.630**				
Chợ Trung tâm huyện Vạn Ninh	2024	20.000	14.000	6.000	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư Chợ Trung tâm huyện đạt chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm với quy mô diện tích khoảng 14.000 m²	
Xã Vạn Thạnh		***5.400***	***2.340***	***3.060***				
Hệ thống lưới điện nông thôn		*1.800*	*1.260*	*540*				
Đầu tư hệ thống điện cho các thôn Ninh Đảo, Ninh Tân, Điệp Sơn	2024	1.800	1.260	540	Đầu tư mới		Bổ sung máy phát điện chạy dầu, lắp đặt hệ thống đường dây điện và xây dựng trạm đặt máy phát cho các thôn Ninh Đảo, Ninh Tân, Điệp Sơn	
Trường học		*3.600*	*1.080*	*2.520*				
Cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Vạn Thạnh	2024	1.200	360	840	Cải tạo, sửa chữa		Cải tạo, sửa chữa Khu hiệu bộ; Khu nhà vệ sinh cán bộ, giáo viên; Khối 3 phòng học; Khối 5 phòng học; Cổng tường rào	
Cải tạo, sửa chữa trường Tiểu học Vạn Thạnh 2	2024	1.200	360	840	Cải tạo, sửa chữa		Cải tạo, sửa chữa Khu hiệu bộ; Khu nhà vệ sinh cán bộ, giáo viên; Khối phòng học và thư viện; Cổng tường rào của điểm Khải Lương	
Cải tạo, sửa chữa trường TH và THCS Vạn Thạnh	2024	1.200	360	840	Cải tạo, sửa chữa		Cải tạo, sửa chữa Khu hiệu bộ; Khu nhà vệ sinh cán bộ, giáo viên; 11 phòng học	
Xã Vạn Thắng		***5.200***	***2.040***	***3.160***				
Giao thông		*1.200*	*840*	*360*				
Đèn chiếu sáng, biển báo, biển chỉ dẫn các trục đường xã	2024	1.200	840	360	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư bổ sung hệ thống điện chiếu sáng, biển báo, biển chỉ dẫn trên các trục đường xã	
Cơ sở vật chất văn hóa		*4.000*	*1.200*	*2.800*				
Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã (hạng mục: trung tâm thể dục - thể thao)	2024	4.000	1.200	2.800	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư Khu thể thao xã với diện tích khoảng 20.000 m²	
Vạn Bình		***6.100***	***1.530***	***4.570***				
Cơ sở vật chất văn hóa		*5.000*	*1.200*	*3.800*				
Trung tâm văn hóa - thể thao xã (Hạng mục Hội trường nhà văn hóa)	2024	4.000	1.200	2.800	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư xây dựng Hội trường đa năng có sức chứa 250 chỗ ngồi; các trang thiết bị phục vụ hoạt động văn hóa, văn nghệ; hệ thống wifi Parabol công cộng trong khuôn viên Trung tâm Văn hóa thể thao xã	
Xây dựng điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em, người cao tuổi ở 5 thôn	2024	1.000		1.000	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư các trang thiết bị thể dục, thể thao, giải trí phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi tại 05 thôn	
Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		*1.100*	*330*	*770*				
Sửa chữa, nâng cấp chợ Trung Dõng	2024	1.100	330	770	Sửa chữa, nâng cấp	QH sử dụng đất	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp chợ đảm bảo các tiêu chí của chợ kinh doanh thực phẩm (gồm: sửa chữa, mở rộng Nhà lồng chợ, nâng nền bê tông khuôn viên chợ, hệ thống thoát nước và điện chiếu sáng....)	
Xã Vạn Phú		***5.564***	***1.669***	***3.895***				
Trường học		*5.564*	*1.669*	*3.895*				
Trường THCS Mê Linh	2024	5.564	1.669	3.895	Nâng cấp, sửa chữa	QH sử dụng đất	- Đầu tư cải tạo, sửa chữa khối hành chính quản trị, khối nhà lớp học, khối hỗ trợ học tập, khối phụ trợ, mái che khu tập thể dục của học sinh, cổng tường rào; - Xây mới phòng học môn Mỹ thuật, phòng học môn Khoa học xã hội, môn Khoa học tự nhiên; - Sửa chữa, mua sắm mới trang thiết bị bàn ghế phục vụ giảng dạy, học tập	

	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
	Xã Vạn Lương		***1.200***	***360***	***840***				
	Cơ sở vật chất văn hóa		*1.200*	*360*	*840*				
1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã. Hạng mục: Khu thể thao xã	2024	1.200	360	840	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Xây dựng cổng, tường rào, nâng nền khu thể thao xã với diện tích khoảng 3.800 m²	
	Xã Vạn Thọ		***150***	***45***	***105***				
	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		*150*	*45*	*105*				
1	Sửa chữa, nâng cấp chợ Cồ Mã	2024	150	45	105	Nâng cấp, sửa chữa	QH sử dụng đất	Đầu tư sửa chữa bố trí các điểm kinh doanh, xây dựng nhà vệ sinh, khu để xe trong khuôn viên chợ	
	THỊ XÃ NINH HÒA		**285.216**	**100.059**	**185.157**				
	Xã Ninh Tây		***5.727***	***1.718***	***4.009***				
	Trường học		*5.727*	*1.718*	*4.009*				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Tây (Hạng mục: công trình phụ trợ, hệ thống PCCC)	2024	3.387	1.016	2.371	Xây dựng mới		- Công trình phụ trợ: tường rào, hố thu gom rác thải tại 04 điểm trường - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC tại điểm trường chính.	
2	Xây dựng Trường TH&THCS Ninh Tây (Hạng mục: Nhà vệ sinh, hệ thống PCCC)	2024	2.340	702	1.638	Xây dựng mới		- Nhà vệ sinh giáo viên, nhà vệ sinh học sinh - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
	Xã Ninh Thượng		***9.421***	***2.256***	***7.165***				
	Trường học		*7.521*	*2.256*	*5.265*				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Thượng (Hạng mục: Phòng học, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2024	6.428	1.928	4.500	Xây dựng mới		- Khối phòng học: 03 phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường THCS Ngô Thì Nhậm (Hạng mục: tường rào)	2024	1.093	328	765	Xây dựng mới		- Xây dựng tường rào.	
	Cơ sở vật chất văn hóa		*1.900*		*1.900*				
1	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Tân Hiệp	2024	1.200		1.200	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Diện tích khoảng 140 m2	
2	Khu thể thao thôn 1	2024	700		700	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	San lấp mặt bằng, xây dựng tường rào	
	Xã Ninh Phú		***8.005***	***2.221***	***5.783***				
	Cơ sở vật chất văn hóa		*600*		*600*				
1	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Hội Phú Nam (Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100		100	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
2	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Hội Phú Bắc 2 (Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100		100	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
3	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Hội Điền (Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100		100	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
4	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Tiên Du 1 (Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100		100	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
5	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Tiên Du 2 (Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100		100	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
6	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Lệ Cam (Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100		100	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
	Trường học		*7.405*	*2.221*	*5.183*				
	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Phú (Hạng mục: Phòng học, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2024	3.845	1.153	2.691	Đầu tư mới		- Khối phòng học: 01 phòng học. - Công trình phụ trợ: tường rào - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Phú (Hạng mục: Nhà vệ sinh, hệ thống thiết bị PCCC)	2024	2.060	618	1.442	Đầu tư mới		- Nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
	Xây dựng Trường THCS Trương Định (Hạng mục: Hệ thống thiết bị PCCC)	2024	1.500	450	1.050	Đầu tư mới		- Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	

Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
Xã Ninh Sơn		***19.467***	***7.739***	***11.729***				
Quy hoạch		*700*		*700*				
Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã	2024	700		700				
Giao thông		*6.916*	*4.183*	*2.733*				
Đường BTXM thôn 1, xã Ninh Sơn đoạn từ Tỉnh Lộ 7 đến trường mầm non Ninh Sơn	2024	1.190	833	357	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 380 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 1m	
Đường BTXM thôn 4, xã Ninh Sơn đoạn nhà ông Lân đến nhà ông Thành	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 420 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m	
Đường BTXM thôn 5, xã Ninh Sơn đoạn nhà bà Hương đến nhà ông Thọ	2024	1.190	833	357	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 410 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m	
Đường BTXM thôn 5 đoạn từ TL7 đến cầu máng Kênh Tây.	2024	900	630	270	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 309 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m	
Đường BTXM thôn 5 đoạn từ TL7 đến nhà ông Phùng Tiếp.	2024	306	214	92	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 105 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m	
Đường BTXM thôn 2, xã Ninh Sơn , đoạn từ nhà ông Phạm Thái Phúc đến nhà ông Phạm Mỹ	2024	460		460	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 190 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m	
Đường BTXM thôn 4, xã Ninh Sơn, đoạn từ nhà ông Giang đến nhà ông Tuấn	2024	480		480	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 184 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m	
Đường nội đồng thôn 4, đoạn từ TL7 đến đất ông Khoa.	2024	680	476	204	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	- Chiều dài khoảng: 390 m. - Mặt đường rộng 3m đá dăm nước dày 15cm. - Nền đường rộng 4m. Lề mỗi bên rộng: 0,5m x 2 bên = 1m.	
Đường nội đồng thôn 4, đoạn từ đất ông Lương đến đất ông Phi.	2024	510	357	153	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	- Chiều dài khoảng: 340 m. - Mặt đường rộng 3m đá dăm nước dày 15cm. - Nền đường rộng 4m. Lề mỗi bên rộng: 0,5m x 2 bên = 1m.	
Trường học		*11.851*	*3.555*	*8.296*				
Xây dựng Trường Mầm non Ninh Sơn	2024	2.829	849	1.980	Xây dựng mới		- Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống PCCC.	
Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Sơn	2024	4.967	1.490	3.477	Xây dựng mới		- Xây dựng phòng học. - Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống PCCC.	
Xây dựng Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	2024	4.055	1.217	2.839	Xây dựng mới		- Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ.	
Xã Ninh Thân		***26.935***	***8.021***	***18.915***				
Quy hoạch		*600*		*600*				
Quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	2024	600		600				
Giao thông		*2.400*	*840*	*1.560*				
Đường trục thôn Nhĩ Sự, đoạn từ cầu bà Tớn đến nhà ông Tỵ và nhánh rẽ	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH xây dựng xã	BTXM, dài khoảng 670m, mặt đường 3m, nền 4m	
Đường trục xóm Nhĩ Sự (Nhà ông Trúc đến giếng làng)	2024	1.200		1.200	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	BTXM, dài khoảng 550m, mặt đường 3m, nền 4m	

	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
	Trường học		*23.935*	*7.181*	*16.755*				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Thân	2024	8.342	2.503	5.839	Xây dựng mới		- Xây dựng khối 04 phòng học. - Khối phòng hành chính quản trị. - Các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Thân	2024	7.203	2.161	5.042	Xây dựng mới		- Xây dựng 04 phòng học. - Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
3	Xây dựng Trường THCS Phạm Hồng Thái	2024	8.391	2.517	5.873	Xây dựng mới		- Xây dựng 05 phòng học. - Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
	Xã Ninh Tân		***35.312***	***11.574***	***23.739***				
	Quy hoạch		*1.000*		*1.000*				
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã (tỷ lệ 1/500)	2024	1.000		1.000				
	Giao thông		*3.900*	*2.450*	*1.450*				
1	Đường từ ngã ba trại yến đến đất ông Công	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM dài khoảng 529m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	
1	Đường nối tuyến M và L	2024	400		400	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	L khoảng 200m, mặt BTXM 3,5m nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	
1	Đường từ đất Ông Say đến Tuyến 1400	2024	2.500	1.750	750	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	BTXM, dài khoảng 1.365m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	
	Trường học		*27.912*	*8.374*	*19.539*				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Tân	2024	7.893	2.368	5.525	Xây dựng mới		- Xây dựng 04 phòng học. - Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường TH&THCS Ninh Tân	2024	20.020	6.006	14.014	Xây dựng mới		- Xây dựng 14 phòng học. - Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
	Cơ sở vật chất văn hóa		*500*	*150*	*350*				
1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã (Hạng mục: Nâng cấp, sửa chữa)	2024	500	150	350	Nâng cấp, sửa chữa	QH Nông thôn mới	Sửa chữa: hệ thống dụng cụ ngoài trời, sân cầu lông; sơn sửa: sân khấu và nâng nền trung tâm văn hóa.	
	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		*2.000*	*600*	*1.400*				
1	Chợ xã Ninh Tân	2024	2.000	600	1.400	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Cứng hóa nền chợ, xây dựng các công trình phụ trợ và 5 kiot	
	Xã Ninh Quang		***23.105***	***8.991***	***14.113***				
	Giao thông		*4.000*	*2.800*	*1.200*				
1	Đoạn BTXM từ đồng Mã Vôi cầu Từ đến giáp đường bê tông	2024	4.000	2.800	1.200	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	BTXM, chiều dài khoảng 1.503,37m; nền đường rộng 6m; mặt đường 3,0m, lề đường 1,5m mỗi bên	
	Thủy lợi và phòng chống thiên tai		*1.150*	*805*	*345*				
1	Tuyến mương BTXM từ nhà ông Nhẽ đến sông Bầu Nổi, thôn Thạnh Mỹ	2024	1.150	805	345	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	BTXM, chiều dài khoảng 425,61m, rộng 0,9 m	
	Trường học		*13.955*	*4.186*	*9.768*				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Quang	2024	1.986	596	1.390	Xây dựng mới		- Xây dựng phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Cải tạo hệ thống PCCC.	

Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Quang	2024	8.587	2.576	6.011	Xây dựng mới		- Xây dựng phòng học. - Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Cải tạo hệ thống PCCC.	
Xây dựng Trường THCS Quang Trung	2024	3.382	1.015	2.368	Xây dựng mới		- Xây dựng phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Cải tạo hệ thống PCCC.	
Cơ sở vật chất văn hóa		*4.000*	*1.200*	*2.800*				
Trung tâm văn hóa thể thao xã (Hạng mục: Sân bóng đá mini, Sân cầu lông, có mái che; Sân bóng chuyền; Nhà điều hành, nhà vệ sinh)	*2024*	*4.000*	*1.200*	*2.800*	*Xây dựng mới*	*QH Nông thôn mới*	*- Sân bóng đá mini: S = 1.925m2; Hệ thống điện chiếu sáng sân bóng và các công trình phụ trợ;* *- Sân cầu lông có mái che: Diện tích 320m2:* *- Sân bóng chuyền: Diện tích 286m2;* *- Nhà điều hành và nhà vệ sinh: Tổng diện tích 141,01m2: Bố trí 2 khu vệ sinh cho nam và nữ* *- Các công trình phụ trợ*	
Xã Ninh Đông		***15.318***	***5.216***	***10.101***				
Quy hoạch		*1.050*		*1.050*				
Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã	2024	1.050		1.050				
Giao thông		*1.180*	*826*	*354*				
Đường nhà bà Hàng Thị Hồng đến cống mương rút Phú Nghĩa	2024	1.180	826	354	Nâng cấp, sửa chữa	QH Nông thôn mới	Mặt BTXM 3,5 m, dài khoảng 700m	
Thủy lợi và phòng chống thiên tai		*1.160*	*812*	*348*				
Kiên cố hóa kênh Gắn Thượng	2024	1.160	812	348	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Mương BTXM, KT 1mx1m, thành 15cm, dài khoảng 470m	
Trường học		*10.788*	*3.236*	*7.551*				
Xây dựng Trường Mầm non Ninh Đông (Hạng mục: phòng học, phòng bộ môn)	2025	3.226	968	2.258	Xây dựng mới		- Xây dựng 02 phòng học - Xây dựng 02 phòng bộ môn: 01 phòng nghệ thuật, 01 phòng tin học	
Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Đông (Hạng mục: phòng đa chức năng, công trình phụ trợ)	2025	2.660	798	1.862	Xây dựng mới		- Xây dựng 01 phòng đa chức năng. - Xây dựng công trình phụ trợ: 01 nhà vệ sinh học sinh.	
Xây dựng Trường THCS Trần Quang Khải (Hạng mục: phòng học bộ môn, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	4.902	1.471	3.431	Xây dựng mới		- Xây dựng 01 phòng Tin học, 01 phòng Âm nhạc, 01 phòng Khoa học Tự nhiên, 01 phòng Khoa học xã hội. - Xây dựng công trình phụ trợ: 01 nhà kho, 01 nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
Cơ sở vật chất văn hóa		*1.140*	*342*	*798*				
Trung tâm văn hóa thể thao xã (Hạng mục: Sân khấu ngoài trời)	2024	1.140	342	798	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Dện tích 100 m2, có sân khấu chính và nhà vệ sinh	
Xã Ninh Lộc		***12.000***	***4.215***	***7.785***				
Quy hoạch		*1.000*		*1.000*				
Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã	2024	1.000		1.000				
Giao thông		*3.888*	*1.322*	*2.566*				
Tuyến đường thôn, liên thôn Đoạn từ nhà ông Trịnh Duy Phong đến nhà bà Huỳnh Thị Phụng	2024	860	602	258	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	BTXM mặt đường 3,5m nền đường 4 - 5m dài khoảng 429m	
Đoạn từ đất ông Hồ Công Anh đến ruộng ông Trịnh Văn Cúc	2025	735		735	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	BTXM mặt đường 3,5m nền đường 4 - 5m dài khoảng 339m	
Đoạn từ nhà bà Nguyễn Thị Thu Thảo đến nhà bà Lê Thị Hiến + đoạn nhà Trần Quốc Dũng đến nhà ông Phan Long	2025	475		475	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	BTXM mặt đường 3,5m nền đường 4 - 5m dài khoảng 237m	

Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
Đoạn từ nhà ông Nguyễn Thanh Phương đến nhà ông Nguyễn Văn Khoa	2025	790		790	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	BTXM mặt đường 3,5m nền đường 4 - 5m dài khoảng 252m	
Đường nội đồng từ ruộng ông Võ Bình (Đường TTHC xã) đến ruộng ông Nguyễn Chất (Đường quy hoạch giao thông mới)	2025	1.028	720	308	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	BTXM mặt đường 3,5m nền đường 4 - 5m dài khoảng 514m	
Thủy lợi và phòng chống thiên tai		*1.900*	*1.330*	*570*				
Kiên cố hóa kênh mương Cầu Quế Thôn Tân-Vạn Khê	2025	1.200	840	360	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Kiên cố hóa mương BTXM dài khoảng 900m	
Kênh mương Ông Thang thôn Ninh Đức từ mương Bà Ba tới Mương Bà Cộ	2025	700	490	210	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Kiên cố hóa mương BTXM dài khoảng 350m	
Trường học		*5.212*	*1.564*	*3.648*				
Xây dựng Trường Mầm non Ninh Lộc (Hạng mục: phòng học, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.575	773	1.803	Xây dựng mới		- Xây dựng 01 phòng học. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Lộc (Hạng mục: phòng thiết bị)	2025	470	141	329	Xây dựng mới		- Xây dựng 01 phòng thiết bị	
Xây dựng Trường THCS Lê Thánh Tông (Hạng mục: phòng thiết bị, phòng nghỉ giáo viên, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.166	650	1.516	Xây dựng mới		- Xây dựng 01 phòng thiết bị, 01 phòng nghỉ giáo viên. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
Xã Ninh Thọ		***33.430***	***13.715***	***19.715***				
Quy hoạch		*680*		*680*				
Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa	2024	259		259	Điều Chỉnh	Nông thôn mới	2,865 ha	
Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn	2024	421		421	Xây dựng mới	Nông thôn mới	50ha	
Giao thông		*6.722*	*3.945*	*2.777*				
Đường Bình Sơn 4 (Bộ), đoạn từ tỉnh lộ 7 đến Bình Sơn 2	2025	484	339	145	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 255m; nền 3m; mặt 2,5m	
Đường Xuân Mỹ 2, đoạn từ nhà ông rơi đến xóm bà Dùng	2025	1.500	1.050	450	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 672m; nền 3,5m; mặt 3 m	
Đường BTXM Lạc Bình-Xuân Mỹ, đoạn từ BTXM Lạc Bình đến cống đìa ông Chúng	2025	1.600	1.120	480	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 852m; nền 5,5m; mặt 3,5m	
Đường xóm ông Ân, đoạn đường BTXM nhà ông Vũ đến giáp đường đất	2025	260		260	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 161m; nền 3m; mặt 2,5m	
Đường xóm Đồn, đoạn từ nhà ông Thời đến đồng ruộng	2025	290		290	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 100m; nền 3m; mặt 2,5 m	
Đường xóm nhà ông Thúc, đoạn từ BTXM nhà ông Khánh đến đồng ruộng	2025	536		536	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 233m; nền 3,5m; mặt 2,5 m	
Đường Lạc An đi Ninh Điền, đoạn từ Cống đến khu mũi dùi	2025	1.000	700	300	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 246m; nền 4,5m; mặt 3,5 m	
Đường Xuân Phong 1, đoạn từ quốc lộ 1A đến đường Xuân Phong	2025	1.052	736	316	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 440m; nền 3,5m; mặt 2,5 m	
Thủy lợi và phòng chống thiên tai		*7.236*	*5.065*	*2.171*				
Mương đồng Vui	2025	1.152	806	346	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 540m; 0,5m x 0,6m	
Nhánh N3-5 Mũi Dùi	2025	1.240	868	372	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 500m; 0,6m x 0,6m	
Nhánh N3- Ô.Khanh	2025	1.240	868	372	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 500m; 0,6m x 0,6m	

Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
Mương N3-7A	2025	1.252	876	376	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 550m; 0,6m x 0,6m	
Mương Đồng Trong	2025	1.252	876	376	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 500m; 0,6m x 0,6m	
Mương Bảy Bình	2025	1.100	770	330	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 500m; 0,6m x 0,7m	
Trường học		*10.482*	*3.145*	*7.338*				
Xây dựng Trường Mầm non Ninh Thọ (Hạng mục: phòng học, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.575	773	1.803	Xây dựng mới		- Xây dựng 01 phòng học. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Thọ (Hạng mục: công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.060	618	1.442	Xây dựng mới		- Xây dựng công trình phụ trợ: 01 nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
Xây dựng Trường THCS Nguyễn Tri Phương (Hạng mục: khối hành chính quản trị, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	5.847	1.754	4.093	Xây dựng mới		- Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà vệ sinh giáo viên. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
Cơ sở vật chất văn hóa		*8.310*	*1.560*	*6.750*				
Trung tâm văn hóa thể thao xã Ninh Thọ	2025	5.200	1.560	3.640	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Công tường rào dài khoảng 490m, tường xây gạch lắp khung sắt và kéo lưới B40; Sân khấu lộ thiên khoảng 150m2 nền sân lát gạch và xây dựng 2 phòng thay đồ nam nữ; Nhà vệ sinh khoảng 10,85m2 kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch; Sân bóng đá cỏ nhân tạo diện tích khoảng 1175m2, nền lát cỏ, khung lưới bao che toàn bộ; Nhà đa năng khoảng 350m2 kết cấu tường xây gạch, kết cấu chính BTCT, mái lợp tôn, nền lát gạch, sân bóng chuyền khoảng 81,74m2 nền đổ bê tông; Lắp đặt hệ thống điện, dụng cụ thể dục thể thao; Sửa chữa sơn sửa hạng mục Nhà văn hóa thiếu nhi hiện có.	
Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Lạc An (Hạng mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao, xây dựng nhà vệ sinh)	2025	1.150		1.150	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đổ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao. Nhà vệ sinh 10,85m2 kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch, sơn tường nhà văn hóa	
Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Chánh Thanh (Hạng mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao, xây dựng nhà vệ sinh)	2025	500		500	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đổ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao. Nhà vệ sinh 10,85m2 kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch, sơn tường nhà văn hóa	
Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Ninh Điền (Hạng mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2025	300		300	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đổ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao, sơn tường nhà văn hóa	
Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Lạc Ninh (Hạng mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao, xây dựng nhà vệ sinh)	2025	300		300	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đổ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao. Nhà vệ sinh 10,85m2 kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch	
Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Bình Sơn (Hạng mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao, xây dựng nhà vệ sinh)	2025	400		400	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đổ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao. Nhà vệ sinh khoảng 10,85m2 kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch	
Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Xuân Phong (Hạng mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao, xây dựng nhà vệ sinh)	2025	460		460	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đổ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao. Nhà vệ sinh khoảng 10,85m2 kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch	
Xã Ninh An		***25.652***	***9.049***	***16.603***				
Quy hoạch		*1.150*		*1.150*				
Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2024	1.150		1.150				
Giao thông		*15.534*	*6.359*	*9.175*				
Đường từ nhà ông Gặp đến nhà ông Minh	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 650m; nền đường 4m; mặt BTXM 3m, lề mỗi bên 0.5m	
Đường từ nhà ông Bình đến kênh N4	2024	1.214	850	364	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 635m, nền đường 3,5m, mặt BTXM 2.5m, lề mỗi bên 0,5m	
Đường từ nhà ông Tường đến bến đĩa	2024	1.250	875	375	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 680m, nền đường 3,5m, mặt BTXM 2.5m, lề mỗi bên 0.5m	

Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
Đường từ nhà ông Hạnh đến giáp thôn 3, xã Ninh Sơn	2024	840	588	252	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 350m, nền đường 3,5m, mặt BTXM 2,5m, lề mỗi bên 0,5m	
Đường từ nhà ông Thành đến trường tiểu học thôn Lạc Hoà	2024	1.150	805	345	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 650m, mặt đường 4m, mặt BTXM: 3m; lề 0,5m mỗi bên	
Đường từ nhà ông Thanh đến Gò Muồn	2024	1.100		1.100	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 630m, Nền đường 3,5m, mặt BTXM 2,5m, lề mỗi bên 0,5m	
Đường từ nhà ông Tráng đi Hòn Chồn	2024	1.200		1.200	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 550m, nền đường 4m, mặt BTXM 3m, lề mỗi bên 0,5m	
Đường từ nhà ông Lực đến trường tiểu học thôn Sơn Lộc	2024	1.050		1.050	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 580m, mặt đường 3,5m, mặt BTXM: 2,5; lề 0,5m mỗi bên	
Đường từ nhà bà Lệ đến nhà ông Đức	2024	1.100		1.100	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 594m, mặt đường 3,5m, mặt BTXM: 2,5; lề 0,5m mỗi bên	
Đường từ nhà ông Thành đến nhà ông Chinh	2024	1.000		1.000	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 560m, mặt đường 3,5m, mặt BTXM: 2,5; lề 0,5m mỗi bên	
Đường từ nhà ông Cường đến nhà ông Phương	2024	1.000		1.000	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 550m, mặt đường 4m, mặt BTXM: 3m; lề 0,5m mỗi bên	
Đường từ Hộc Điền đến cây Gũ	2024	730	511	219	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 380m, nền đường 3,5m, mặt BTXM 2,5m, lề mỗi bên 0,5m	
Đường từ nhà 7 xị đến giáp Hoà Thiện 1	2024	900	630	270	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 350m, nền đường 4m, mặt BTXM 3m, lề mỗi bên 0,5m	
Đường từ kênh N4 đến đồng Bùi Tiến Đức	2024	700	490	210	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 370m, nền đường 3,5m, mặt BTXM 2,5m, lề mỗi bên 0,5m	
Đường BTXM từ mương N4 đến nhà ông Bi	2024	1.100	770	330	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 550m, mặt đường 3,5m, mặt BTXM: 2,5m; lề 0,5m mỗi bên	
Trường học		*5.268*	*1.580*	*3.688*				
Xây dựng Trường Mầm non Ninh An (Hạng mục: công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.268	680	1.588	Xây dựng mới		- Xây dựng công trình phụ trợ: 03 nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
Xây dựng Trường Tiểu học Ninh An (Hạng mục: hệ thống thiết bị PCCC)	2025	1.500	450	1.050	Xây dựng mới		- Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
Xây dựng Trường THCS Phạm Ngũ Lão (Hạng mục: hệ thống thiết bị PCCC)	2025	1.500	450	1.050	Xây dựng mới		- Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
Cơ sở vật chất văn hóa		*3.700*	*1.110*	*2.590*				
Trung tâm văn hoá thể thao xã	2024	3.700	1.110	2.590	Xây dựng mới	Sử dụng đất	Nhà đa năng sân thể thao, sân thể thao mi ni, nhà bảo vệ, nhà để xe, nhà vệ sinh, hệ thống điện, hệ thống nước, sân Bê tông, bồn hoa, sân khấu	
Xã Ninh Vân		***16.676***	***5.923***	***10.753***				
Giao thông		*2.300*	*1.610*	*690*				
Đường BTXM đoạn từ đường số 11 đến đường số 1	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Quy hoạch sử dụng đất, bổ sung khi lập điều chỉnh quy hoạch	Chiều dài khoảng 350m, Nền đường 6m, mặt BTXM 3,5m, lề mỗi bên 1,25m	
Đường BTXM đoạn từ nhà ông Lê Phú Vân đến đường số 1	2024	1.100	770	330	Xây dựng mới	Quy hoạch sử dụng đất, bổ sung khi lập điều chỉnh quy hoạch	Chiều dài khoảng 290m, Nền đường 6m, mặt BTXM 3,5m, lề mỗi bên 1,25m	
Trường học		*8.476*	*2.543*	*5.933*				
Xây dựng Trường Mầm non Ninh Vân	2024	1.379	414	965	Xây dựng mới		- Xây dựng các công trình phụ trợ.	
Xây dựng Trường TH&THCS Ninh Vân	2024	7.097	2.129	4.968	Xây dựng mới		- Xây dựng phòng học tại điểm chính và điểm phụ. - Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống PCCC.	
Cơ sở vật chất văn hóa		*5.900*	*1.770*	*4.130*				

Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Ninh Vân (Hạng mục: Khán đài diện tích 75,6m2 (gồm phòng thay đồ, phòng điều hành, khu vệ sinh), cổng phụ, điện chiếu sáng. Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	900	270	630	Nâng cấp	Nông thôn mới	Khán đài diện tích 75,6m2 (gồm phòng thay đồ, phòng điều hành, khu vệ sinh), sửa chữa cổng phụ, điện chiếu sáng. Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã (Hạng mục: Hội trường nhà văn hóa đa năng)	2024	5.000	1.500	3.500	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Xây mới Hội trường văn hoá đa năng, diện tích 1.500m2 và 200 chỗ ngồi trở lên. Có bàn ghế, giá, tủ, ánh sáng, âm thanh khánh tiết, khu vệ sinh, nhà để xe	
Xã Ninh Trung		***10.575***	***3.173***	***7.403***				
Trường học		*10.575*	*3.173*	*7.403*				
Xây dựng Trường Mầm non Ninh Trung (Hạng mục: phòng học, các công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	4.815	1.445	3.371	Đầu tư mới		- Xây dựng 02 phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà kho, 02 kho lớp học. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Trung (Hạng mục: phòng Tin học, phòng Thư viện, các công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	3.280	984	2.296	Đầu tư mới		- Xây dựng 01 phòng Tin học, 01 phòng Thư viện. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà xe giáo viên, sân trường, đường nội bộ, khu xử lý rác thải. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
Xây dựng Trường THCS Lê Hồng Phong (Hạng mục: nhà kho, hệ thống thiết bị PCCC, nhà đa năng)	2025	2.480	744	1.736	Đầu tư mới		- Xây dựng 01 nhà kho. - Sửa chữa nhà đa năng. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
Xã Ninh Ích		***16.816***	***5.045***	***11.771***				
Trường học		*16.816*	*5.045*	*11.771*				
Xây dựng Trường Mầm non Ninh Ích (Hạng mục: phòng học, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	5.814	1.744	4.070	Đầu tư mới		- Xây dựng 02 phòng học. - Cải tạo, sửa chữa 02 phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 phòng nhân viên, 01 nhà vệ sinh giáo viên, cổng tường rào. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Ích (Hạng mục: phòng Tin học, phòng Đảng - Đoàn thể, sửa chữa phòng học., các công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	7.341	2.202	5.139	Đầu tư mới		- Xây dựng 01 phòng Tin học, 01 phòng Đảng - Đoàn thể. - Cải tạo, sửa chữa 02 phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ: cổng tường rào, 01 nhà vệ sinh giáo viên, 01 nhà vệ sinh học sinh, 01 nhà xe giáo viên, 01 nhà xe học sinh, 01 nhà kho. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
Xây dựng Trường THCS Võ Thị Sáu (Hạng mục: phòng họp hội đồng, các công trình phụ trợ, sửa chữa phòng học)	2025	3.661	1.098	2.563	Đầu tư mới		- Xây dựng 01 phòng họp hội đồng. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà kho, 01 phòng bảo vệ. - Sửa chữa khối 14 phòng học đã xuống cấp.	
Xã Ninh Xuân		***18.484***	***8.715***	***9.769***				
Giao thông		*8.600*	*6.020*	*2.580*				
Đường GTNT xã Ninh Xuân từ nhà Bà Tuân thôn Ngũ Mỹ đến đoạn đường bê tông thuỷ lợi thôn Tân Mỹ	2024	4.600	3.220	1.380	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 2.300m; mặt đường rộng 3,0m; lề mỗi bên rộng 0,5m; mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 16cm	
Đường GTNT xã Ninh Xuân đoạn từ nhà ông Cao Thiên Lộc đến nhà ông Nguyễn Ngọc Minh thôn Tân Mỹ	2024	1.700	1.190	510	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 850m; mặt đường rộng 3,0m; lề mỗi bên rộng 0,5m; mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 16cm	
Đường GTNT xã Ninh Xuân đoạn QL 26 đến nhà bà Lâm Thị Phúc thôn Tân Mỹ	2024	700	490	210	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 350m; mặt đường rộng 3,0m; lề mỗi bên rộng 0,5m; mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 16cm	
Đường GTNT xã Ninh Xuân đoạn Tỉnh lộ 6 đến nhà ông Nguyễn Phó thôn Tân Mỹ	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 500m; mặt đường rộng 3,0m; lề mỗi bên rộng 0,5m; mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 16cm	

Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
Đường GTNT xã Ninh Xuân đoạn từ nhà ông Phạm Hữu Thoảng đến nhà bà Nguyễn Kim Phúc, Tôn Thị Cang thôn Tân Mỹ	2024	600	420	180	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 300m; mặt đường rộng 3,0m; lề mỗi bên rộng 0,5m; mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 16cm	
Trường học		*8.984*	*2.695*	*6.289*				
Xây dựng Trường Mầm non Ninh Xuân (Hạng mục: công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.060	618	1.442	Đầu tư mới		- Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
Xây dựng Trường Tiểu học số 1 Ninh Xuân (Hạng mục: phòng Tin học, phòng Truyền thống, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	3.336	1.001	2.335	Đầu tư mới		- Xây dựng 01 phòng Tin học, 01 phòng Truyền thống. - Xây dựng các công trình phụ trợ: tường rào. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
Xây dựng Trường Tiểu học số 2 Ninh Xuân (Hạng mục: hệ thống thiết bị PCCC)	2025	1.500	450	1.050	Đầu tư mới		- Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
Xây dựng Trường THCS Lý Thường Kiệt (Hạng mục: phòng họp hội đồng, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.088	626	1.462	Đầu tư mới		- Xây dựng 01 phòng họp hội đồng. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
Cơ sở vật chất văn hóa		*900*		*900*				
Nhà văn hóa thôn Ngũ Mỹ	2025	900		900	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Nhà văn hoá và các công trình phụ trợ	
Xã Ninh Sim		***8.293***	***2.488***	***5.805***				
Trường học		*8.293*	*2.488*	*5.805*				
Xây dựng Trường Mầm non Ninh Sim (Hạng mục: phòng học)	2025	4.301	1.290	3.011	Đầu tư mới		- Xây dựng 04 phòng học.	
Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Sim (Hạng mục: phòng Thư viện, phòng thiết bị)	2025	1.372	412	960	Đầu tư mới		- Xây dựng 01 phòng Thư viện, 01 phòng thiết bị.	
Xây dựng Trường THCS Tô Hiến Thành (Hạng mục: phòng chức năng, phòng thiết bị, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.620	786	1.834	Đầu tư mới		- Sửa chữa các phòng chức năng, phòng thiết bị - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
HUYỆN CAM LÂM		**75.550**	**31.895**	**43.655**				
Xã Cam Tân		***16.600***	***9.020***	***7.580***				
Giao thông		*10.100*	*7.070*	*3.030*				
Nâng cấp, sửa chữa và hệ thống thoát nước đường liên xã Cam Tân- Sơn Tân	2024-2025	6.000	4.200	1.800	Nâng cấp, sửa chữa		Hiện trạng đường BTXM xây dựng năm 1998, đã xuống cấp. Thảm nhựa mặt đường rộng 6m, dài 1.950 mét	
Đường nội đồng từ sân bóng đá đến vùng ruộng lò xấy	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới		Hiện trạng đường đất đã xuống cấp, chiều dài 590m, rộng 4m	
Đường nội đồng từ Công ông Lại đến ruộng bà Chúc	2024	1.100	770	330	Xây dựng mới		Đường bê tông xi măng, rộng 4m, dài 420m.	
Đường nội đồng từ Chùa Bảo Quang đến Đình mới	2024	1.800	1.260	540	Nâng cấp		Hiện trạng đường BTXM xây dựng năm 2014, đã xuống cấp. Thảm nhựa mặt đường rộng 4m, dài 800 mét.	
Trường học		*6.500*	*1.950*	*4.550*				
Trường Tiểu học Cam Tân	2024-2025	6.500	1.950	4.550	Xây mới, nâng cấp		Xây mới 04 phòng bộ môn, tường rào 3 mặt bên, nâng cấp nhà vệ sinh học sinh	
Xã Cam Hải Đông		***3.000***	***900***	***2.100***				
Trường học		*3.000*	*900*	*2.100*				
Trường Tiểu học Cam Hải Đông	2024-2025	3.000	900	2.100	Xây mới		Xây mới nhà đa năng và mua sắm trang thiết bị	
Xã Cam Hải Tây		***5.000***	***1.500***	***3.500***				
Trường học		*5.000*	*1.500*	*3.500*				

Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
Trường Tiểu học Cam Hải Tây	2024-2025	5.000	1.500	3.500	Xây mới		Xây mới nhà đa năng, 02 phòng học bộ môn và trang thiết bị	
Xã Cam Thành Bắc		***9.000***	***3.470***	***5.530***				
Giao thông		*2.300*	*1.610*	*690*				
Sửa chữa, cải tạo đường bên cạnh trường THCS Nguyễn Hiền (đường thôn)	2025	1.200	840	360	Sửa chữa, cải tạo		Hiện trạng đường đã hư hỏng nặng, nhiều điểm sụt lún và bong tróc thành hố sâu, chiều dài khoảng 400m, nền đường rộng 4m. đường thảm nhựa rộng 3,5m	
Sửa chữa, cải tạo đường từ WB2 đến hội trường thôn Tân Lập (đường thôn)	2024	1.100	770	330	Sửa chữa, cải tạo		Hiện trạng đường đã hư hỏng nặng, nhiều điểm sụt lún và bong tróc thành hố sâu , chiều dài khoảng 220m , nền đường rộng 3,5m, đường BTXM rộng 3,5m	
Cơ sở vật chất văn hóa		*1.700*	*360*	*1.340*				
Sửa chữa, nâng cấp hội trường Trung tâm văn hóa thể thao xã	2024-2025	1.200	360	840	nâng cấp		Sữa chữa, nâng cấp, trang thiết bị	
Nâng cấp, sữa chữa hội trường thôn Tân Sinh Tây	2024-2025	500		500	xây mới		Sữa chữa, nâng cấp, trang thiết bị hội trường thôn Tân Sinh Tây	
Trường học		*5.000*	*1.500*	*3.500*				
Nhà đa năng, nhà vệ sinh học sinh, sân nền tường rào trường THCS Nguyễn Hiền	2024-2025	5.000	1.500	3.500	Xây mới, cải tạo		Xây mới nhà đa năng, nhà vệ sinh, tổng diện tích xây dựng 450m2,chiều cao công trình 9m và các thiết bị kèm theo; xây lại tường rào và sân nền đường nội bộ	
Xã Cam Hiệp Nam		***13.400***	***7.080***	***6.320***				
Giao thông		*8.400*	*5.880*	*2.520*				
Đường bà Kim Anh, thôn Vĩnh Thái (đường thôn)	2025	1.050	735	315	Xây mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 350m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
Đường ông Bến, thôn Vĩnh Thái (đường thôn)	2025	1.050	735	315	Xây mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 350m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
Đường từ nhà bà Nguyễn Thị Kim Hồng đến nhà bà Nguyễn Thị Lan, thôn Vĩnh Thái (đường thôn)	2025	1.350	945	405	Xây mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 450m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3.5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
Đường từ nhà ông Nguyễn Thế Hoàng đến đường sắt Bắc-Nam, thôn Vĩnh Thái (đường thôn)	2025	1.200	840	360	Xây mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 400m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3.5m. lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
Đường từ đất ông Phạm Văn Tiếp đến nối đường với đường trại Heo, thôn Vĩnh Thái (đường thôn)	2025	1.350	945	405	Xây mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 450m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m. lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
Đường từ đất ông Nguyễn Văn Triệu đến giáp với đường song song đường sắt Bắc-Nam, thôn Vĩnh Thái (đường thôn)	2025	1.200	840	360	Xây mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 400m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
Đường từ đất ông Nguyễn Lợi đến giáp với đường song song đường sắt Bắc-Nam, thôn Vĩnh Thái (đường thôn)	2025	1.200	840	360	Xây mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 400m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3.5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
Cơ sở vật chất văn hóa		*1.000*		*1.000*				
Nhà văn hóa thôn Suối Cát	2025	1.000		1.000	Xây mới		Hiện trạng đang xuống cấp, thiếu diện tích, tường rào, trang thiết bị	
Trường học		*4.000*	*1.200*	*2.800*				
Trường mầm non Thỏ Ngọc	2024-2025	1.000	300	700	Xây mới		Tường rào 3 mặt bên	

Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
Trường tiểu học Cam Hiệp Nam	2024-2025	3.000	900	2.100	Xây mới		Xây mới nhà đa năng	
Xã Suối Cát		***5.700***	***2.670***	***3.030***				
Giao thông		*1.200*	*840*	*360*				
Đường giao thông trục nội đồng Hàn Giang (từ nhà ông bốn Thiện ra đồng)	2024	1.200	840	360	làm mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 350m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
Thủy lợi và phòng chống thiên tai		*1.200*	*840*	*360*				
Mương tưới thôn Suối Lau	2024	1.200	840	360			Xây mới tuyến mương khẩu độ (60x60)cm, dài khoảng 500m	
Trường học		*3.300*	*990*	*2.310*				
Xây 01 phòng học ngoại ngữ tại trường Khánh Hòa JeJu	2024-2025	1.300	390	910	Xây mới		Xây 01 phòng học ngoại ngữ	
Xây mới nhà vệ sinh học sinh, sửa chữa phòng học, trang bị thiết bị dạy học trường tiểu học Suối Cát	2024-2025	2.000	600	1.400	Sửa chữa, mua sắm		xây mới 14 bệ xí nữ, 8 nam; sửa chữa phòng học, trang bị thiết bị,dạy học trường tiểu học Suối Cát	
Xã Cam Hòa		***14.950***	***3.045***	***11.905***				
Giao thông		*4.800*		*4.800*				
Đường liên xóm từ nhà ông Nguyên Trân đến nhà ông Hoàng Thái Hòa (thôn Văn Tứ Đông)	2025	800		800	Xây mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài 400m, nền đường rộng 3,5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m	
Đường liên xóm từ nhà ông Đậu Quang Huy đến nhà ông Nguyễn Văn Minh (thôn Văn Tứ Tây)	2025	1.000		1.000	Xây mới		Hiện trạng đường đất, Chiều dài 500m; nền đường rộng 3.5m;mặt đường BTXM rộng 3,5m	
Đường liên xóm từ nhà bà Nguyễn Thị Minh Thành đến nhà Nguyễn Văn Duy (thôn Lập Định 3)	2025	1.000		1.000	Xây mới		Hiện trạng đường đất, Chiều dài 500m; nền đường rộng 3.5m;mặt đường BTXM rộng 3,5m	
Đường liên xóm từ nhà ông Trà Đình Tuế đến nhà ông Lương Quý Cường (thôn Cửu Lợi 2)	2025	1.000		1.000	Xây mới		Hiện trạng đường đất, Chiều dài 500m; nền đường rộng 3.5m;mặt đường BTXM rộng 3,5m	
Đường liên xóm từ nhà bà Võ Thị Xinh đến nhà bà Nguyễn Thị Mỹ (thôn Cửu Lợi 1)	2025	1.000		1.000	Xây mới		Hiện trạng đường đất, Chiều dài 500m; nền đường rộng 3.5m;mặt đường BTXM rộng 3.5m	
Trường học		*10.150*	*3.045*	*7.105*				
Trường TH Cam Hòa 1	2024-2025	10.150	3.045	7.105	Xây mới, cải tạo		Xây dựng cổng tường rào, nhà trực bảo vệ (điểm chính); Xây mới 04 phòng học bộ môn, khối phòng phụ trợ, cải tạo 02 khối phòng học, xây bổ sung nhà vệ sinh học sinh	
Xã Cam An Bắc		***1.500***	***150***	***1.350***				
Cơ sở vật chất văn hóa		*1.500*	*150*	*1.350*				
Sửa chữa nhà văn hóa 05 thôn	2024	1.000		1.000	Nâng cấp, sửa chữa		Sửa chữa, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị	
Sửa chữa nhà thi đấu xã	2024	500	150	350	Sửa chữa		Sửa chữa, nâng cấp, công trình phụ nhà thi đấu	
Xã Cam An Nam		***6.400***	***4.060***	***2.340***				
Giao thông		*5.800*	*4.060*	*1.740*				
1 BTXM đường hố bom thôn Vĩnh Trung (đường thôn)	2025	2.000	1.400	600	Làm mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 1500 m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
2 Đường B8 thôn Vĩnh Đông	2025	1.200	840	360	Nâng cấp, sửa chữa		Chiều dài tuyến đường khoảng 600m, mặt đường đá dăm láng nhựa rộng 3,5m	
3 BTXM đường từ nhà ông Nguyễn Văn Hòa đi đến khu sản xuất thôn Vĩnh Nam (đường thôn)	2025	400	280	120	Làm mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 200 m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	

Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
Đường Dồn điền Lê Văn Nghĩa đến - Trần Lê Nguyên Nghi đến - Nguyễn Dũng (đường sắt)	2025	1.200	840	360	Làm mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 700 m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
Đường liên thôn Vĩnh Trung song song đường sắt (đường thôn)	2025	1.000	700	300	Làm mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 800 m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
Cơ sở vật chất văn hóa		*600*		*600*				
Sửa chữa nhà văn hóa thôn Vĩnh Trung	2025	600		600	Nâng cấp, sửa chữa		Sửa chữa, nâng cấp hệ thống điện, quạt, sơn tường; làm mới mái vòm, la phong nhà văn hóa thôn và (sân nền bê tông xi măng diện tích 200 m2)	
THÀNH PHỐ CAM RANH		**2.400**	**1.680**	**720**				
Xã Cam Thịnh Tây		***2.400***	***1.680***	***720***				
Giao thông		*2.400*	*1.680*	*720*				
Nâng cấp, mở rộng đường trục thôn Thịnh Sơn (đoạn tiếp giáp đường gom cao tốc đến nhà ông Mang Thương), xã Cam Thịnh Tây	2024	1.200	840	360	Nâng cấp, mở rộng			
Xây dựng taluy hai đầu cầu đường vào khu sản xuất tuyến 2, thôn Thịnh Sơn, xã Cam Thịnh Tây	2024	1.200	840	360				
HUYỆN KHÁNH VĨNH		**45.000**	**33.390**	**11.610**				
Xã Sông Cầu		***20.600***	***17.420***	***3.180***				
Giao thông		*3.600*	*2.520*	*1.080*				
Nâng cấp đường từ tỉnh lộ 02 (đoạn nhà ông Nguyễn Thành Long đến QL27C)	2025	3.600	2.520	1.080	Nâng cấp	NTM	Nâng cấp, sửa chữa đường thảm nhựa chiều dài 1.524m (nhựa dày 5cm), nền đường 6,5m, mặt đường 5,0m	
Cơ sở vật chất văn hóa		*3.000*	*900*	*2.100*				
Nâng cấp sân vận động xã	2025	3.000	900	2.100	Nâng cấp	NTM	Nâng cấp sân vận động xã, xây tường rào bao bao quanh, mương thoát nước lắp đặt dụng cụ thể thao ngoài trời	
Trường học		*14.000*	*14.000*					
Nâng cấp, sửa chữa trường Tiểu học Sông Cầu	2024	14.000	14.000				Xây dựng 04 phòng học bộ môn, nhà đa năng và sửa chữa các hạng mục công trình như sau: Khối lớp học 08 phòng; Nhà bảo vệ: Nhà bếp: Khối nhà hành chính; Cổng, Tường rào; Cải tạo Sân đường nội bộ	
Xã Khánh Đông		***13.800***	***11.350***	***2.450***				
Cơ sở vật chất văn hóa		*3.500*	*1.050*	*2.450*				
Xây dựng nhà Văn hóa khu trung tâm thể thao xã Khánh Đông	2025	3.500	1.050	2.450	Xây mới	NTM	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao xã 200 chỗ ngồi	
Trường học		*10.300*	*10.300*					
Bổ sung xây dựng, sửa chữa các hạng mục trường Tiểu học Khánh Đông	2024	10.300	10.300		Xây mới, sửa chữa	NTM	Xây dựng mới phòng học bộ môn, thư viện, khối hành chính, sân bê tông; Cải tạo sửa chữa 08 phòng học, nhà vệ sinh, bếp ăn, nhà bảo vệ, cổng tường rào mặt chính, thiết bị	
Xã Khánh Bình		***4.700***	***1.890***	***2.810***				
Giao thông		*1.200*	*840*	*360*				
Đường từ Hồ Ba Dùi vào Nghĩa trang xã	2025	1.200	840	360	Xây mới	NTM	Hiện trạng đường đất ghồ ghề, sình lầy. Xây dựng mới đường betong dài 500m, mặt đường rộng 3m.	
Cơ sở vật chất văn hóa		*3.500*	*1.050*	*2.450*				

Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
Xây dựng nhà Văn hóa khu trung tâm thể thao xã Khánh Bình	2025	3.500	1.050	2.450	Xây mới	NTM	Xây dựng Hội trường nhà văn hóa đa năng xã rộng 200m2, trên 150 chỗ ngồi; 02 phòng nhà chức; mua sắm bàn ghế, trang thiết bị âm thanh, ánh sáng.	
Xã Khánh Thượng		***3.500***	***1.050***	***2.450***				
Cơ sở vật chất văn hóa		*3.500*	*1.050*	*2.450*				
Trung tâm Văn hoá - Thể thao trung tâm xã Khánh Thượng	2025	3.500	1.050	2.450	Xây dựng mới	NTM	Nhà văn hóa: Hội trường từ 150-200 chỗ ngồi, phòng chức năng, bàn ghế, âm thanh, nhà để xe, khu vệ sinh,... Khu thể thao: Xây dựng sân vận động và các hạng mục khác như tường rào, chỗ ngồi và các hạng mục khác theo quy định của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.	
Xã Khánh Hiệp		***2.400***	***1.680***	*720*				
Giao thông		*2.400*	*1.680*	*720*				
Nối tiếp Tuyến B3 Tuyến từ nhà ông Lâm Văn Hừng đến Sông Chò thôn Ba Cẳng (B3) giai đoạn cuối.	2025	1.200	840	360	làm mới	NTM	Điểm đầu: Km0+000. Điểm cuối: Km0+500 (đất khu sản xuất) Xây mới đường BTXM dài khoảng 600m, nền đường rộng 5,0 m; mặt đường rộng 3,5 m; kết hợp với hệ thống thoát nước	
Nối tiếp tuyến đường từ nhà ông Trần Trọng Tài đến đất ông Cao Văn Huy thôn Ba Cẳng (B2) giai đoạn cuối	2025	1.200	840	360	làm mới	NTM	Điểm đầu: Km0+000. Điểm cuối: Km0+500 (Đất khu sản xuất) Xây mới đường BTXM dài khoảng 500m, nền đường rộng 5,0 m; mặt đường rộng 3,5 m; kết hợp với hệ thống thoát nước	
HUYỆN KHÁNH SƠN		**5.000**	**5.000**					
Xã Sơn Hiệp		***5.000***	***5.000***					
Trường học		*5.000*	*5.000*					
Nâng cấp Trường Mầm non Họa Mi	2024	5.000	5.000		Nâng cấp, sửa chữa	Quyết định số 4178/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt quy hoạch sdđ đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Khánh Sơn	Xây mới 01 phòng; nâng cấp, sửa chữa các phòng học hiện có, tường rào, bếp ăn, khu làm việc hành chính	

Phụ lục 04:

TỔNG HỢP DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐỀ NGHỊ ĐƯA RA KHỎI CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Báo cáo số 90/BC-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Số lượng công trình	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác
	TỔNG CỘNG		**79.175**	**40.086**	**39.090**
A	**CHIA THEO TIÊU CHÍ**	**65**	**79.175**	**40.086**	**39.090**
1	Giao thông	36	38.415	25.645	12.771
2	Thủy lợi	7	11.320	7.924	3.396
3	Trường học	2	11.000	3.300	7.700
4	Cơ sở vật chất văn hóa	11	10.100	690	9.410
5	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	1	1.190	357	833
6	Hạ tầng thông tin và truyền thông	3	1.500	1.050	450
7	Môi trường	4	3.650	0	3.650
8	Hạ tầng hợp tác xã	1	2.000	1.120	880
B	**CHIA THEO ĐỊA PHƯƠNG**	**65**	**79.175**	**40.086**	**39.090**
1	Ninh Hòa	37	34.435	19.583	14.853
2	Cam Lâm	4	17.200	7.640	9.560
3	Cam Ranh	3	5.500	2.660	2.840
4	Khánh Vĩnh	19	19.540	10.203	9.337
5	Khánh Sơn	2	2.500	0	2.500
C	**CHIA THEO NĂM**	**65**	**79.175**	**40.086**	**39.090**
1	Năm 2023	6	14.090	4.753	9.337
2	Năm 2024	48	55.835	30.993	24.843
3	Năm 2025	11	9.250	4.340	4.910

Phụ lục 04a:

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐƯA RA KHỎI NGHỊ QUYẾT SỐ 62/NQ-HĐND NGÀY 22/8/2022 CỦA HĐND TỈNH

(Kèm theo Báo cáo số 90 BC-UBND ngày 4 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Quy mô đầu tư	Ghi chú
	TỔNG CỘNG		*48.585*	*23.983*	*24.603*		
I	**THỊ XÃ NINH HÒA**		27.335	14.893	12.443		
1	Xã Ninh Sơn		*11.990*	*6.237*	*5.753*		
a	*Giao thông*		*3.580*	*2.506*	*1.074*		
1	Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 3, đoạn từ nhà bà Hải đến nhà ông Kịp	2024	1.200	840	360	- Chiều dài: 440 m. - Mặt đường nâng cấp BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3 m dày bình quân 18 cm, lề đường đất mỗi bên 0,25m	Đã đầu tư bằng nguồn vốn khác
2	Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 1, xã Ninh Sơn đoạn từ nhà ông Hoa đến Kênh Đông	2024	1.190	833	357	- Chiều dài: 380 m. - Mặt đường nâng cấp BTXM đá 2x4cm M250 rộng 5 m dày bình quân 18 cm, lề đường đất mỗi bên 0,25m	Chưa phù hợp quy hoạch vì theo QH sử dụng đất (Theo quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa) là Quy hoạch khu công nghiệp
1	Đường nội đồng thôn 2, đoạn từ đất ông Giang đến đất bà Mười	2024	1.190	833	357	- Chiều dài: 680 m. - Mặt đường rộng 3m đá dăm nước dày 15cm. - Nền đường rộng 4m. Lề mỗi bên rộng: 0,5m x 2 bên = 1m.	Chưa phù hợp quy hoạch vì theo QH sử dụng đất (Theo quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa) là Quy hoạch khu công nghiệp
b	*Thủy lợi và phòng chống thiên tai*		*4.820*	*3.374*	*1.446*		
1	Sửa chữa, cải tạo kênh mương NB Tây thôn 5, đoạn từ đất ông Diệp đến nhà ông Hòa	2024	1.240	868	372	- Chiều dài: 480 m. - Mương bê tông kích thước mặt cắt BxH = (60x60) cm	Đã đầu tư bằng nguồn vốn khác
2	Sửa chữa, cải tạo kênh mương ND thôn 1, đoạn từ kênh Đông đến đất ông Toàn	2024	1.180	826	354	- Chiều dài: 510 m. - Mương bê tông kích thước mặt cắt BxH = (60x60) cm	Đã đầu tư bằng nguồn vốn khác
3	Sửa chữa, cải tạo kênh mương thôn 1, đoạn từ đất ông Thái đến Lô 6	2024	1.210	847	363	- Chiều dài: 480 m. - Mương bê tông kích thước mặt cắt BxH = (60x60) cm	Chưa phù hợp quy hoạch vì theo QH sử dụng đất (Theo quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa) là Quy hoạch khu công nghiệp
4	Sửa chữa, cải tạo kênh mương thôn 2, đoạn từ đất Đỗ đến đất ông Tuấn	2024	1.190	833	357	- Chiều dài: 560 m. - Mương bê tông kích thước mặt cắt BxH = (60x60) cm	Đã đầu tư bằng nguồn vốn khác
c	*Cơ sở vật chất văn hóa*		*1.200*	*0*	*1.200*		
1	Nhà văn hóa, khu thể thao thôn 5	2024	1.200	0	1.200	Nhà 01 tầng diện tích xây dựng 9.7x19.3=187.21 m2, chiều cao công trình 5.9m; mái lợp ngói 22v/m2. Kế cấu móng trụ BTCT kết hợp xây đá chẻ VXM M50. Giằng móng, giằng, dầm bằng BTCT đá 1x2cm M200. Tường bao che xây gạch Block bê tông dày 200 mm, trát VXM bả matit, sơn nước. Mái lợp ngói, khung kèo thép hộp mạ kẽm, trần tole sóng nhỏ. Nền lát gạch men 500x500 mm, có ốp gạch chân tường 120x500 mm. Cửa đi, cửa sổ nhôm kính, cửa sổ có hoa sắt bảo vệ. Bậc cấp xây gạch thẻ VXM M75 và trát đá mài màu vàng kem. Xây dựng kết hợp khu vệ sinh trong nhà, tường trong nhà ốp gạch men. Lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước cho toàn công trình	Để đảm bảo khả năng cân đối và đối ứng vốn
d	*Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn*		*1.190*	*357*	*833*		
1	Chợ Hòa Mỹ xã Ninh Sơn (Hạng mục: Nhà ban quản lý và Kiot chợ)	2024	1.190	357	833	Xây dựng nhà ban quản lý và các khu Kiot chợ Hòa Mỹ	Để đảm bảo khả năng cân đối và đối ứng vốn
đ	*Môi trường*		*1.200*	*0*	*1.200*		
1	Cải tạo, xử lý bãi rác	2024	1.200	0	1.200	Cải tạo xử lý bãi rác	
2	**Xã Ninh Thân**		*6.600*	*2.534*	*4.066*		
a	*Giao thông*		*5.400*	*2.534*	*2.866*		
1	Đường trục thôn Nhĩ Sự (WB2 đến nhà ông Yến)	2024	2.900	2.030	870	Dài 1450m, mặt đường 3,5m, nền 5m	Gộp thành công trình mới bổ sung có tên *"Đường trục thôn Nhĩ Sự, đoạn từ cầu bà Tèn đến nhà ông Tỵ và nhánh rẽ"*
2	Đường trục thôn Nhĩ Sự (WB2 đến nhà ông Tón)	2024	720	504	216	Dài 360m, mặt đường 3,5m, nền 5m	
1	Đường trục xóm Nhĩ Sự (Đình Nhĩ Sự đến giếng làng)	2024	680	0	680	Dài 340m, mặt đường 3m, nền 3,5m	Gộp thành công trình mới bổ sung có tên *"Đường trục xóm Nhĩ Sự (Nhà ông Trúc đến đình Nhĩ Sự)"*
2	Đường trục xóm Nhĩ Sự (nhà ông Trúc đến đình Nhĩ Sự)	2024	700	0	700	Dài 350m, mặt đường 3,5m, nền 5m	
3	Đường ngõ xóm Đại Tập (nhà ông Chương đến nhà ông Thịnh)	2024	400	0	400	Dài 200m, mặt đường 3m, nền đường 3m	Trùng với nhánh rẽ của công trình *"Đường liên thôn Đại Tập ông Luyện và nhánh rẽ"*
b	*Môi trường*		*1.200*	*0*	*1.200*		
1	Công trình bãi rác mới	2024	1.200	0	1.200	Đào hố chôn lấp khối lượng rác cũ đã xử lý. Đào hố rác mới và xử lý rác	Bãi rác của xã vẫn còn khả năng tiếp nhận và nguồn kinh phí của xã không đủ khả năng cân đối
3	**Xã Ninh Tân**		*7.600*	*5.320*	*2.280*		
a	*Giao thông*		*7.600*	*5.320*	*2.280*		
1	Đường BTXM từ đất bà Sương đến đất nhà Ông Lựa	2024	500	350	150	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	Người dân đã tự xã hội hóa đầu tư
1	Đường từ tỉnh lộ 5 đến đất ông Hùng	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	Không còn phù hợp quy hoạch
2	Đường từ đất Ông Khang đến ngã ba Hòn Đá	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	Để đảm bảo khả năng cân đối và đối ứng vốn
3	Đường từ ngã 3 hòn đá đến tỉnh lộ 8	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	Để đảm bảo khả năng cân đối và đối ứng vốn
4	Đường từ đất ông Quảng đến trại Nấm	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	Rà soát trùng lắp công trình
5	Đường BTXM nối tuyến 1400 phía nam đến đất ông Nguyễn Văn Nuội	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	Gộp thành công trình mới bổ sung *"Đường từ đất Ông Sáy đến Tuyến 1400"*
6	Đường từ đất Ông Phạm Ngọc Tùng đến tuyến 1400	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	
7	Đường từ Ba Cầu đến đất Ông Phạm Ngọc Tùng	2024	1.100	770	330	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	
4	**Xã Ninh Vân**		*645*	*452*	*194*		
a	*Giao thông*		*645*	*452*	*194*		
1	Đường số 6 (nối dài) đoạn từ đường số 1 đến Khu SX suối ông Cận	2024	210	147	63	Xây dựng tuyến đường BTXM dài 140 m, rộng 6.0 m, lề đất mỗi bên rộng 1,25 m, mặt đường rộng 3,5m	Không còn phù hợp với quy hoạch để triển khai thi công

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Quy mô đầu tư	Ghi chú
3	Đường số 17 đoạn từ đường số 5 nối dài đến Đường số 6 nối dài	2024	150	105	45	Xây dựng tuyến đường BTXM dài 100 m, rộng 6.0 m, lề đất mỗi bên rộng 1,25 m, mặt đường rộng 3,5m	Không còn phù hợp với quy hoạch để triển khai thi công trình
4	Đường số 18 đoạn từ đường số 6 nối dài đến Đường số 1	2024	195	137	59	Xây dựng tuyến đường BTXM dài 140 m, rộng 6.0 m, lề đất mỗi bên rộng 1,25 m, mặt đường rộng 3,5m	Không còn phù hợp với quy hoạch để triển khai thi công trình
5	**Xã Ninh Quang**		*500*	*350*	*150*		
a	*Thủy lợi và phòng chống thiên tai*		*500*	*350*	*150*		
1	Kênh mương BTXM đồng Bà Nghiễn nhánh 2	2024	500	350	150	BTXM, chiều dài L = 300m, rộng 0,4m	Đã gộp với công trình *Kênh mương đồng Bà Nghiễn nhánh 1*
II	**THÀNH PHỐ CAM RANH**		4.600	2.660	1.940		
1	**Xã Cam Lập**		*800*	*0*	*800*		
a	*Cơ sở vật chất văn hóa*		*800*	*0*	*800*		
1	Mua sắm trang thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời cho 03 điểm nhà văn hóa thôn	2024	800	0	800		Chuyển sang nguồn sự nghiệp kinh tế/ chi thường xuyên
2	**Xã Cam Phước Đông**		*3.800*	*2.660*	*1.140*		
a	*Giao thông*		*3.800*	*2.660*	*1.140*		
1	Đường nội đồng bà Thơm, thôn Thống Nhất	2024	*3.800*	*2.660*	1.140		Tuyến đường hẹp và ảnh hưởng dự án thoát lũ hồ Tà Rục, Suối Hành
III	**HUYỆN KHÁNH VĨNH**		14.150	6.430	7.720		
1	**Xã Khánh Bình**		*1.200*	*0*	*1.200*		
a	*Cơ sở vật chất văn hóa*		*1.200*	*0*	*1.200*		
1	Xây mới nhà văn hóa và khu thể thao thôn Ba Dùi	2025	1.200		1.200	Sửa chữa nhà cộng đồng, bổ trí trang thiết bị	Địa phương đã lồng ghép nguồn vốn từ Chương trình KTXH vùng ĐBDTTS và miền núi để thực hiện
2	**Xã Khánh Phú**		*2.750*	*1.400*	*1.350*		
a	*Giao thông*		*2.000*	*1.400*	*600*		
1	Bê tông hóa đường Ông Đức đi ông Tiến-kiến nghị của các hộ ST - ông Trường	2025	1.000	700	300		Địa phương đã lồng ghép nguồn vốn từ Chương trình KTXH vùng ĐBDTTS và miền núi để thực hiện
2	Bê tông hóa đường từ đất ông Tuấn đi Antim	2025	1.000	700	300		
b	*Môi trường*		*750*	*0*	*750*		
1	Đầu tư xe chuyên dụng thu gom rác	2025	750		750		Sử dụng nguồn vốn sự nghiệp để thực hiện
3	**Xã Khánh Thượng**		*4.500*	*2.230*	*2.270*		
a	*Giao thông*		*2.200*	*1.540*	*660*		
1	Đường vào khu sản xuất từ đất ông Pi Năng Quỳnh vào khu sản xuất Gia Bí	2025	1.100	770	330	Xây mới đường BTXM dài khoảng 500m, nền đường rộng 6,0 m; mặt đường rộng 3,5 m	Địa phương đã lồng ghép nguồn vốn từ Chương trình KTXH vùng ĐBDTTS và miền núi để thực hiện
2	Bê tông xi măng đường vào nghĩa địa thôn Tà Gộc	2025	1.100	770	330	Xây mới đường BTXM dài khoảng 600m, nền đường rộng 6,0 m; mặt đường rộng 3,5 m	
b	*Cơ sở vật chất văn hóa*		*2.300*	*690*	*1.610*		
1	Khu văn hóa trung tâm xã	2024	1.200	360	840	Xây dựng nhà văn hóa và các trang thiết bị như bàn ghế, dàn âm thanh,...	Gộp lại thành công trình Trung tâm Văn hoá - Thể thao trung tâm xã Khánh Thượng
2	Khu thể thao trung tâm xã	2024	1.100	330	770	Xây dựng sân vận động và các hạng mục khác như tường rào, chỗ ngồi,... và các hạng mục khác	
4	**Xã Khánh Hiệp**		*2.500*	*1.400*	*1.100*		
a	*Giao thông*		*2.000*	*1.400*	*600*		
1	Tuyến B13 từ tỉnh lộ 8B đến khu sản xuất	2025	1.000	700	300	Xây mới đường BTXM dài khoảng 600m, nền đường rộng 5,0 m; mặt đường rộng 3,5 m; kết hợp với hệ thống thoát nước	Địa phương đã lồng ghép nguồn vốn từ Chương trình KTXH vùng ĐBDTTS và miền núi để thực hiện
2	Tuyến B14 từ tỉnh lộ 8B đến khu sản xuất	2025	1.000	700	300	Xây mới đường BTXM dài khoảng 600m, nền đường rộng 5,0 m; mặt đường rộng 3,5 m; kết hợp với hệ thống thoát nước	
b	*Môi trường*		*500*	*0*	*500*		
1	Mở rộng nghĩa trang xã (giai đoạn 2)	2025	500		500	diện tích 2000m2 san ủi mặt bằng, xây tường rào	Sử dụng vốn lồng ghép
5	**Xã Cầu Bà**		*600*	*0*	*600*		
a	*Cơ sở vật chất văn hóa*		*600*	*0*	*600*		
1	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Đá Trắng	2025	300		300	Sửa chữa nhà văn hóa và bố trí các trang thiết bị	Địa phương đã lồng ghép nguồn vốn từ Chương trình KTXH vùng ĐBDTTS và miền núi để thực hiện
2	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Đá Bàn	2025	300		300		
6	**Xã Liên Sang**		*2.000*	*1.400*	*600*		
a	*Giao thông*		*2.000*	*1.400*	*600*		
1	Đường nội đồng từ đất rẫy ông Mà Khánh đến đất rẫy ông Cao Lem	2024	2.000	1.400	600	Xây mới đường BTXM dài khoảng 1200m, nền đường rộng 6,0 m, mặt đường rộng 3,5 m	Địa phương đã lồng ghép nguồn vốn từ Chương trình KTXH vùng ĐBDTTS và miền núi để thực hiện
7	**Xã Khánh Trung**		*600*	*0*	*600*		
a	*Cơ sở vật chất văn hóa*		*600*	*0*	*600*		
1	Đầu tư trang thiết bị hội trường 3 thôn	2024	600	0	600	Hệ thống loa, bàn ghế	
IV	**HUYỆN KHÁNH SƠN**		2.500	0	2.500		
1	**Xã Sơn Hiệp**		*2.500*	*0*	*2.500*		
a	*Cơ sở vật chất văn hóa*		*2.500*	*0*	*2.500*		
1	Nâng cấp sửa chữa nhà dài thôn Hòn Dung xã Sơn Hiệp	2023	1.000		1.000	Sửa chữa các hạng mục xuống cấp	
2	Nâng cấp nhà dài thôn Tà Gu xã Sơn Hiệp	2023	1.500		1.500	Sửa chữa các hạng mục xuống cấp	

Phụ lục 06h:

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐƯA RA KHỎI NGHỊ QUYẾT SỐ 27/NQ-HĐND NGÀY 21/7/2023 CỦA HĐND TỈNH

(Kèm theo Báo cáo số 90/BC-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Quy mô đầu tư	Ghi chú
	TỔNG CỘNG		*30.590*	*16.103*	*14.487*		
I	**THỊ XÃ NINH HÒA**		7.100	4.690	2.410		
1	**Xã Ninh Sơn**		*900*	*630*	*270*		
a	***Hạ tầng thông tin và truyền thông***		*900*	*630*	*270*		
1	Đài truyền thanh xã Ninh Sơn	2024	900	630	270	Khoảng 30 cụm loa	Chuyển sang nguồn sự nghiệp kinh tế/ chi thường xuyên
2	**Xã Ninh Tân**		*2.600*	*1.820*	*780*		
a	*Giao thông*		*2.600*	*1.820*	*780*		
1	Đường tuyến 1800 từ nhà Ông Phú đến suối Nhơn	2024	600	420	180	Dài 250m, mặt đường 3.5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	Đã đầu tư bằng nguồn vốn khác; đưa công trình tương ứng tại NQ 62 ra khỏi chủ trương đầu tư Chương trình NTM
1	Tràn từ nhà Ông Hà Ngọc Chung đến suối Bộ Đội	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3.5m, dày 18cm.	Chiều dài toàn tuyến khá dài, cần nhiều kinh phí, đề xuất đưa ra để đảm bảo khả năng đối ứng vốn; đưa công trình tương ứng tại NQ 62 ra khỏi chủ trương đầu tư Chương trình NTM
1	Đường BTXM tuyến 1 đất Ông Quang đến đất Ông Hiền	2024	1.000	700	300	L khoảng 400m, mặt BTXM 3.5m dày 18cm	Đã đầu tư bằng nguồn vốn khác; đưa công trình tương ứng tại NQ 62 ra khỏi chủ trương đầu tư Chương trình NTM
3	**Xã Ninh Vân**		*600*	*420*	*180*		
a	***Hạ tầng thông tin và truyền thông***		*600*	*420*	*180*		
1	Lắp đặt wifi tại các điểm công cộng	2024	100	70	30	Lắp đặt wifi tại các điểm công cộng: Trung tâm văn hoá- thể thao, 02 thôn.	Chuyển sang nguồn sự nghiệp kinh tế/ chi thường xuyên
2	Nâng cấp hệ thống đài truyền thanh xã	2024	500	350	150	Nâng cấp hệ thống đài truyền thanh xã	Chuyển sang nguồn sự nghiệp kinh tế/ chi thường xuyên
4	**Xã Ninh Quang**		*1.000*	*700*	*300*		
a	*Thủy lợi và phòng chống thiên tai*		*1.000*	*700*	*300*		
1	Kênh mương BTXM N12B nhánh 2	2024	1.000	700	300	BTXM, chiều dài L = 500m, rộng 0,6m	Đã gộp với công trình *Kênh mương BTXM N12B nhánh 1*
5	**Xã Ninh Phú**		*2.000*	*1.120*	*880*		
a	*Hạ tầng hợp tác xã*		*2.000*	*1.120*	*880*		
1	Xây dựng xưởng sơ chế, hệ thống cấp thoát nước Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản Ninh Phú	2024	2.000	1.120	880		Đưa công trình tương ứng tại NQ 62 ra khỏi chủ trương đầu tư Chương trình NTM
II	**HUYỆN CAM LÂM**		17.200	7.640	9.560		
1	**Xã Suối Cát**		*8.800*	*5.120*	*3.680*		
a	*Giao thông*		*1.200*	*840*	*360*		
	Đường giao thông trục nội đồng Suối Lau	2024	1.200	840	360		
b	*Thủy lợi và phòng chống thiên tai*		*5.000*	*3.500*	*1.500*		Sử dụng vốn duy tu, bảo dưỡng
	Hạ tầng thiết yếu phòng chống thiên tai: Kè chống sạt lở Đồng Cam và đồng Cây Mc	2024	5.000	3.500	1.500		
c	*Trường học*		*2.600*	*780*	*1.820*		Sử dụng nguồn vốn khác
	Xây mới 4 phòng điểm Tân Xương, xây phòng hành chính, xây nhà vệ sinh nhân viên	2024	2.600	780	1.820		
2	**Xã Sơn Tân**		*8.400*	*2.520*	*5.880*		Đã sử dụng vốn lồng ghép
a	*Trường học*		*8.400*	*2.520*	*5.880*		
1	Xây mới trường mẫu giáo Họa Mi	2023	8.400	2.520	5.880	Gồm 4 phòng học, nhà hành chính, bếp ăn, tường rào, sân trường.	Danh mục công trình đã có trong NQ 131/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh
III	**THÀNH PHỐ CAM RANH**		900	0	900		
1	**Xã Cam Bình**		*900*	*0*	*900*		
a	***Cơ sở vật chất văn hoá***		*900*	*0*	*900*		
1	Mua sắm trang thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời cho 03 điểm nhà văn hóa thôn	2024	900	0	900		Chuyển sang nguồn sự nghiệp kinh tế/ chi thường xuyên
IV	**HUYỆN KHÁNH VĨNH**		5.390	3.773	1.617		
1	**Xã Khánh Phú**		*2.000*	*1.400*	*600*		
a	*Giao thông*		*2.000*	*1.400*	*600*		
1	Bê tông hóa đường từ đất ông Kiều Vân đến Hương lộ 62	2023	1.000	700	300		Địa phương đã bố trí từ nguồn vốn lồng ghép; đưa công trình tương ứng tại NQ 62 ra khỏi chủ trương đầu tư Chương trình NTM
1	Bê tông hóa đường nội đồng giai đoạn 2	2023	1.000	700	300		Địa phương đã bố trí từ nguồn vốn lồng ghép; đưa công trình tương ứng tại NQ 62 ra khỏi chủ trương đầu tư Chương trình NTM
2	**Xã Khánh Thượng**		*1.190*	*833*	*357*		
a	*Giao thông*		*1.190*	*833*	*357*		
1	Đường vào khu sản xuất từ đất ông Pi Năng Đa Mánh đến dốc Gia Vu	2023	1.190	833	357	Xây mới đường BTXM dài khoảng 500m, nền đường rộng 6,0 m; mặt đường rộng 3,5 m	Địa phương đã bố trí vốn lồng ghép; đưa công trình tương ứng tại NQ 62 ra khỏi chủ trương đầu tư Chương trình NTM
3	**Xã Liên Sang**		*2.200*	*1.540*	*660*		
a	*Giao thông*		*2.200*	*1.540*	*660*		
1	Đường vào khu sản xuất Suối nhó	2024	2.200	1.540	660	Xây mới đường BTXM dài khoảng 1200m, nền đường rộng 6,0 m, mặt đường rộng 3,5 m	Địa phương đã bố trí vốn lồng ghép; đưa công trình tương ứng tại NQ 62 ra khỏi chủ trương đầu tư Chương trình NTM

Phụ lục 05:

TỔNG HỢP DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Báo cáo số 90/BC-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Số lượng công trình	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác
	TỔNG CỘNG	**212**	**3.936**	**1.179**	**2.757**
A	**CHIA THEO TIÊU CHÍ**	**212**	**3.936**	**1.179**	**2.757**
1	Quy hoạch	43	2.880	0	2.880
2	Giao thông	88	1.172	252	921
3	Thủy lợi	23	1.314	921	393
4	Trường học	9	-577	127	-704
5	Cơ sở vật chất văn hóa	35	-696	-14	-682
6	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	1	-11	-3	-8
7	Hạ tầng thông tin và truyền thông	4	-141	-99	-42
8	Môi trường	2	0	0	0
9	Hạ tầng hợp tác xã	4	-5	-4	-1
*	Công trình cấp huyện	3	0	0	0
B	**CHIA THEO ĐỊA PHƯƠNG**	**212**	**3.936**	**1.179**	**2.757**
1	Vạn Ninh	20	300	0	300
2	Ninh Hòa	154	3.691	1.445	2.246
3	Diên Khánh	12	-111	-78	-33
4	Cam Lâm	3	-13	-4	-9
5	Cam Ranh	8	-241	-169	-72
6	Khánh Vĩnh	15	310	-15	325

ục 05a:

DANH MỤC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 62/NQ- HĐND NGÀY 22/8/2022 CỦA HĐND TỈNH

(Kèm theo Báo cáo số 90/BC-UBND ngày 4 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh)

Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Điều chỉnh						Sau khi điều chỉnh							Ghi chú
							Tên công trình	Năm thực hiện	Điều chỉnh tăng/giảm vốn			Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	
									TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác										
									4.583	*1.591*	*2.992*										
HUYỆN VẠN NINH																					
Xã Xuân Sơn																					
Quy hoạch																					
Quy hoạch chung xây dựng xã	*2023*	500		500	Điều chỉnh, cập nhật	QH vùng huyện	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Vạn Xuân Sơn giai đoạn 2021-2030	2024				Rà soát, cập nhật điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn cấp xã phù hợp với các Quy hoạch cấp trên; trong đó có bố trí khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn		Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Vạn Xuân Sơn giai đoạn 2021-2030	*2024*	*500*		*500*	Rà soát, cập nhật điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn cấp xã phù hợp với các Quy hoạch cấp trên; trong đó có bố trí khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn		
Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư	2023	800		800	Điều chỉnh, cập nhật	QH vùng huyện	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn xã Xuân Sơn giai đoạn 2021-2030	2024				Rà soát, cập nhật, bổ sung quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn phù hợp với các Quy hoạch cấp trên		Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn xã Xuân Sơn giai đoạn 2021-2030	2024	800		800	Rà soát, cập nhật, bổ sung quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn phù hợp với các Quy hoạch cấp trên		
THỊ XÃ NINH HÒA									*4.397*	*1.693*	*2.704*										
Xã Ninh Bình									*-12*	*296*	*-308*										
Quy hoạch																					
Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	400		400				2023-2024						Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023-2024	400		400			
Quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	2023	300		300				2023-2024						Quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	2023-2024	300		300			
Cơ sở vật chất văn hóa																					
Xây dựng khu thể thao thôn Bình Trị xã Ninh Bình	2023	1.000		1.000	Xây dựng mới	Diện tích 650m2		2024						Xây dựng khu thể thao thôn Bình Trị xã Ninh Bình	2024	1.000		1.000	Xây dựng mới	Diện tích 650m2	
Xây dựng khu thể thao thôn Bình Thành xã Ninh Bình	2023	1.000		1.000	Xây dựng mới	Diện tích 650m2		2024						Xây dựng khu thể thao thôn Bình Thành xã Ninh Bình	2024	1.000		1.000	Xây dựng mới	Diện tích 650m2	
Xây dựng khu thể thao thôn Tuân Thừa xã Ninh Bình	2023	1.000		1.000	Xây dựng mới	Diện tích 650m2		2024						Xây dựng khu thể thao thôn Tuân Thừa xã Ninh Bình	2024	1.000		1.000	Xây dựng mới	Diện tích 650m2	
Xây dựng khu thể thao thôn An Bình xã Ninh Bình	2023	700		700	Xây dựng mới	Diện tích 500m2		2024						Xây dựng khu thể thao thôn An Bình xã Ninh Bình	2024	700		700	Xây dựng mới	Diện tích 500m2	
Trường học																					
Xây dựng Trường mầm non Ninh Bình (04 Phòng học, phòng nhân viên, nhà kho)	2023	6.500	1.950	4.550		- Xây dựng mới 04 phòng học thay thế 04 phòng học cũ, xây mới phòng nhân viên, nhà kho.			-2	-1	-1			Xây dựng Trường mầm non Ninh Bình (04 Phòng học, phòng nhân viên, nhà kho)	2023	6.498	1.949	4.549			- Xây dựng mới 04 phòng học thay thế 04 phòng học cũ, xây mới phòng nhân viên, nhà kho.
Xây dựng Trường tiểu học Ninh Bình (04 phòng học, 02 phòng học bộ môn, phòng thiết bị, nhà vệ sinh học sinh, sân chơi thể dục thể thao)	2023	5.200	1.560	3.640		- Xây dựng mới 04 phòng học, 01 phòng học bộ môn, phòng thiết bị, nhà vệ sinh học sinh, sân chơi thể dục thể thao đạt chuẩn theo quy định.			-4	-1	-3			Xây dựng Trường tiểu học Ninh Bình (04 phòng học, 02 phòng học bộ môn, phòng thiết bị, nhà vệ sinh học sinh, sân chơi thể dục thể thao)	2023	5.196	1.559	3.637		- Xây dựng mới 04 phòng học, 01 phòng học bộ môn, phòng thiết bị, nhà vệ sinh học sinh, sân chơi thể dục thể thao đạt chuẩn theo quy định.
Xây dựng Trường THCS Nguyễn Gia Thiều (phòng học bộ môn, phòng thiết bị, nhà vệ sinh học sinh, sửa chữa phòng học)	2023	7.200	2.160	5.040		- Xây mới 06 phòng học bộ môn (Âm nhạc, Mỹ thuật, ngoại ngữ, Đa chức năng, 02 phòng khoa học tự nhiên). - Xây mới phòng đang, đoàn thể, phòng tổ chức chuyên môn, Nhà kho, Phòng nghỉ giáo viên, phòng giáo viên. - Xây mới nhà vệ sinh học sinh. - Sửa chữa phòng học, phòng thiết bị.			-6	298	-304			Xây dựng Trường THCS Nguyễn Gia Thiều (phòng học bộ môn, phòng thiết bị, nhà vệ sinh học sinh, sửa chữa phòng học)	2023	7.194	2.458	4.736		- Xây mới 06 phòng học bộ môn (Âm nhạc, Mỹ thuật, ngoại ngữ, Đa chức năng, 02 phòng khoa học tự nhiên). - Xây mới phòng đang, đoàn thể, phòng tổ chức chuyên môn, Nhà kho, Phòng nghỉ giáo viên, phòng giáo viên. - Xây mới nhà vệ sinh học sinh. - Sửa chữa phòng học, phòng thiết bị.
Xã Ninh Hưng																					
Quy hoạch																					
Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	300		300				2023-2024						Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023-2024	300		300			
Xã Ninh Phụng																					
Quy hoạch																					
Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	500		500				2023-2024						Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023-2024	500		500			
Quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	2023	1.200		1.200				2023-2024						Quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	2023-2024	1.200		1.200			
Cơ sở vật chất văn hóa																					
Cải tạo nâng cấp nhà văn hóa, nhà vệ sinh thôn Diêm Tinh	2023	1.150		1.150	Xây dựng mới	Diện tích: 126,3m2		2024						Cải tạo nâng cấp nhà văn hóa,nhà vệ sinh thôn Diêm Tinh	2024	1.150		1.150	Xây dựng mới	Diện tích: 126,3m2	
Cải tạo nâng cấp nhà văn hóa, nhà vệ sinh thôn Vĩnh Phước	2023	1.050		1.050	Xây dựng mới	Diện tích: 126,3m2		2024						Cải tạo nâng cấp nhà văn hóa, nhà vệ sinh thôn Vĩnh Phước	2024	1.050		1.050	Xây dựng mới	Diện tích: 126,3m2	
Nhà văn hóa thôn Nghi Phụng	2023	1.150		1.150	Xây dựng mới	Diện tích: 130m2		2024						Nhà văn hóa thôn Nghi Phụng	2024	1.150		1.150	Xây dựng mới	Diện tích: 130m2	
Xã Ninh Tây									*-1*	*-1*											
Quy hoạch																					
Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	550		550				2023-2024						Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023-2024	550		550			
Giao thông																					
Đường nội đồng C2 từ nhà ông Y Thuyên đến đường vận hành thủy điện Buôn Sim	2023	1.150	805	345	Xây dựng mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 20cm.			-1	-1				Đường nội đồng C2 từ nhà ông Y Thuyên đến đường vận hành thủy điện Buôn Sim	2023	1.149	804	345	Xây dựng mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 20cm.	
Xã Ninh Thượng									*200*		*200*										
Quy hoạch																					
Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	250		250				2023-2024	200		200			Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023-2024	450		450			
Xã Ninh Phú																					
Quy hoạch																					
Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	200		200				2023-2024						Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023-2024	200		200			
Quy hoạch chi tiết điểm dân cư	2023	2.000		2.000				2023-2024						Quy hoạch chi tiết điểm dân cư	2023-2024	2.000		2.000			
Cơ sở vật chất văn hóa																					
Trung tâm văn hóa - thể thao xã	2022	3.000	900	2.100	Xây dựng mới	Diện tích 12.300 m2		2024					Diện tích xây dựng : 356,07m2	Trung tâm văn hóa - thể thao xã	2024	3.000	900	2.100	Xây dựng mới	Diện tích xây dựng : 356,07m2	
Nâng nền, xây dựng công tường rào của Nhà văn hóa, khu thể thao thôn Hội Phú Bắc 1	2022	1.300		1.300	Xây dựng mới	Tổng diện tích san nền 1.079,6m2, tường rào sang sắt 66m, tường rào lưới B40 102,5m, mương thoát nước 61m, sân bê tông: 155m2		2024						Nâng nền, xây dựng công tường rào của Nhà văn hóa, khu thể thao thôn Hội Phú Bắc 1	2024	1.300		1.300	Xây dựng mới	Tổng diện tích san nền 1.079,6m2, tường rào sang sắt 66m, tường rào lưới B40 102,5m, mương thoát nước 61m, sân bê tông: 155m2	
Xã Ninh Sơn									*-654*	*-5*	*-649*										
Quy hoạch																					
Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	520		520				2023-2024						Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023-2024	520		520			

Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	Điều chỉnh tăng/giảm vốn			Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Ghi chú
									TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác										
Giao thông																					
Đường trục thôn, liên thôn														Đường trục thôn, liên thôn							
Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 2, xã Ninh Sơn, đoạn từ Tỉnh Lộ 7 đến nhà ông Lâm	2025	1.040	728	312	Nâng cấp, sửa chữa	- Chiều dài: 380 m. - Mặt đường nâng cấp BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3 m dày bình quân 18 cm, lề đường đất mỗi bên 0,25m		2024						Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 2, xã Ninh Sơn, đoạn từ Tỉnh Lộ 7 đến nhà ông Lâm	2024	1.040	728	312	Nâng cấp, sửa chữa	- Chiều dài: 380 m. - Mặt đường nâng cấp BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3 m dày bình quân 18 cm, lề đường đất mỗi bên 0,25m	
Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 2, đoạn từ TL 7 đến mương NC2	2025	1.210	847	363	Nâng cấp, sửa chữa	- Chiều dài: 680 m. - Tận dụng mặt đường BTXM hiện hữu, rải thảm tăng cường lớp Carboncor Asphalt trên mặt đường hiện hữu có kết cấu từ trên xuống như sau: - Tăng cường lớp Carboncor Asphalt (loại CA 9,5) dày 3cm. - Bù vênh trên mặt đường hiện hữu 1 lớp Carboncor Asphalt (loại CA 9,5) dày bình quân 1,5cm tạo bằng phẳng (vệ sinh mặt đường hiện hữu trước khi thi công)		2024						Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 2, đoạn từ TL7 đến mương NC2	2024	1.210	847	363	Nâng cấp, sửa chữa	- Chiều dài: 680 m. - Tận dụng mặt đường BTXM hiện hữu, rải thảm tăng cường lớp Carboncor Asphalt trên mặt đường hiện hữu có kết cấu từ trên xuống như sau: - Tăng cường lớp Carboncor Asphalt (loại CA 9,5) dày 3cm. - Bù vênh trên mặt đường hiện hữu 1 lớp Carboncor Asphalt (loại CA 9,5) dày bình quân 1,5cm tạo bằng phẳng (vệ sinh mặt đường hiện hữu trước khi thi công).	
Đường BTXM thôn 4, xã Ninh Sơn, đoạn từ nhà ông Dương đến suối Ngang	2024	1.240	868	372	Xây mới	- Chiều dài: 340 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3 m dày 18 cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m			-7	-5	-2			Đường BTXM thôn 4, xã Ninh Sơn, đoạn từ nhà ông Dương đến suối Ngang	2024	1.233	863	370	Xây mới	- Chiều dài: 510 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3 m dày 18 cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m	
Cơ sở vật chất văn hóa																					
Nhà thi đấu đa năng xã Ninh Sơn	2024	3.420	1.026	2.394	Xây dựng mới	Khối nhà 01 tầng với diện tích 1307m2 (trừ hành lang quanh nhà) - Hệ thống hạ tầng kỹ thuật gồm: Hệ thống cấp điện và chống sét; cấp thoát nước trong nhà; hệ thống PCCC.... - Hạ tầng sân nền, cây xanh, tham cỏ và bồn hoa, bó vỉa kèm theo.	Trung tâm văn hóa thể thao xã Ninh Sơn (Hạng mục: Nhà văn hóa đa năng)						- Nhà văn hóa đa năng: 550m2. Hệ thống điện chiếu sáng và mua sắm thiết bị. - Nhà để xe: Diện tích: 36m2 - Sân bê tông xi măng và đường nội bộ: Diện tích: 360m2. * Cổng tường rào: dài khoảng 150m	Trung tâm văn hóa thể thao xã Ninh Sơn (Hạng mục: Nhà văn hóa đa năng)	2024	3.420	1.026	2.394	Xây dựng mới	- Nhà văn hóa đa năng: 550m2. Hệ thống điện chiếu sáng và mua sắm thiết bị. - Nhà để xe: Diện tích: 36m2; - Sân bê tông xi măng và đường nội bộ: Diện tích: 360m2; - Cổng tường rào: dài khoảng 150m;	
Cổng tường rào khu thể thao thôn 2	2024	620		620		Chiều dài xây dựng 256 m dài với quy mô: - Xây mới công chính với các thông số kỹ thuật chính: Móng, cột bằng BTCT đá 1x2 mác 250, ốp cột bằng gạch bê tông đặc vữa xi măng mác75, toàn bộ cổng sơn 05 nước. Cửa cổng bằng thép hộp mạ kẽm, sơn 05 nước - Hai mặt bên cổng mặt tiền xây dựng tường rào song sắt. - Tường rào bao quanh bằng trụ BTCT kết hợp kèo lươi B40			-145		-145			Cổng tường rào khu thể thao thôn 2	2024	475			Xây dựng mới	Chiều dài xây dựng 256 m dài với quy mô: - Xây mới công chính với các thông số kỹ thuật chính: Móng, cột bằng BTCT đá 1x2 mác 250, ốp cột bằng gạch bê tông đặc vữa xi măng mac75, toàn bộ cổng sơn 05 nước. Cửa cổng bằng thép hộp mạ kẽm, sơn 05 nước. - Hai mặt bên cổng mặt tiền xây dựng tường rào song sắt. - Tường rào bao quanh bằng trụ BTCT kết hợp kèo lươi B40	475	
Cổng tường rào khu thể thao thôn 3	2024	620		620	Xây dựng mới	Chiều dài xây dựng 310 m dài với quy mô: - Xây mới công chính với các thông số kỹ thuật chính: Móng, cột bằng BTCT đá 1x2 mác 250, ốp cột bằng gạch bê tông đặc vữa xi măng mac75, toàn bộ cổng sơn 05 nước. Cửa cổng bằng thép hộp mạ kẽm, sơn 05 nước. - Hai mặt bên cổng mặt tiền xây dựng tường rào song sắt. - Tường rào bao quanh bằng trụ BTCT kết hợp kèo lươi B40			-372		-372		Chiều dài xây dựng 120 m dài với quy mô: - Xây mới công chính với các thông số kỹ thuật chính: Móng, cột bằng BTCT đá 1x2 mác 250, ốp cột bằng gạch bê tông đặc vữa xi măng mac75, toàn bộ cổng sơn 03 nước. Cửa cổng bằng thép hộp mạ kẽm, sơn 03 nước. - Hai mặt bên cổng mặt tiền xây dựng tường rào song sắt. - Tường rào bao quanh bằng trụ BTCT kết hợp kèo lươi B40	Cổng tường rào khu thể thao thôn 3	2024	248				Chiều dài xây dựng 120 m dài với quy mô: - Xây mới công chính với các thông số kỹ thuật chính: Móng, cột bằng BTCT đá 1x2 mác 250, ốp cột bằng gạch bê tông đặc vữa xi măng mac75, toàn bộ cổng sơn 05 nước. Cửa cổng bằng thép hộp mạ kẽm, sơn 03 nước. - Hai mặt bên cổng mặt tiền xây dựng tường rào song sắt. - Tường rào bao quanh bằng trụ BTCT kết hợp kèo lươi B40	
Cổng tường rào khu thể thao thôn 4	2024	680		680	Xây dựng mới	Chiều dài xây dựng 242 m dài với quy mô: - Xây mới công chính với các thông số kỹ thuật chính: Móng, cột bằng BTCT đá 1x2 mác 250, ốp cột bằng gạch bê tông đặc vữa xi măng mác75, toàn bộ cổng sơn05 nước. Cửa cổng bằng thép hộp mạ kẽm, sơn 03 nước - Hai mặt bên cổng mặt tiền xây dựng tường rào song sắt. - Tường rào bao quanh bằng trụ BTCT kết hợp Kèo lươi B40			-130		-130			Cổng tường rào khu thể thao thôn 4	2024	550			Xây dựng mới	Chiều dài xây dựng 242 m dài với quy mô: - Xây mới công chính với các thông số kỹ thuật chính: Móng, cột bằng BTCT đá 1x2 mác 250, ốp cột bằng gạch bê tông đặc vữa xi măng mác75, toàn bộ cổng sơn 05 nước. Cửa cổng bằng thép hộp mạ kẽm, sơn 03 nước. - Hai mặt bên cổng mặt tiền xây dựng tường rào song sắt. - Tường rào bao quanh bằng trụ BTCT kết hợp kèo lươi B40	550	
Xã Ninh Thân									*330*	*-105*	*435*										
Quy hoạch																					
Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	520		520				2023-2024						Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023-2024	520		520			
Giao thông																					
Đường trục thôn, liên thôn														Đường trục thôn, liên thôn							
Đường liên thôn từ đường liên xã đến nhà bà Đặng Thị Hơn	2024	400	280	120	Xây dựng mới	Dài 200m, mặt đường 3,5m, nền 5m			-150	-105	-45		BTXM, dài khoảng 194m, mặt đường 2m, nền 3m	Đường liên thôn từ đường liên xã đến nhà bà Đặng Thị Hơn	2024	250	175	75	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 194m, mặt đường 2m, nền 3m	
Đường liên thôn đến cầu bi Ninh Trung	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Dài 600m, mặt đường 3,5m, nền 5m;							BTXM, dài khoảng 486m, mặt đường 3m, nền 4m	Đường liên thôn đến cầu bi Ninh Trung	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 486m, mặt đường 3m, nền 4m	
Đường liên thôn từ cổng ông Bương đến đỉnh Tân Phong	2024	800	560	240	Xây dựng mới	Dài 400m, mặt đường 3,5m, nền 5m							BTXM, dài khoảng 300m, mặt đường 3,5m, nền 5m	Đường liên thôn từ cổng ông Bương đến đỉnh Tân Phong	2024	800	560	240	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 300m, mặt đường 3,5m, nền 5m	
Đường liên thôn từ đường WB2 đến nhà bà Lê Thị Cảm	2024	520	364	156	Xây dựng mới	Dài 260m, mặt đường 3,5m, nền 5m							BTXM, dài khoảng 260m, mặt đường 2m, nền 3m	Đường liên thôn từ đường WB2 đến nhà bà Lê Thị Cảm	2024	520	364	156	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 260m, mặt đường 2m, nền 3m	
Đường liên thôn từ cầu chùa Mỹ Hoan đến cầu hai Trại	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Dài 600m, mặt đường 3,5m, nền 5m						Nâng cấp, sửa chữa		Đường liên thôn từ cầu chùa Mỹ Hoan đến cầu hai Trại	2024	1.200	840	360	Nâng cấp, sửa chữa	Dài 600m, mặt đường 3,5m, nền 5m	
Đường xóm, ngõ xóm														Đường xóm, ngõ xóm							
Đường trục xóm Nhà Sự (đường WB2 đến nhà ông Sơn)	2024	240		240	Xây dựng mới	Dài 120m, mặt đường 3m, nền 3m			310		310		BTXM, dài khoảng 272m, mặt đường 2m, nền 3m	Đường trục xóm Nhà Sự (đường WB2 đến nhà ông Sơn)	2024	*550*		550	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 272m, mặt đường 2m, nền 3m	
Đường ngõ xóm Đại Mỹ (nhà ông Huệ đến nhà bà Tràyj)	2024	180		180	Xây dựng mới	Dài 90m, mặt đường 3m, nền 3,5m			170		170		BTXM, dài khoảng 180m, mặt đường 2m, nền 3m	Đường ngõ xóm Đại Mỹ (nhà ông Huệ đến nhà bà Tràyj)	2024	350		350	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 180m, mặt đường 2m, nền 3m	
Đường ngõ xóm Đại Mỹ (nhà ông Xù đến nhà ông Nhài)	2024	400		400	Xây dựng mới	Dài 200m, mặt đường 3m, nền 4m							BTXM, dài khoảng 200m, mặt đường 2m, nền 3m	Đường ngõ xóm Đại Mỹ (nhà ông Xù đến nhà ông Nhài)	2024	400		400	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 200m, mặt đường 2m, nền 3m	

Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	Điều chỉnh tăng/giảm vốn			Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Ghi chú
									TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác										
Đường ngõ xóm Mỹ Hoàn (nhà ông Ngôn đến nhà ông Út)	2024	500		500	Xây dựng mới	Dài 250m, mặt đường 3m, nền 3m							BTXM, dài khoảng 220m, mặt đường 2m, nền 3m	Đường ngõ xóm Mỹ Hoàn (nhà ông Ngôn đến nhà ông Út)	2024	500		500	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 220m, mặt đường 2m, nền 3m	
Đường ngõ xóm Mỹ Hoàn (nhà ông Nhứt đến nhà ông Tài)	2024	420		420	Xây dựng mới	Dài 210m, mặt đường 3m, nền 3m							BTXM, dài khoảng 210m, mặt đường 2m, nền 3m	Đường ngõ xóm Mỹ Hoàn (nhà ông Nhứt đến nhà ông Tài)	2024	420		420	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 210m, mặt đường 2m, nền 3m	
Đường ngõ xóm Nhì Sự (ngã ba bà Nước đến nhà Tuấn Tèo)	2024	360		360	Xây dựng mới	Dài 210m, mặt đường 3m, nền 3m							BTXM, dài khoảng 150m, mặt đường 3m, nền 4m	Đường ngõ xóm Nhì Sự (ngã ba bà Nước đến nhà Tuấn Tèo)	2024	360		360	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 150m, mặt đường 3m, nền 4m	
Đường ngõ xóm Tân Phong nhánh (T1 đến nhà ông sáng)	2024	500		500	Xây dựng mới	Nâng cấp dài 250m, mặt đường 3m, nền 3m							BTXM, dài khoảng 205m, Mặt đường 3m, nền 4m	Đường ngõ xóm Tân Phong nhánh (T1 đến nhà ông hằng)	2024	500		500	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 205m, Mặt đường 3m, nền 4m	
Đường trục chính nội đồng														Đường trục chính nội đồng							
Đường nội đồng từ nhà bà Nguyễn Thị Thành đến nhà ông Bùi Chánh	2024	800	560	240	Xây dựng mới	Dài 650m, mặt đường 3m, nền 3m							BTXM, dài khoảng 210 m, mặt đường 3m, nền 4m	Đường nội đồng từ nhà bà Nguyễn Thị Thành đến nhà ông Bùi Chánh	2024	800	560	240	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 210 m, mặt đường 3m, nền 4m	
Đường nội đồng từ nhà ông Lâu đến gò Hóc Nhứt	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Dài 970m, mặt đường 3m, nền 3m (cấp phối)							BTXM, dài khoảng 505m, mặt đường 3m, nền 4m	Đường nội đồng từ nhà ông Lâu đến gò Hóc Nhứt	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 505m, mặt đường 3m, nền 4m	
Đường nội đồng từ đường liên thôn đến nhà ông Sư	2024	400	280	120	Xây dựng mới	Dài 3230m, mặt đường 3m, nền 3m (cấp phối)							BTXM, dài khoảng 110m, mặt đường 2m, nền 3m	Đường nội đồng từ đường liên thôn đến nhà ông Sư	2024	400	280	120	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 110m, mặt đường 2m, nền 3m	
Thuỷ lợi và phòng chống thiên tai																					
Đoạn mương từ đường nội đồng Lò Bo đến ruộng 5*nL'BND xã	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Dài 600m, rộng 0,6m, cao 1m							Dài khoảng 435m, rộng 0,6m; cao 0,6m	Đoạn mương từ đường nội đồng Lò Bo đến ruộng 5*nL'BND xã	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Dài khoảng 435m, rộng 0,6m; cao 0,6m	
Xã Ninh Tân									*300*	-	*300*										
Quy hoạch																					
Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	200		200				2023-2024	300		300			Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023-2024	500		500			
Giao thông																					
Đường trục thôn, liên thôn														Đường trục thôn, liên thôn							
Đường tuyến 2600 (từ TL5) đến đất ông Dương Văn Hùng	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.							BTXM, dài khoảng 551m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	Đường tuyến 2600 (từ TL5) đến đất ông Dương Văn Hùng	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 551m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	
Đường tuyến 1400 đến mặt khu	2024	1.150	805	345	Xây dựng mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.							BTXM, dài khoảng 632m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	Đường tuyến 1400 đến mặt khu	2024	1.150	805	345	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 632m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	
Đường từ TL 8 đến đất Ông Thành	2024	1.100	770	330	Xây dựng mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.							BTXM, dài khoảng 575m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	Đường từ TL 8 đến đất Ông Thành	2024	1.100	770	330	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 575m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	
Đường từ đất ông Hoàng đến đất ông Phong 2800	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.							BTXM, dài khoảng 700m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	Đường từ đất ông Hoàng đến đất ông Phong 2800	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 700m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	
Đường xóm, ngõ xóm														Đường xóm, ngõ xóm							
Đường từ Bùi Thị Hằng đến đập suối hạ	2024	1.000		1.000	Xây dựng mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM 460m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m							BTXM, dài khoảng 357,7m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	Đường từ Bùi Thị Hằng đến đập suối hạ	2024	1.000		1.000	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 357,7m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	
Đường trục chính nội đồng														Đường trục chính nội đồng							
Đường từ đất ông Quang đến đất Ông Phúc	2024	1.100	770	330	Xây dựng mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.							BTXM, dài khoảng 602m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	Đường từ đất ông Quang đến đất Ông Phúc	2024	1.100	770	330	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 602m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	
Đường từ đất ông Khuyến đến chân đồi An Giang	2024	1.100	770	330	Xây dựng mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.							BTXM, dài khoảng 604m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	Đường từ đất ông Khuyến đến chân đồi An Giang	2024	1.100	770	330	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 604m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	
Đường từ đất Ông Hiền đến suối Hàn	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.							BTXM, dài khoảng 500m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	Đường từ đất Ông Hiền đến suối Hàn	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 500m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	
Thuỷ lợi và phòng chống thiên tai																					
Kênh mương nghĩa xanh phía Bắc	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Kiên cố hóa L 800m							Kiên cố hóa L khoảng 415m	Kênh mương nghĩa xanh phía Bắc	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Kiên cố hóa L khoảng 415m	
Xã Ninh Quang									*1.665*	*325*	*1.340*										
Quy hoạch																					
Quy hoạch chung xây dựng xã	2025	200		200				2025-2024	400		400			Quy hoạch chung xây dựng xã	2022-2024	600		600			
Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã	2025	200		200				2022-2024	800		800			Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã	2022-2024	1.000		1.000			
Giao thông																					
Đường cấp phối từ nhà ông Ngâm thôn Quang Vinh lên nhà bà Nhung thôn Thanh Mỹ	2024	750	525	225	Xây dựng mới	Cấp phối, chiều dài L = 350 m, rộng 6 m			-1	-1				thôn Quang Vinh đến nhà bà Nhung thôn Thanh Mỹ	2024	749	524	225	Xây dựng mới	Cấp phối, chiều dài L = 350 m, rộng 6 m	
Đường nội đồng Trại Cây Đội 5 thôn Phú Hòa	2024	600	420	180	Sửa chữa	Cấp phối, chiều dài L = 300 m, rộng 6 m			-3	-2	-1			thôn Phú Hòa	2024	597	418	179	Sửa chữa	Cấp phối, chiều dài L = 300 m, rộng 6 m	
Thuỷ lợi và phòng chống thiên tai																					
Kênh mương BTXM đồng Bà Nghiên nhánh 1	2024	500	350	150	Xây dựng mới	BTXM, chiều dài L= 300 m, rộng 0,4 m	Kênh mương BTXM đồng Bà Nghiên		482	337	145		BTXM, chiều dài L= 600 m, kích thước 0,4 x 0,5 m	Kênh mương BTXM đồng Bà Nghiên	2024	982	687	295	Xây dựng mới	BTXM, chiều dài L = 600 m, kích thước 0,4 x 0,5 m	Gộp với công trình Kênh mương BTXM đồng Bà Nghiên nhánh 2
Kênh mương BTXM đồng Cạnh Buồm	2024	800	560	240	Xây dựng mới	BTXM, chiều dài L= 400 m, rộng 0,5 m			-9	-6	-3			Buồm	2024	791	554	237	Xây dựng mới	BTXM, chiều dài L = 400 m, rộng 0,5 m	
Kênh mương BTXM đồng Cây Kè	2024	500	350	150	Xây dựng mới	BTXM, chiều dài L= 250 m, rộng 0,5 m			-4	-3	-1			Kênh mương BTXM đồng Cây Kè	2024	496	347	149	Xây dựng mới	BTXM, chiều dài L= 250 m, rộng 0,5 m	
Xã Ninh Đông																					
Quy hoạch																					
Quy hoạch chung xây dựng xã	2025	520		520				2023-2024						Quy hoạch chung xây dựng xã	2022-2024	520		520			
Xã Ninh Lộc																					
Quy hoạch																					
Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã	2023	200		200				2023-2024						Quy hoạch chung xây dựng xã	2023-2024	200		200			
Thuỷ lợi và phòng chống thiên tai																					
Kiên cố hóa kênh mương Bong đoạn cuối	2024	1.400	980	420	Xây dựng mới	dài 631 m, 0,6 *0,6 m		2025						Kiên cố hóa kênh mương Bong đoạn cuối	2025	1.400	980	420	Xây dựng mới	dài 631 m, 0,6 * 0,6 m	
Xã Ninh Vân									*2.569*	*1.183*	*1.387*										
Quy hoạch																					
Quy hoạch chung xây dựng xã	2025	300		300				2025-2024						Quy hoạch chung xây dựng xã	2023-2024	300		300			
Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã	2025	220		220				2025-2024	880		880			Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã	2023-2024	1.100		1.100			
Giao thông																					
Đường trục thôn, liên thôn														Đường trục thôn, liên thôn							
Đường số 24 (mở mới) đoạn từ Trạm y tế xã đến Đường số 1	2024	246	172	74	Xây dựng mới	Xây dựng tuyến đường BTXM dài 160 m, rộng 4,0 m			304	213	91			Đường số 24 (mở mới) đoạn từ Trạm y tế xã đến Đường số 1	2024	550	385	165	Xây dựng mới	Xây dựng tuyến đường BTXM dài 160 m, rộng 4,0 m	
Đường số 5 (nối dài) đoạn từ đường số 1 đến Khu SX suối ông Cần	2024	225	158	68	Xây dựng mới	Xây dựng tuyến đường BTXM dài 150 m, rộng 6,0 m, lề đất mỗi bên rộng 1,25 m, mặt đường rộng 3,5m			675	472	203		BTXM dài khoảng 250 m, rộng 6,0 m, lề đất mỗi bên rộng 1,25 m, mặt đường rộng 3,5m	Đường số 5 (nối dài) đoạn từ đường số 1 đến Khu SX suối ông Cần	2024	900	630	270	Xây dựng mới	BTXM dài khoảng 250 m, rộng 6,0 m, lề đất mỗi bên rộng 1,25 m, mặt đường rộng 3,5m	

Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	Điều chỉnh tăng/giảm vốn: TMĐT	Điều chỉnh tăng/giảm vốn: NS cấp tỉnh	Điều chỉnh tăng/giảm vốn: NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Ghi chú
Đường số 21 đoạn từ đường số 7 đến Hòn Dăng	2024	330	231	99	Xây dựng mới	Xây dựng tuyến đường BTXM dài 220m, rộng 6.0 m, lề đất mỗi bên rộng 1.25 m, mặt đường rộng 3,5m			470	329	141		Chiều dài khoảng 220m,nền đường 4m, mặt BTXM 4m	Đường số 21 đoạn từ đường số 7 đến Hòn Dăng	2024	810	560	240	Xây dựng mới	Chiều dài khoảng 220m,nền đường 4m, mặt BTXM 4m	
Đường vào SVD xã đoạn từ đường số 1 đến Sân TT QH mới	2024	105	74	32	Xây dựng mới	Xây dựng tuyến đường BTXM dài 100 m, rộng 8.0 m, lề đất mỗi bên rộng 2.25 m, mặt đường rộng 3,5m			240	168	72		Chiều dài khoảng 70m. nền đường 5m, mặt BTXM 3m	Đường vào SVD xã đoạn từ đường số 1 đến Sân TT QH mới	2024	345	242	104	Xây dựng mới	Chiều dài khoảng 70m. nền đường 5m, mặt BTXM 3m	
Xã Ninh Trung																					
Quy hoạch																					
Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	520		520				2023-2024						Quy hoạch chung xây dựng xã	2023-2024	520		520			
Thực hiện ưu phòng chống thiên tai																					
Khẩu ông Tiên - Ruộng đội 4	2024	400	280	120	Xây dựng mới	Mương BTXM 60x60, L = 200m		2025						Khẩu ông Tiên - Ruộng đội 4	2025	400	280	120	Xây dựng mới	Mương BTXM 60x60, L = 200m	
Kênh từ nhà ông Toan đến nhà ông Huy	2024	700	490	210	Xây dựng mới	Mương BTXM 50x50, L = 300m		2025						Kênh từ nhà ông Toan đến nhà ông Huy	2025	700	490	210	Xây dựng mới	Mương BTXM 50x50, L = 300m	
Kênh từ bà Nhiên đến đồng dụng (Gđ2)	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	Mương BTXM 60x60, L =540m		2025						Kênh từ bà Nhiên đến đồng dụng (Gđ2)	2025	1.000	700	300	Xây dựng mới	Mương BTXM 60x60, L =540m	
Kênh từ N17 đến Đồng Cũ (gđ2)	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	Mương BTXM 60x60, L =540m		2025						Kênh từ N17 đến Đồng Cũ (gđ2)	2025	1.000	700	300	Xây dựng mới	Mương BTXM 60x60, L =540m	
Xã Ninh Ich																					
Quy hoạch																					
Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	520		520			Quy hoạch chung xây dựng xã	2023-2024						Quy hoạch chung xây dựng xã	2023-2024	520		520			
Xã Ninh Xuân																					
Quy hoạch																					
Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	520		520				2023-2024						Quy hoạch chung xây dựng xã	2023-2024	520		520			
Xã Ninh Sim																					
Quy hoạch																					
Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	520		520			Quy hoạch chung xây dựng xã	2023-2024						Quy hoạch chung xây dựng xã	2023-2024	520		520			
HUYỆN DIÊN KHÁNH									-11	-8	-3										
Hệ thống kênh tưới nội đồng vùng ruộng Trang Găng	2025	12.000	8.400	3.600	Xây dựng mới	KCH hệ thống kênh nội đồng, tổng chiều dài khoảng 8.00km							Chiều dài 5897.8m	Hệ thống kênh tưới nội đồng vùng ruộng Trang Găng	2025	12.000	8.400	3.600	Xây dựng mới	Chiều dài 5897.8m	
Xây dựng nhà kho HTX Suối Hiệp 1	2025	1.000	560	440	Xây dựng mới				-1	-1				Suối Hiệp 1	2025	999	559	440	Xây dựng mới		
Xây dựng xưởng chế biến HTX Suối Hiệp 1	2025	1.000	560	440	Xây dựng mới				-2	-1	-1			Suối Hiệp 1	2025	998	559	439	Xây dựng mới		
Nhà Máy sấy HTX NN Suối Tiên	2025	1.000	560	440	Xây dựng mới				-1	-1				Nhà Máy sấy HTX NN Suối Tiên	2025	999	559	440	Xây dựng mới		
Xã Diên Thọ																					
Thực hiện ưu phòng chống thiên tai																					
KCH kênh tưới Bà Thắt thôn Lễ Thạnh	2024	900	650	270	Nâng cấp, sửa chữa	KCH kênh bê tông xi măng chiều dài 620m			-1	-1				KCH kênh tưới Bà Thắt thôn Lễ Thạnh	2024	899	629	270	Nâng cấp, sửa chữa	KCH kênh bê tông xi măng chiều dài 620m	
Xã Diên Hòa									-6	-4	-2										
CSHC Văn Hoá																					
Trang bị dụng cụ tập luyện ngoài trời choTrung tâm Thể thao xã	2024	500	150	350	Mua sắm, lắp đặt	Lắp đặt các hệ thống tập luyện thể thao tại trung tâm thể thao của xã			-2	-1	-1			Trang bị dụng cụ tập luyện ngoài trời choTrung tâm Thể thao xã	2024	498	149	349	Mua sắm, lắp đặt	Lắp đặt các hệ thống tập luyện thể thao tại trung tâm thể thao của xã	
Giao thông																					
Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã ba Bình Khánh - cầu Cây da	2024	1.200	840	360	Nâng cấp, mở rộng	Chiều dài tuyến đường dài 500m			-3	-2	-1			Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã ba Bình Khánh - cầu Cây da	2024	1.197	838	359	Nâng cấp, mở rộng	Chiều dài tuyến đường dài 500m	
Tổ chức sản xuất																					
Xây dựng nhà kho HTX Diên Hòa	2024	700	392	308	Xây dựng mới				-1	-1				Xây dựng nhà kho HTX Diên Hòa	2024	699	391	308	Xây dựng mới		
THÀNH PHỐ CAM RANH									-117	-82	-35										
Xã Cam Lập									-117	-82	-35										
Hạ tầng thông tin và truyền thông																					
Thay mới hệ thống đài truyền thanh xã	2023	1.100	770	330	mua mới	17 cụm loa			-117	-82	-35			Thay mới hệ thống đài truyền thanh xã	2023	982	688	295	mua mới	17 cụm loa	
HUYỆN KHÁNH VĨNH									314	-12	326										
Xã Sông Cầu																					
Giao thông									400		400										
Nâng cấp Bê tông hoa đường từ nhà ông Trần Thôi đến đường bê tông	2025	400		400		Xây mới đường BTXM dài 250m			400		400		Điểm đầu Nhà ông Thành, điểm cuối tiếp giáp đường bê tông Xây mới đường BTXM dài 310m	Nâng cấp Bê tông hóa đường từ nhà ông Trần Thôi đến đường bê tông	2025	800		800		Điểm đầu Nhà ông Thành, điểm cuối tiếp giáp đường bê tông Xây mới đường BTXM dài 310m	NQ62 (Điều chỉnh TMĐT - Quy mô đầu
Xã Khánh Thành																					
Cơ sở vật chất văn hoá																					
Xây dựng sân vận động xã Khánh Thành	2024	813	244	569		Xây dựng công, tường rào; san nền, trồng cỏ làm đẹp mặt sân với diện tích 8591.1 m2.		2025					Sân nền, trồng cỏ làm đẹp mặt sân, xây dựng hệ thống thoát nước và mua sắm trang thiết bị thể dục thể thao	Xây dựng sân vận động xã Khánh Thành	2025	813	244	569		Sân nền, trồng cỏ làm đẹp mặt sân, xây dựng hệ thống thoát nước và mua sắm trang thiết bị thể dục thể thao	NQ62 (Điều chỉnh năm thực hiện - Quy mô đầu tư)
Xã Khánh Thượng																					
Môi trường																					
Nâng cấp, chỉnh trang nghĩa trang xã Khánh Thượng	2025	1.100		1.100		Xây dựng, chỉnh trang với diện tích theo Quy hoạch là 4,3ha		2024						Nâng cấp, chỉnh trang nghĩa trang xã Khánh Thượng	2024	1.100		1.100		Xây dựng, chỉnh trang với diện tích theo Quy hoạch là 4,3ha	NQ62 (Điều chỉnh năm thực hiện)
Xã Khánh Hiệp									-79	-7	-72										
Giao thông																					
Tuyến H18 từ nhà cộng đồng xóm Y Bảo đến đất Y Soăn K Nai	2024	1.000	700	300	xây mới	Xây mới đường BTXM dài khoảng 600m, nền đường rộng 5.0 m; mặt đường rộng 3.5 m; kết hợp với hệ thống thoát nước			-78	-6	-72			Tuyến H18 từ nhà cộng đồng xóm Y Bảo đến đất Y Soăn K Nai	2024	922	694	228	xây mới	Xây mới đường BTXM dài khoảng 600m, nền đường rộng 5.0 m; mặt đường rộng 3.5 m; kết hợp với hệ thống thoát nước	
Tuyến H 21 từ điểm giữa Tổ đất Trần Thị Khoa đến khu sản xuất	2024	1.200	840	360	xây mới	Xây mới đường BTXM dài khoảng 600m, nền đường rộng 5.0 m; mặt đường rộng 3.5 m; kết hợp với hệ thống thoát nước			-1	-1				Tuyến H 21 từ điểm giữa Tổ đất Trần Thị Khoa đến khu sản xuất	2024	1199	839	360	xây mới	Xây mới đường BTXM dài khoảng 600m, nền đường rộng 5.0 m; mặt đường rộng 3.5 m; kết hợp với hệ thống thoát nước	
Xã Khánh Phú									-3	-3											
Giao thông																					
Bê tông hóa đường Cao Bình đi Lã Nia	2024	1.000	700	300	xây dựng mới	Xây dựng đường bê tông xi măng, mặt đường rộng 3,5m, nền đường rộng 0,5m, bào đam việc lưu thông xuyên suốt			-1	-1				Bê tông hóa đường Cao Bình đi Lã Nia	2024	999	699	300	xây dựng mới	Xây dựng đường bê tông xi măng, mặt đường rộng 3,5m, nền đường rộng 0,5m, bào đam việc lưu thông xuyên suốt	
Bê tông hóa đường từ ông Tỷ Đia đến ông Cao Dũng	2024	1.000	700	300	xây dựng mới	Xây dựng đường bê tông xi măng, mặt đường rộng 3,5m, nền đường rộng 0,5m, bào đảm việc lưu thông xuyên suốt			-1	-1				Bê tông hóa đường từ ông Tỷ Đia đến ông Cao Dũng	2024	999	699	300	xây dựng mới	Xây dựng đường bê tông xi măng, mặt đường rộng 3,5m, nền đường rộng 0,5m, bào đảm việc lưu thông xuyên suốt	
Đường vào khu sản xuất từ đất ông Cao Nam đến đất ông Phúc	2024	1.000	700	300	xây dựng mới	Xây dựng đường bê tông xi măng, mặt đường rộng 3,5m, nền đường rộng 0,5m, bào đảm việc lưu thông xuyên suốt			-1	-1				Đường vào khu sản xuất từ đất ông Cao Nam đến đất ông Phúc	2024	999	699	300	xây dựng mới	Xây dựng đường bê tông xi măng, mặt đường rộng 3,5m, nền đường rộng 0,5m, bào đảm việc lưu thông xuyên suốt	
Xã Giang Ly									-3		-3										
Cơ sở vật chất văn hóa																					

Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	Điều chỉnh tăng/giảm vốn			Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Ghi chú
									TMĐT	*NS cấp tỉnh*	*NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác*										
Nâng cấp, sửa chữa trường Tiểu học xã Giang Ly cũ thành trung tâm văn hóa thể thao xã	2024	1.400	420	980	nâng cấp, sửa chữa	Xây dựng cổng, tường rào; sân nền, thay ngói, lăn sơn, thay thế các thiết bị điện, trang thiết bị âm thanh			-1		-1			Nâng cấp, sửa chữa trường Tiểu học xã Giang Ly cũ thành trung tâm văn hóa thể thao xã	2024	1399	420	979	nâng cấp, sửa chữa	Xây dựng cổng, tường rào; sân nền, thay ngói, lăn sơn, thay thế các thiết bị điện, trang thiết bị âm thanh	
Xã Liên Sang																					
Giao thông									-3	-2	-1										
Đường nội đồng từ đất cây ông Cao Gia Minh đến đất cây ông Đàm Ngọc Thường	2024	1.130	791	339	Xây dựng mới	Xây mới đường BTXM dài khoảng 700m, nền đường rộng 6,0 m; mặt đường rộng 3,5 m			-1	-1				Đường nội đồng từ đất cây ông Cao Gia Minh đến đất cây ông Đàm Ngọc Thường	2024	1129	790	339	Xây dựng mới	Xây mới đường BTXM dài khoảng 700m, nền đường rộng 6,0 m; mặt đường rộng 3,5 m	
Đường vào khu Sản xuất Suối Vàng	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Xây mới đường BTXM dài khoảng 720m, nền đường rộng 6,0 m; mặt đường rộng 3,5 m			-2	-1	-1			Đường vào khu Sản xuất Suối Vàng	2024	1198	839	359	Xây dựng mới	Xây mới đường BTXM dài khoảng 720m, nền đường rộng 6,0 m; mặt đường rộng 3,5 m	

Mục 05b:

DANH MỤC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 27/NQ-HĐND NGÀY 21/7/2023 CỦA HĐND TỈNH

(Kèm theo Báo cáo số :BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh)

Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Điều chỉnh						Sau khi điều chỉnh						Ghi chú
							Tên công trình	Năm thực hiện	Điều chỉnh tăng/giảm vốn			Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	
									TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác										
									-647	-412	-235										
HUYỆN VẠN NINH									300		300										
Xã Vạn Hưng																					
Quy hoạch																					
Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Vạn Hưng giai đoạn 2021-2030	2023	400		400	Điều chỉnh, cập nhật	QH vùng huyện		2024				Rà soát, cập nhật điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn cấp xã phù hợp với các Quy hoạch cấp trên; trong đó có bố trí khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn		Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Vạn Hưng giai đoạn 2021-2030	2024	400		400	Rà soát, cập nhật điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn cấp xã phù hợp với các Quy hoạch cấp trên; trong đó có bố trí khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn		
Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn xã Vạn Hưng giai đoạn 2021-2030	2023	500		500	Điều chỉnh, cập nhật	QH vùng huyện		2024				Rà soát, cập nhật, bổ sung quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn phù hợp với các Quy hoạch cấp trên			2024	500		500	Rà soát, cập nhật, bổ sung quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn phù hợp với các Quy hoạch cấp trên		
Xã Vạn Lương																					
Quy hoạch																					
Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Vạn Lương giai đoạn 2021-2030	2023	500		500	Điều chỉnh, cập nhật	QH vùng huyện		2024				Rà soát, cập nhật điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn cấp xã phù hợp với các Quy hoạch cấp trên; trong đó có bố trí khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn			2024	500		500	Rà soát, cập nhật điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn cấp xã phù hợp với các Quy hoạch cấp trên; trong đó có bố trí khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn		
Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn xã Vạn Lương giai đoạn 2021-2030	2023	800		800	Điều chỉnh, cập nhật	QH vùng huyện		2024				Rà soát, cập nhật, bổ sung quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn phù hợp với các Quy hoạch cấp trên			2024	800		800	Rà soát, cập nhật, bổ sung quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn phù hợp với các Quy hoạch cấp trên		
Xã Vạn Phú																					
Quy hoạch																					
Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Vạn Phú giai đoạn 2021-2030	2023	500		500	Điều chỉnh, cập nhật	QH vùng huyện		2024				Rà soát, cập nhật điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn cấp xã phù hợp với các Quy hoạch cấp trên; trong đó có bố trí khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn			2024	500		500	Rà soát, cập nhật điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn cấp xã phù hợp với các Quy hoạch cấp trên; trong đó có bố trí khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn		
Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn xã Vạn Phú giai đoạn 2021-2030	2023	800		800	Điều chỉnh, cập nhật	QH vùng huyện		2024				Rà soát, cập nhật, bổ sung quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn phù hợp với các Quy hoạch cấp trên			2024	800		800	Rà soát, cập nhật, bổ sung quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn phù hợp với các Quy hoạch cấp trên		
Xã Vạn Bình									300		300										
Quy hoạch																					
Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Vạn Bình giai đoạn 2021-2030	2023	400		400	Điều chỉnh, cập nhật	QH vùng huyện			100		100	Rà soát, cập nhật điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn cấp xã phù hợp với các Quy hoạch cấp trên; trong đó có bố trí khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn			2024	500		500	Rà soát, cập nhật điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn cấp xã phù hợp với các Quy hoạch cấp trên; trong đó có bố trí khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn		
Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn xã Vạn Bình giai đoạn 2021-2030	2024	500		500	Điều chỉnh, cập nhật	QH vùng huyện			200		200	Rà soát, cập nhật, bổ sung quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn phù hợp với các Quy hoạch cấp trên			2024	700		700	Rà soát, cập nhật, bổ sung quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn phù hợp với các Quy hoạch cấp trên		
Xã Vạn Thắng																					
Quy hoạch																					
Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Vạn Thắng giai đoạn 2021-2030	2023	500		500	Điều chỉnh, cập nhật	QH vùng huyện		2024				Rà soát, cập nhật điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn cấp xã phù hợp với các Quy hoạch cấp trên; trong đó có bố trí khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn			2024	500		500	Rà soát, cập nhật điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn cấp xã phù hợp với các Quy hoạch cấp trên; trong đó có bố trí khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn		
Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn xã Vạn Thắng giai đoạn 2021-2030	2023	800		800	Điều chỉnh, cập nhật	QH vùng huyện		2024				Rà soát, cập nhật, bổ sung quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn phù hợp với các Quy hoạch cấp trên			2024	800		800	Rà soát, cập nhật, bổ sung quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn phù hợp với các Quy hoạch cấp trên		
Xã Vạn Khánh																					
Quy hoạch																					
Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Vạn Khánh giai đoạn 2021-2030	2023	500		500	Điều chỉnh, cập nhật	QH vùng huyện		2024				Rà soát, cập nhật điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn cấp xã phù hợp với các Quy hoạch cấp trên; trong đó có bố trí khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn			2024	500		500	Rà soát, cập nhật điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn cấp xã phù hợp với các Quy hoạch cấp trên; trong đó có bố trí khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn		
Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn xã Vạn Khánh giai đoạn 2021-2030	2023	800		800	Điều chỉnh, cập nhật	QH vùng huyện		2024				Rà soát, cập nhật, bổ sung quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn phù hợp với các Quy hoạch cấp trên			2024	800		800	Rà soát, cập nhật, bổ sung quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn phù hợp với các Quy hoạch cấp trên		
Xã Vạn Long																					
Quy hoạch																					

Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	Điều chỉnh tăng/giảm vốn			Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Ghi chú
									TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác										
Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Vạn Long giai đoạn 2021-2030	2025	500		500	Điều chỉnh, cập nhật	QH vùng huyện		2024				Rà soát, cập nhật điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn cấp xã phù hợp với các Quy hoạch cấp trên; trong đó có bố trí khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn			2024	500		500	Rà soát, cập nhật điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn cấp xã phù hợp với các Quy hoạch cấp trên; trong đó có bố trí khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn		
Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn xã Vạn Long giai đoạn 2021-2030	2025	800		800	Điều chỉnh, cập nhật	QH vùng huyện		2024				Rà soát, cập nhật, bổ sung quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn phù hợp với các Quy hoạch cấp trên			2024	800		800	Rà soát, cập nhật, bổ sung quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn phù hợp với các Quy hoạch cấp trên		
Xã Vạn Phước																					
Quy hoạch																					
Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Vạn Phước giai đoạn 2021-2030	2025	500		500	Điều chỉnh, cập nhật	QH vùng huyện		2024				Rà soát, cập nhật điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn cấp xã phù hợp với các Quy hoạch cấp trên; trong đó có bố trí khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn			2024	500		500	Rà soát, cập nhật điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn cấp xã phù hợp với các Quy hoạch cấp trên; trong đó có bố trí khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn		
Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn xã Vạn Phước giai đoạn 2021-2030	2025	800		800	Điều chỉnh, cập nhật	QH vùng huyện		2024				Rà soát, cập nhật, bổ sung quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn phù hợp với các Quy hoạch cấp trên			2024	800		800	Rà soát, cập nhật, bổ sung quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn phù hợp với các Quy hoạch cấp trên		
Xã Vạn Thọ																					
Quy hoạch																					
Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Vạn Thọ giai đoạn 2021-2030	2025	500		500	Điều chỉnh, cập nhật	QH vùng huyện		2024				Rà soát, cập nhật điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn cấp xã phù hợp với các Quy hoạch cấp trên; trong đó có bố trí khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn			2024	500		500	Rà soát, cập nhật điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn cấp xã phù hợp với các Quy hoạch cấp trên; trong đó có bố trí khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn		
Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn xã Vạn Thọ giai đoạn 2021-2030	2025	800		800	Điều chỉnh, cập nhật	QH vùng huyện		2024				Rà soát, cập nhật, bổ sung quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn phù hợp với các Quy hoạch cấp trên			2024	800		800	Rà soát, cập nhật, bổ sung quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn phù hợp với các Quy hoạch cấp trên		
THỊ XÃ NINH HÒA									-706	-248	-458										
Xã Ninh Hưng									-379	-246	-133										
Quy hoạch																					
Quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	2025	800		800				2023-2024						Quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	2023-2024	800		800			
Giao thông																					
Đường thôn Phụng Cang từ nhà bà Nghề đến nhà bà Hương	2023	750	525	225	Xây dựng mới	L = 327m, nền đường rộng 4m, mặt đường BTXM rộng 3m, lề mỗi bên 0.5m			-44	-31	-15			Đường thôn Phụng Cang từ nhà bà Nghề đến nhà bà Hương	2023	706	494	212	Xây dựng mới	L = 327m, nền đường rộng 4m, mặt đường BTXM rộng 3m, lề mỗi bên 0.5m.	
Nâng cấp đường liên thôn Phú Da - Phụng Cang	2023	1.300	770	530	Nâng cấp, sửa chữa	L = 273.04m, nền đường BTXM hiện trạng 3m, mở rộng phải tuyến thêm 1.5m và mở rộng tuyến trái 1m; kết cấu mở rộng BTXM dày 18cm. Kết cấu mặt đường nhựa rộng 5.5m (đã tính phần mở rộng): mặt trên tham nhựa Tham BTN C12.5 dày 5cm			-5	-2	-1			Nâng cấp đường liên thôn Phú Da - Phụng Cang	2023	1.097	768	329	Nâng cấp, sửa chữa	L = 273.04m, nền đường BTXM hiện trạng 3m, mở rộng phải tuyến thêm 1.5m và mở rộng tuyến trái 1m; kết cấu mở rộng BTXM dày 18cm. Kết cấu mặt đường nhựa rộng 5.5m (đã tính phần mở rộng): mặt trên tham nhựa Tham BTN C12.5 dày 5cm	
Đường nội đồng khu sản xuất Trang Cam đoạn từ trại ông Chem đến trại ông Phi	2023	2.200	1.540	660	Xây dựng mới	L = 1.810m, mặt đường cấp phối đá dăm rộng 4.5m			-52	-36	-16			Cam đoạn từ trại ông Chem đến trại ông Phó	2025	2.148	1.504	644	Xây dựng mới	L = 1.810m, mặt đường cấp phối đá dăm rộng 4.5m	
Nâng cấp đường trung tâm xã từ UBND xã đến Chợ xã	2025	1.200	840	360	Nâng cấp, sửa chữa	Lkhoảng 332.58m (01 tuyến phía bên trái), hiện trạng 3.5m và mở rộng1.5 - 2m, kết cấu mở rộng bê tông xi măng dày 18cm. Nền đường 5.5m, trải tham nhựa 5.5m, lề 1m. -			-19	-13	-6			Nâng cấp đường trung tâm xã từ UBND xã đến Chợ xã	2025	1.181	827	354	Nâng cấp, sửa chữa	Lkhoảng 332.58m (01 tuyến phía bên trái), hiện trạng 3.5m và mở rộng1.5 - 2m, kết cấu mở rộng bê tông xi măng dày 18cm. Nền đường 5.5m, trải tham nhựa 5.5m, lề 1m.	
Đường thôn Trường Lộc khu quy hoạch Gò Xoài	2025	950	665	285	Xây dựng mới	L khoảng 191.7m, nền đường 10m, mặt đường BTXM 5m dày 20cm, lề đất mỗi bên 2.5m			-100	-70	-30			Đường thôn Trường Lộc khu quy hoạch Gò Xoài	2025	850	595	255	Xây dựng mới	L khoảng 191.7m, nền đường 10m, mặt đường BTXM 5m dày 20cm, lề đất mỗi bên 2.5m	
Đường thôn Phú Da từ nhà ông Thao đến đường liên thôn	2025	1.200	840	360	Xây dựng mới	L khoảng 275m, nền đường 4.5m, mặt đường BTXM 3.5m dày 20cm, lề đất mỗi bên 0.5m. Thiết kế 3 cống hộp thoát nước			-31	-22	-9			Đường thôn Phú Da từ nhà ông Thao đến đường liên thôn	2025	1.169	818	351	Xây dựng mới	L khoảng 275m, nền đường 4.5m, mặt đường BTXM 3.5m dày 20cm, lề đất mỗi bên 0.5m. Thiết kế 3 cống hộp thoát nước	
Đường liên thôn Tân Hưng - Gò Sân đoạn từ nhà ông Quý đến nhà ông Nhẫu	2025	1.200	840	360	Xây dựng mới	L khoảng 600m, nền đường 5m, mặt đường BTXM dày 18cm, lề đất mỗi bên 1m			-18	-13	-5			Đường liên thôn Tân Hưng - Gò Sân đoạn từ nhà ông Quý đến nhà ông Nhẫu	2025	1.182	827	355	Xây dựng mới	L khoảng 600m, nền đường 5m, mặt đường BTXM 3m dày 18cm, lề đất mỗi bên 1m	
Nâng cấp đường thôn Trường Lộc đoạn từ nhà bà Giang đến nhà ông Vỹ	2025	1.200	840	360	Nâng cấp, sửa chữa	L khoảng 504.57m, nền hiện trạng 2.5m và mở rộng thêm 1m; Kết cấu mở rộng BTXM dày 20cm. Kết cấu mặt đường rộng 4.5m, mặt tham nhựa rộng 3.5m, lề đất mỗi bên 0.5m.			-39	-27	-12			Nâng cấp đường thôn Trường Lộc đoạn từ nhà bà Giang đến nhà ông Vỹ	2025	1.161	813	348	Nâng cấp, sửa chữa	L khoảng 504.57m, nền hiện trạng 2.5m và mở rộng thêm 1m; Kết cấu mở rộng BTXM dày 20cm. Kết cấu mặt đường rộng 4.5m, mặt tham nhựa rộng 3.5m, lề đất mỗi bên 0.5m.	
Thủy lợi																					
Kiên cố hóa kênh mương Cây Thị Phú Da	2025	1.100	770	330	Sửa chữa	L khoảng 536.36m. Mương gia bê tông tại chỗ. Mương rộng 1m, lòng mương nước chảy rộng 0.7m, tường kênh mương cao 0.7m dày 0.15m, đáy mương dày 0.15m, đúng Bê tông đá 1x2 M250. Khoảng cách 5m bố trí 1 thanh đà giằng chống lật.			-11	-8	-3			Kiên cố hóa kênh mương Cây Thị Phú Da	2025	1.089	762	327	Sửa chữa	L khoảng 536.36m. Mương gia bê tông tại chỗ. Mương rộng 1m, lòng mương nước chảy rộng 0.7m, tường kênh mương cao 0.7m dày 0.15m, đáy mương dày 0.15m, đúng Bê tông đá 1x2 M250. Khoảng cách 5m bố trí 1 thanh đà giằng chống lật.	
Kiên cố hóa kênh mương Cái thôn Phụng Cang	2025	830	581	249	Sửa chữa	L khoảng 431.92m. Mương gia bê tông tại chỗ. Mương rộng 1m, lòng mương nước chảy rộng 0.7m, tường kênh mương cao 0.7m dày 0.15m, đáy mương dày 0.15m, đúng Bê tông đá 1x2 M250. Khoảng cách 5m bố trí 1 thanh đà giằng chống lật. 01 cống băng đường			-9	-6	-3			Kiên cố hóa kênh mương Cái thôn Phụng Cang	2025	821	575	246	Sửa chữa	L khoảng 431.92m. Mương gia bê tông tại chỗ. Mương rộng 1m, lòng mương nước chảy rộng 0.7m, tường kênh mương cao 0.7m dày 0.15m, đáy mương dày 0.15m, đúng Bê tông đá 1x2 M250. Khoảng cách 5m bố trí 1 thanh đà giằng chống lật. 01 cống băng đường	
Kiên cố hóa kênh mương Núi thôn Phước Mỹ	2025	300	210	90	Xây dựng mới	Lkhoảng 215.18m. Mương gia bê tông tại chỗ. Mương rộng 0.64m, lòng mương nước chảy rộng 0.4m, tường kênh mương cao 0.6m dày 0.12m, đáy mương dày 0.12m, đúng Bê tông đá 1x2 M250. Khoảng cách 5m bố trí 1 thanh đà giằng chống lật.			-7	-5	-2			Kiên cố hóa kênh mương Núi thôn Phước Mỹ	2025	293	205	88	Xây dựng mới	Lkhoảng 215.18m. Mương gia bê tông tại chỗ. Mương rộng 0.64m, lòng mương nước chảy rộng 0.4m, tường kênh mương cao 0.6m dày 0.12m, đáy mương dày 0.12m, đúng Bê tông đá 1x2 M250. Khoảng cách 5m bố trí 1 thanh đà giằng chống lật.	
Cơ sở vật chất văn hóa																					

Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	Điều chỉnh tăng/giảm vốn			Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Ghi chú
									TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác										
Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã (Hạng mục: Sân khấu, điện chiếu sáng, cổng phụ. lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời)	2023	1.500	450	1.050	Xây dựng mới	Khoan dải diện tích 75.6m2 (gom phòng thay đổ, phòng điều hành, khu vệ sinh). Sân bê tông xi măng và đường nội bộ diện tích 756,88m2, BTXM dày 10cm. Bố trí cổng phụ và diện chiếu sáng. Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao			-35	-10	-25			Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã (Hạng mục: Sân khấu, điện chiếu sáng, cổng phụ. lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời)	2023	1.465	440	1.025	Xây dựng mới	Khoan dải diện tích 75.6m2 (gom phòng thay đổ, phòng điều hành, khu vệ sinh). Sân bê tông xi măng và đường nội bộ diện tích 756,88m2, BTXM dày 10cm. Bố trí cổng phụ và diện chiếu sáng. Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn																					
Chợ xã Ninh Hưng (Hạng mục: Gian nối giữa chợ chính và chợ cá)	2023	1.200	360	840	Xây dựng mới	DT nhà lồng chợ 12.5m x 36m = 450m2. Giằng móng BTCT kích thước 200x200mm, trụ BTCT 200x200, mái lợp tôn dày 4,5dm, kèo mái thép hình; Nền lăng vữa xi măng, trụ ba ma tit có sơn nước; Hệ thống điện			-11	-3	-8			Chợ xã Ninh Hưng (Hạng mục: Gian nối giữa chợ chính và chợ cá)	2023	1.189	357	832	Xây dựng mới	DT nhà lồng chợ 12.5m x 36m = 450m2. Giằng móng BTCT kích thước 200x200mm, trụ BTCT 200x200, mái lợp tôn dày 4,5dm, kèo mái thép hình; Nền lăng vữa xi măng, trụ ba ma tit có sơn nước; Hệ thống điện	
Xã Ninh Phụng									-529	-185	-344										
Giao thông																					
Đường giao thông thôn Đại Cát 2. Hạng mục: Đường từ QL26 đến nhà ông Yến	2023	2.362	1.653	709	Xây dựng mới	L khoang 800 m. BTXM: 3,5m. Nền đường: 06m			-64	-44	-20			Hạng mục: Đường từ QL26 đến nhà ông Yến	2023	2.298	1.609	689	Xây dựng mới	L khoang 800 m. BTXM: 3,5m. Nền đường: 06m	
Cơ sở vật chất văn hóa																					
Xây dựng Khu thể thao thôn Xuân Hòa 1	2023	1.000		1.000	Xây dựng mới	Diện tích 1.100m² ;Xây dựng cổng, tường rào;sân bóng chuyền; nhà để xe; lắp đặt dụng cụ thể thao, sân bêtông.		2024						Xây dựng Khu thể thao thôn Xuân Hòa 1	2024	1.000		1.000	Xây dựng mới	Diện tích 1.100m² ;Xây dựng cổng, tường rào;sân bóng chuyền; nhà để xe; lắp đặt dụng cụ thể thao, sân bêtông.	
Xây dựng Khu thể thao thôn Vĩnh Phước	2023	1.000		1.000	Xây dựng mới	Diện tích 1.100m² ;Xây dựng cổng, tường rào;sân bóng chuyền; nhà để xe; lắp đặt dụng cụ thể thao, sân bêtông.		2024						Xây dựng Khu thể thao thôn Vĩnh Phước	2024	1.000		1.000	Xây dựng mới	Diện tích 1.100m² ;Xây dựng cổng, tường rào;sân bóng chuyền; nhà để xe; lắp đặt dụng cụ thể thao, sân bêtông.	
Nâng cấp, cải tạo khu thể thao Điềm Tịnh	2023	1.200		1.200	Xây dựng mới	Diện tích 2.000m² ;Xây dựng cổng, tường rào;sân bóng chuyền; nhà để xe; lắp đặt dụng cụ thể thao, sân bêtông.		2024						Nâng cấp, cải tạo khu thể thao Điềm Tịnh	2024	1.200		1.200	Xây dựng mới	Diện tích 2.000m² ;Xây dựng cổng, tường rào;sân bóng chuyền; nhà để xe; lắp đặt dụng cụ thể thao, sân bêtông.	
Xây dựng Khu thể thao thôn Nghi Phụng	2023	1.000		1.000	Xây dựng mới	Diện tích 1.100m² Xây dựng cổng, tường rào;sân bóng chuyền; nhà để xe; lắp đặt dụng cụ thể thao, sân bêtông.		2024						Xây dựng Khu thể thao thôn Nghi Phụng	2024	1.000		1.000	Xây dựng mới	Diện tích 1.100m² Xây dựng cổng, tường rào;sân bóng chuyền; nhà để xe; lắp đặt dụng cụ thể thao, sân bêtông.	
Nâng cấp cải tạo khu thể thao Đại Cát 1	2023	1.100		1.100	Xây dựng mới	Diện tích 3.500m², Xây dựng cổng, tường rào;sân bóng chuyền; nhà để xe; lắp đặt dụng cụ thể thao, sân bêtông.		2024						Nâng cấp cải tạo khu thể thao Đại Cát 1	2024	1.100		1.100	Xây dựng mới	Diện tích 3.500m², Xây dựng cổng, tường rào;sân bóng chuyền; nhà để xe; lắp đặt dụng cụ thể thao, sân bêtông.	
Xây dựng Khu thể thao thôn Phú Bình	2023	1.000		1.000	Xây dựng mới	Diện tích 1.100m²; Xây dựng cổng, tường rào;sân bóng chuyền; nhà để xe; lắp đặt dụng cụ thể thao, sân bêtông		2024						Xây dựng Khu thể thao thôn Phú Bình	2024	1.000		1.000	Xây dựng mới	Diện tích 1.100m²; Xây dựng cổng, tường rào;sân bóng chuyền; nhà để xe; lắp đặt dụng cụ thể thao, sân bêtông	
Xây dựng Khu thể thao thôn Đại Cát 2	2023	1.000		1.000	Xây dựng mới	Diện tích 1.100m²,Xây dựng cổng, tường rào;sân bóng chuyền; nhà để xe; lắp đặt dụng cụ thể thao, sân bêtông.		2024						Xây dựng Khu thể thao thôn Đại Cát 2	2024	1.000		1.000	Xây dựng mới	Diện tích 1.100m²,Xây dựng cổng, tường rào;sân bóng chuyền; nhà để xe; lắp đặt dụng cụ thể thao, sân bêtông.	
Trường học																					
Xây dựng Trường THCS Trần Quốc Tuấn (khối hành chính quản trị, phòng thiết bị, phòng tư vấn học đường, phòng truyền thống-đoàn đội, phòng họp, phòng tổ chuyên môn, phòng Y tế, nhà kho, phòng giáo viên, phong nghỉ giáo viên, sân trường thể dục thể thao)	2023	11.000	3.300	7.700	Xây dựng mới	- Xây mới khối hành chính quản trị, thư viện, phòng thiết bị, phòng tư vấn học đường, phòng truyền thống-đội thiếu niên, nhà kho, nhà vệ sinh học sinh, khu để xe học sinh, sân, cổng tường rào.			-11	-3	-8		Xây dựng mới khối hành chính quản trị, phòng thiết bị, phòng tư vấn học đường, phòng truyền thống - đoàn đội, phòng họp, phòng tổ chuyên môn, phòng y tế, nhà kho, phòng giáo viên, phòng nghỉ giáo viên, sân trường thể dục thể thao đạt chuẩn theo quy định, Hệ thống phòng cháy chữa cháy và nhà đa năng	Xây dựng Trường THCS Trần Quốc Tuấn (khối hành chính quản trị, phòng thiết bị, phòng tư vấn học đường, phòng truyền thống-đoàn đội, phòng họp, phòng tổ chuyên môn, phòng Y tế, nhà kho, phòng giáo viên, phòng nghỉ giáo viên, sân trường thể dục thể thao đạt chuẩn theo quy định. Hệ thống phòng cháy chữa cháy và nhà đa năng	2023	10.989	3.297	7.692	Xây dựng mới	Xây dựng mới khối hành chính quản trị, phòng thiết bị, phòng tư vấn học đường, phòng truyền thống - đoàn đội, phòng họp, phòng tổ chuyên môn, phòng y tế, nhà kho, phòng giáo viên, phòng nghỉ giáo viên, sân trường thể dục thể thao đạt chuẩn theo quy định. Hệ thống phòng cháy chữa cháy và nhà đa năng	
Xây dựng Trường tiểu học Ninh Phụng (04 phòng học, phòng học bộ môn, phòng thiết bị, khối hành chính quản trị, phụ trợ, nhà vệ sinh học sinh, sân chơi thể dục thể thao, cổng, tường rào)	2023	11.000	3.300	7.700	Xây dựng mới	- Xây dựng mới 04 phòng, 04 phòng học bộ môn *(Khoa học công nghệ, Tin học, ngoại ngữ, phòng đa chức năng).* - Xây mới khối hành chính quản trị, thư viện, phòng thiết bị, phòng tư vấn học đường, phòng truyền thống-đội thiếu niên, nhà kho, nhà vệ sinh học sinh, khu để xe học sinh, sân, cổng tường rào			-13	-4	-9			Xây dựng Trường tiểu học Ninh Phụng (04 phòng học, phòng học bộ môn, phòng thiết bị, khối hành chính quản trị, phụ trợ, nhà vệ sinh học sinh, sân chơi thể dục thể thao, cổng, tường rào)	2023	10.987	3.296	7.691	Xây dựng mới	- Xây dựng mới 04 phòng, 04 phòng học bộ môn (Khoa học công nghệ, Tin học, ngoại ngữ, phòng đa chức năng). - Xây mới khối hành chính quản trị, thư viện, phòng thiết bị, phòng tư vấn học đường, phòng truyền thống-đội thiếu niên, nhà kho, nhà vệ sinh học sinh, khu để xe học sinh, sân, cổng tường rào.	
Xây dựng Trường mầm non Ninh Phụng (Tường rào, sân chơi, sửa chữa phòng học)	2023	1.500	450	1.050	Xây dựng mới	- Xây dựng mới đoạn tường rào mặt sau và 02 bên (110md), sân chơi (350m2). - Sửa chữa phòng học, nhà vệ sinh học sinh.			-435	-130	-305			Xây dựng Trường mầm non Ninh Phụng (Tường rào, sân chơi, sửa chữa phòng học)	2023	1.065	320	745	Xây dựng mới	- Xây dựng mới đoạn tường rào mặt sau và 02 bên (110md), sân chơi (350m2). - Sửa chữa phòng học, nhà vệ sinh học sinh.	
Hạ tầng thông tin và truyền thông																					
Lắp đặt hệ thống Đài truyền thanh	2023	1.000	700	300		28 cụm loa			-6	-4	-2			Lắp đặt hệ thống Đài truyền thanh	2023	994	696	298		28 cụm loa	
Xã Ninh Tây									-182	-86	-96										
Giao thông																					
Đường GTNT đoạn từ nhà bà Lý thị Thu Cúc đến nhà ông Y Dũ	2023	3.500	2.450	1.050	Xây dựng mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 20cm.			-51	-36	-15			Đường GTNT đoạn từ nhà bà Lý thị Thu Cúc đến nhà ông Y Dũ	2023	3.449	2.414	1.035	Xây dựng mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 20cm.	
Đường GTNT đoạn từ QL26 nhà ông Đặng Văn Quyền đến Suối Chình	2023	1.000	700	300	Xây dựng mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 20cm.			-2	-1	-1			Đường GTNT đoạn từ QL26 nhà ông Đặng Văn Quyền đến Suối Chình	2023	998	699	299	Xây dựng mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 20cm.	
Thủy lợi																					
Kênh mương vào đồng ruộng thôn Buôn Tương	2023	1.150	805	345	Xây dựng mới				-8	-5	-3			Kênh mương vào đồng ruộng thôn Buôn Tương	2023	1.142	800	342	Xây dựng mới		
Cơ sở vật chất văn hóa																					
Nâng cấp Trung tâm văn hóa xã Ninh Tây	2023	1.180	354	826	Xây dựng mới	Hạng mục nhà vệ sinh - nhà thay đồ - sân diễn - BTXM sân tập thể thao		2024	-1		-1			Nâng cấp Trung tâm văn hóa xã Ninh Tây	2024	1.179	354	825	Xây dựng mới	Hạng mục nhà vệ sinh - nhà thay đồ - sân diễn - BTXM sân tập thể thao	
Trường học																					
Xây dựng trường tiểu học và THCS Ninh Tây (Xây dựng phòng học, phòng học bộ môn và khối hành chính quản trị, hỗ trợ học tập, phụ trợ)	2023	18.400	5.520	12.880	Xây dựng mới	• Xây mới 12 phòng học thay thế 12 phòng học cũ hư hỏng, xuống cấp không đạt chuẩn (tương đương 04 phòng điểm chính Buôn Dung, 02 phòng điểm phụ Buôn Sung Dung, 01 điểm phòng phụ Buôn Sum (C3), 05 phòng điểm phụ Buôn Lác); • Xây dựng mới 01 phòng tổ chức Đảng, Đoàn thể - điểm chính Buôn Dung • Xây dựng mới 08 phòng học bộ môn (Âm nhạc, Mỹ thuật, Khoa học - Công nghệ, Tin học, Ngoại ngữ, phòng Đa chức năng) điểm chính Buôn Dung. • Xây mới phòng thiết bị giáo dục, phòng tư vấn học đường, điểm chính Buôn Dung • Xây mới phòng học, phòng Y tế - điểm chính Buôn Dung. • Xây mới nhà vệ sinh học sinh, cổng tường rào • Cấp mương học sinh • Xây mới 05 phòng học bộ môn (Âm nhạc, Mỹ thuật, Khoa học - Công nghệ, Tin học, Ngoại ngữ, Khoa học xã hội, phòng Đa chức năng), điểm chính			-3	-1	-2			Xây dựng trường tiểu học và THCS Ninh Tây (Xây dựng phòng học, phòng học bộ môn và khối hành chính quản trị, hỗ trợ học tập, phụ trợ)	2023	18.397	5.519	12.878	Xây dựng mới	• Xây mới 12 phòng học thay thế 12 phòng học cũ hư hỏng, xuống cấp không đạt chuẩn (tương đương 04 phòng điểm chính Buôn Dung, 02 phòng điểm phụ Buôn Sung Dung, 01 điểm phòng phụ Buôn Sum (C3), 05 phòng điểm phụ Buôn Lác); • Xây dựng mới 01 phòng tổ chức Đảng, Đoàn thể - điểm chính Buôn Dung • Xây dựng mới 08 phòng học bộ môn (Âm nhạc, Mỹ thuật, Khoa học - Công nghệ, Tin học, Ngoại ngữ, phòng Đa chức năng) điểm chính Buôn Dung. • Xây mới phòng thiết bị giáo dục, phòng tư vấn học đường, điểm chính Buôn Dung • Xây mới phòng học, phòng Y tế - điểm chính Buôn Dung. • Xây mới nhà vệ sinh học sinh, cổng tường rào • Cấp mương học sinh • Xây mới 05 phòng học bộ môn (Âm nhạc, Mỹ thuật, Khoa học - Công nghệ, Tin học, Ngoại ngữ, Khoa học xã hội, phòng Đa chức năng) điểm chính Buôn Dung. • Xây mới phòng cán bộ điểm chính	
Xây dựng trường mầm non Ninh Tây (Xây dựng khối ảnh chính quản trị, phòng học, phòng giáo dục thể hát, phòng bảo vệ, phòng họp, nhà kho)	2023	11.000	3.300	7.700	Xây dựng mới	- Xây dựng mới khối hành chính quản trị, 04 phòng học, 01 phòng giáo dục thể chất, phòng bảo vệ, phòng họp, nhà kho.			-99	-30	-69			Tây (Xây dựng khối hành chính quản trị, phòng học, phòng giáo dục thể chất, phòng bảo vệ, phòng họp.	2023	10.901	3.270	7.631	Xây dựng mới	- Xây dựng mới khối hành chính quản trị, 04 phòng học, 01 phòng giáo dục thể chất, phòng bảo vệ, phòng họp, nhà kho.	
ạ tầng thông tin và truyền thông																					
ài truyền thanh xã	2023	1.130	791	339		Khoang 20 cụm loa			-18	-13	-5			Đài truyền thanh xã Ninh Tây	2023	1.112	778	334			
ã Ninh Phụ																					
ơn thông																					

Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	Điều chỉnh tăng/giảm vốn			Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Ghi chú
									TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác										
Đường BTXM thôn Lê Cam: Đoạn từ Nhà ông Tường đến nhà ông Võ Ân	2022	1.000	700	300		BTXM dày 18cm, bề rộng 3,5m, mặt đường 2,5m, lề mỗi bên 0,5 m chiều dài 534,38 m								Đường BTXM thôn Lê Cam: Đoạn từ Nhà ông Tường đến nhà ông Võ Ân	2022	1000		1.000		BTXM dày 18cm, bề rộng 3,5m, mặt đường 2,5m, lề mỗi bên 0,5 m chiều dài 534,38 m	
Xã Ninh Thân																					
Giao thông									-600	-420	-180										
Đường liên thôn Đại Tập ông Luyến và nhánh rẽ	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Dài 650 m, mặt đường 3m, nền 3m (cấp phối)							BTXM, dài khoang 600m, mặt đường 2m, nền 3m	Đường liên thôn Đại Tập ông Luyến và nhánh rẽ	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	BTXM, dài khoang 600m, mặt đường 2m, nền 3m	
Đường liên thôn WB2 nhà ông Can và nhánh rẽ	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Dài 700 m, mặt đường 3m, nền 3m (cấp phối)			-600	-420	-180		BTXM, dài khoang 286m, mặt đường 2m, nền 3m	Đường liên thôn WB2 nhà ông Can và nhánh rẽ	2024	600	420	180	Xây dựng mới	BTXM, dài khoang 286m, mặt đường 2m, nền 3m	
Đường liên thôn từ nhà bà Nưa đến nhà ông Hiền và nhánh rẽ	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Dài 600 m, mặt đường 3m, nền 3m (cấp phối)							BTXM, dài khoang 530m, mặt đường 2m, nền 3m	Đường liên thôn từ nhà bà Nưa đến nhà ông Hiền và nhánh rẽ	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	BTXM, dài khoang 530m, mặt đường 2m, nền 3m	
Đường trục xóm nhà ông Ngọc đến nhà ông Quang	2024	300		300	Xây dựng mới	Dài 150 m, mặt đường 3m, nền 3m (cấp phối)							BTXM, dài khoang 125 m, mặt đường 2m, nền 3m	Đường trục xóm nhà ông Ngọc đến nhà ông Quang	2024	300		300	Xây dựng mới	BTXM, dài khoang 125 m, mặt đường 2m, nền 3m	
Đường nội đồng đồng mốc ND1-ND2 và nhánh rẽ bà Hương đến ND1	2024	600	420	180	Xây dựng mới	Dài 500 m, mặt đường 3m, nền 3m (cấp phối)							BTXM - cấp phối đá dăm, dài khoang 394m, mặt đường 3m, nền 4m	Đường nội đồng đồng mốc ND1-ND2 và nhánh rẽ bà Hương đến ND1	2024	600	420	180	Xây dựng mới	BTXM - cấp phối đá dăm, dài khoang 394m, mặt đường 3m, nền 4m	
Đường nội đồng từ đường liên xã đến Đình Đại Tập	2024	600	420	180	Xây dựng mới	Dài 500 m, mặt đường 3m, nền 3m (cấp phối)							BTXM, dài khoang 170m, mặt đường 3m, nền 4m	Đường nội đồng từ đường liên xã đến Đình Đại Tập	2024	600	420	180	Xây dựng mới	BTXM, dài khoang 170m, mặt đường 3m, nền 4m	
Cơ sở vật chất văn hóa																					
Trung tâm văn hoá - thể thao xã	2024	5.000	1.500	3.500	Xây dựng mới	Khu vui chơi, giải trí thể thao, vui chơi cho trẻ em, sân bóng đá), diện tích khoảng 1,2ha gồm: San lấp mặt bằng, xây dựng tường rào khuôn viên, mua sắm trang thiết bị phục vụ vui chơi, giải trí	Đầu tư, nâng cấp Trung tâm văn hoá - thể thao xã						Xây dựng nhà văn hoá xã, lắp đặt các thiết bị thể dục, thể thao ngoài trời tối thiểu 70% các thôn	Đầu tư, nâng cấp Trung tâm văn hoá - thể thao xã	2024	5.000	1.500	3.500	Xây dựng mới	Xây dựng nhà văn hoá xã, lắp đặt các thiết bị thể dục, thể thao ngoài trời tối thiểu 70% các thôn	
Xã Ninh Tân									-6	-4	-2										
Giao thông																					
Đường trục thôn, liên thôn														Đường trục thôn, liên thôn							
Đường từ TL 5 cũ đến nghĩa trang đồng nghĩa xanh	2024	700	490	210	Xây dựng mới	L 200m BTXM, mặt đường 3,5m, dày 18cm							Dài khoang 190.5m, mặt BTXM 3,5m	Đường từ TL 5 cũ đến nghĩa trang đồng nghĩa xanh	2024	700	490	210	Xây dựng mới	Dài khoang 190.5m, mặt BTXM 3,5m	
Nâng cấp đường tuyến 2000 (Hướng bắc)	2024	1.100	770	330	Xây dựng mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.			-3	-2	-1		Dài khoang 473.72m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	Nâng cấp đường tuyến 2000 (Hướng bắc)	2024	1.097	768	329	Xây dựng mới	Dài khoang 473.72m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m .	
Đường nối tuyến 2400 (Phía bắc)	2024	600	420	180	Xây dựng mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.			-5	-2	-1		BTXM, dài khoang 262m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	Đường nối tuyến 2400 (Phía bắc)	2024	597	418	179	Xây dựng mới	BTXM, dài khoang 262m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	
Đường nối tuyến D và D	2024	400	280	120	Xây dựng mới	L khoang 250m, mặt BTXM 3,5m								Đường nối tuyến D và D	2024	400		400	Xây dựng mới	L khoang 250m, mặt BTXM 3,5m	
Trần đán quán đến đất ông thọ	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	L khoang 400m, mặt BTXM 3,5m dày 18cm							L khoang 556m, mặt BTXM 3,5m	Trần đán quán đến đất ông thọ	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	L khoang 556m, mặt BTXM 3,5m	
Đường từ đất Ông Tuấn đến đất ông Phú	2024	2.150	1.505	645	Xây dựng mới	L khoang 1550m, mặt BTXM 3,5m dày 18cm							L khoang 1.500m, mặt BTXM 3,5m	Đường từ đất Ông Tuấn đến đất ông Phú	2024	2.150	1.505	645	Xây dựng mới	L khoang 1.500m, mặt BTXM 3,5m	
Đường BTXM từ nhà Ông Cao Bơn đến Thác Hồng Lau	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.							BTXM, dài khoang 552m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	Đường BTXM từ nhà Ông Cao Bơn đến Thác Hồng Lau	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	BTXM, dài khoang 552m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	
Xã Ninh Quang									992	694	298										
Giao thông																					
Đường nội đồng từ Hội trường thôn Thuận Mỹ đến nhà ông Hồ Chinh thôn Phước Lộc	2024	750	525	225	Xây dựng mới	Cấp phối, chiều dài L = 650 m, rộng 6 m			-1	-1				Thuận Mỹ đến nhà ông Hồ Chinh thôn Phước Lộc	2024	749	524	225	Xây dựng mới	Cấp phối, chiều dài L = 650 m, rộng 6 m	
Đường nội đồng từ Cầu Đục đến giáp đường nội đồng Cầu Từ thôn Phú Hoà	2024	800	560	240	Sửa chữa	Cấp phối, chiều dài L = 750 m, rộng 6 m			-4	-3	-1			giáp đường nội đồng Cầu Từ thôn Phú Hoà	2024	796	557	239	Sửa chữa	Cấp phối, chiều dài L = 750 m, rộng 6 m	
Đường nội đồng từ nhà ông Hương thôn Phú Hoà đến mương Tre	2024	500	350	150	Sửa chữa	Cấp phối, chiều dài L = 500 m, rộng 6 m			-1	-1				Đường nội đồng từ nhà ông Hương thôn Phú Hòa đến mương Tre	2024	499	349	150	Sửa chữa	Cấp phối, chiều dài L = 500 m, rộng 6 m	
Thuỷ lợi và phòng chống thiên tai																					
Kênh mương BTXM N12B nhánh 1	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	BTXM, chiều dài L= 600 m, rộng 0.6 m	Kênh mương BTXM N12B		999	699	300		BTXM, chiều dài L= 1.100 m, kích thước 0.6 x 0.6 m	Kênh mương BTXM N12B	2024	2.199	1.539	660	Xây dựng mới	BTXM, chiều dài L= 1.100 m, kích thước 0.6 x 0.6 m	Gộp vào công trình kênh mương BTXM N12B nhánh 2
Cơ sở vật chất văn hoá																					
Trung tâm văn hóa thể thao xã (Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời)	2024	1.000	300	700					-1		-1			(Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời)	2024	999	300	699			
Xã Ninh Lộc									-2	-1	-1										
Giao thông																					
Đường ngõ xóm từ cầu Hầm Voi đến giáp đường bê tông xi măng thôn Vạn Khê	2024	400	120	280		Dài 213 m, mặt đường 3m, nền đường 4-5m								Đường ngõ xóm từ cầu Hầm Voi đến giáp đường bê tông xi măng thôn Vạn Khê	2024	400		400			
Thuỷ lợi và phòng chống thiên tai																					
Kiên cố hoá kênh mương Rut Dinh	2025	1.029	720	309	Xây dựng mới	L = 447m, lòng mương nước chảy rộng 0.6m, tường kênh mương cao 0.8m, dày 0.15m, đúng Bê tông đá 1x2 M200, đáy kênh mương dày 0.15m, đúng Bê tông đá 1x2 M200			-1		-1			Kiên cố hoá kênh mương Rut Dinh	2025	1.028	720	308	Xây dựng mới	L = 447m, lòng mương nước chảy rộng 0.6m, tường kênh mương cao 0.8m, dày 0.15m, đúng Bê tông đá 1x2 M200, đáy kênh mương dày 0.15m, đúng Bê tông đá 1x2 M200	
Kiên cố hoá kênh mương Cải	2025	1.104	773	331	Xây dựng mới	L= 332m, Gia cố mái kênh mương bằng bê tông đá 1x2 M200, dày 12cm.			-1	-1				Kiên cố hoá kênh mương Cải	2025	1.103	772	331	Xây dựng mới	L= 332m, Gia cố mái kênh mương bằng bê tông đá 1x2 M200, dày 12cm.	
Xã Ninh Vân																					
Giao thông																					
Đường số 26 đoạn từ xóm cây bàng đến mũi ba vũ	2024	4.500	3.150	1.350	Xây dựng mới	L = 3000m, Nền đường 6m, mặt BTXM 5.5m, lề mỗi bên 1.25m (Bao cáo phù hợp với tổng mức đầu tư)							Dài khoang 1.990m, mặt đường 4,5m cấp phối đá dăm dày 35cm. Bố trí 5 cống hợp thoát nước	Đường số 26 đoạn từ xóm cây bàng đến mũi bà vũ	2024	4.500	3.150	1.350	Xây dựng mới	Dài khoang 1.990m, mặt đường 4,5m cấp phối đá dăm dày 35cm. Bố trí 5 cống hợp thoát nước	
Hạ tầng thông tin và truyền thông																					
Nâng cấp hệ thống đài truyền thanh xã	2024	500	350	150	Nâng cấp	Nâng cấp hệ thống đài truyền thanh xã	Đài truyền thanh xã Ninh Vân					Đầu tư mới	Đầu tư mới đài và loa	Đài truyền thanh xã Ninh Vân	2024	500	350	150	Đầu tư mới	Đầu tư mới đài và loa	
Xã Ninh Trung																					
Giao thông																					
Đường trục xóm từ nhà ông Thọ - ông Lưu	2024	1.000	300	700	Xây dựng mới	BTXM 2.5m, nền đường rộng 3.5m. L = 430m		2025						Đường trục xóm từ nhà ông Thọ - ông Lưu	2025	1.000		1.000	Xây dựng mới	BTXM 2.5m, nền đường rộng 3.5m. L = 430m	
Đường trục xóm từ nhà ông Dự đến nhà ông Đạo (ed2)	2024	800	240	560	Xây dựng mới	BTXM 2.5m, nền đường rộng 3.5m. L = 356m								Đường trục xóm từ nhà ông Dự đến nhà ông Đạo (ed2)	2024	800		800	Xây dựng mới	BTXM 2.5m, nền đường rộng 3.5m. L = 356m	
Đường nội đồng từ nhà ông Khanh - mương đồng giữa	2024	400	280	120	Xây dựng mới	BTXM 2.5m, nền đường rộng 3.5m. L = 150m		2025						Đường nội đồng từ nhà ông Khanh - mương đồng giữa	2025	400	280	120	Xây dựng mới	BTXM 2.5m, nền đường rộng 3.5m. L = 150m	
Xã Ninh Ích																					
Giao thông																					
Đường BTXM đoạn từ nhà ông Hạnh đến nhà ông Dậm thôn Ngọc Diêm	2025	500	150	350		Đường BTXM, mặt rộng bình quân 2,3 m, chiều khoảng 300 m								Đường BTXM đoạn từ nhà ông Hạnh đến nhà ông Dậm thôn Ngọc Diêm	2025	500		500	Xây dựng mới	Đường BTXM, mặt rộng bình quân 2,3 m, chiều khoảng 300 m	
Đường BTXM đoạn từ nhà ông Mân đến nhà ông Dậy thôn Ngọc Diêm	2025	300	90	210		Đường BTXM, mặt rộng bình quân 1,7m, chiều khoảng 150 m								Đường BTXM đoạn từ nhà ông Mân đến nhà ông Dậy thôn Ngọc Diêm	2025	300		300	Xây dựng mới	Đường BTXM, mặt rộng bình quân 1,7m, chiều khoảng 150 m	

Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	Điều chỉnh tăng/giảm vốn			Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Ghi chú
									TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác										
Đường BTXM đoạn từ nhà ông Hoan đến nhà ông Chớ thôn Ngọc Diêm	2025	300	90	210		Đường BTXM, mặt rộng bình quân 2m, chiều dài khoảng 100 m								Đường BTXM đoạn từ nhà ông Hoan đến nhà ông Chớ thôn Ngọc Diêm	2025	300		300	Xây dựng mới	Đường BTXM, mặt rộng bình quân 2m, chiều dài khoảng 100 m	
Đường BTXM đoạn từ nhà ông Dũng đến nhà ông Bình thôn Vạn Thuận	2025	300	90	210		Đường BTXM, mặt rộng 2m, nền rộng 3m, chiều dài khoảng 150 m								Đường BTXM đoạn từ nhà ông Dũng đến nhà ông Bình thôn Vạn Thuận	2025	300		300	Xây dựng mới	Đường BTXM, mặt rộng 2m, nền rộng 3m, chiều dài khoảng 150 m	
Đường BTXM đoạn từ nhà ông Ghê đến nhà ông Chín thôn Tân Phú	2025	300	90	210		Đường BTXM, mặt rộng 2m, nền rộng 3m, chiều dài khoảng 100 m								Đường BTXM đoạn từ nhà ông Ghê đến nhà ông Chín thôn Tân Phú	2025	300		300	Xây dựng mới	Đường BTXM, mặt rộng 2m, nền rộng 3m, chiều dài khoảng 100 m	
Đường BTXM đoạn từ nhà ông Tấn đến nhà ông Sáng thôn Tân Phú	2025	300	90	210		Đường BTXM, mặt rộng 2m, nền rộng 3m, chiều dài khoảng 110 m								Đường BTXM đoạn từ nhà ông Tấn đến nhà ông Sáng thôn Tân Phú	2025	300		300	Xây dựng mới	Đường BTXM, mặt rộng 2m, nền rộng 3m, chiều dài khoảng 110 m	
Cơ sở vật chất văn hoá																					
Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Vạn Thuận	2025	300	210	90		Sửa chữa nhà văn hoa, Mua sắm trang thiết bị thể dục và xây dựng khu thể thao thôn, diện tích khoảng 500m2								Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Vạn Thuận	2025	300		300		Sửa chữa nhà văn hoa, Mua sắm trang thiết bị thể dục và xây dựng khu thể thao thôn, diện tích khoảng 500m2	
Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Tân Phú	2025	300	210	90		Sửa chữa nhà văn hoa,Mua sắm trang thiết bị thể dục và xây dựng khu thể thao thôn, diện tích khoảng 500m2								Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Tân Phú	2025	300		300		Sửa chữa nhà văn hoa,Mua sắm trang thiết bị thể dục và xây dựng khu thể thao thôn, diện tích khoảng 500m2	
Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Phú Hữu	2025	300	210	90		Sửa chữa nhà văn hoa,Mua sắm trang thiết bị thể dục và xây dựng khu thể thao thôn, diện tích khoảng 500m2								Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Phú Hữu	2025	300		300		Sửa chữa nhà văn hoa,Mua sắm trang thiết bị thể dục và xây dựng khu thể thao thôn, diện tích khoảng 500m2	
Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Tân Đạo	2025	300	210	90		Sửa chữa nhà văn hoa,Mua sắm trang thiết bị thể dục và xây dựng khu thể thao thôn, diện tích khoảng 500m2								Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Tân Đạo	2025	300		300		Sửa chữa nhà văn hoa,Mua sắm trang thiết bị thể dục và xây dựng khu thể thao thôn, diện tích khoảng 500m2	
Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Ngọc Diêm	2025	300	210	90		Sửa chữa nhà văn hoa,Mua sắm trang thiết bị thể dục và xây dựng khu thể thao thôn, diện tích khoảng 500m2								Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Ngọc Diêm	2025	300		300		Sửa chữa nhà văn hoa,Mua sắm trang thiết bị thể dục và xây dựng khu thể thao thôn, diện tích khoảng 500m2	
Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Tân Thành	2025	300	210	90		Sửa chữa nhà văn hoa,Mua sắm trang thiết bị thể dục và xây dựng khu thể thao thôn, diện tích khoảng 500m2								Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Tân Thành	2025	300		300		Sửa chữa nhà văn hoa,Mua sắm trang thiết bị thể dục và xây dựng khu thể thao thôn, diện tích khoảng 500m2	
HUYỆN DIÊN KHÁNH									-100	-70	-30										
Nâng cấp, cải tạo trường THPT Hoàng Hoa Thám	2023	11.925	11.925		Nâng cấp, cải tạo sửa chữa	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Khối 14 phòng học, Khối 10 phòng học, 02 khối phong học bộ môn, khối nhà đa năng, khối hành chính, khối thực hành, các hạng mục phụ trợ,.		2023-2025					Nâng cấp, cải tạo trường THPT Hoàng Hoa Thám	2023-2025	11.925	11.925		Nâng cấp, cải tạo sửa chữa	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Khối 14 phòng học, khối 10 phong học, 02 khối phong học bộ môn, khối nhà đa năng, khối hành chính, khối thực hành, các hạng mục phụ trợ,...	
Nâng cấp, cải tạo trường THPT Nguyễn Thái Học	2023	14.977	14.977		Nâng cấp, cải tạo sửa chữa	Nâng cấp, cải tạo sửa chữa: Khối 10 phòng học, khối phòng học bộ môn, khối hành chính, các hạng mục phụ trợ. .		2023-2025					Nâng cấp, cải tạo trường THPT Nguyễn Thái Học	2023-2025	14.977	14.977		Nâng cấp, cải tạo sửa chữa	Nâng cấp, cải tạo sửa chữa: Khối 10 phòng học, khối phòng học bộ môn, khối hành chính, các hạng mục phụ trợ...	
Xã Diên Phú									-100	-70	-30										
Thủy lợi và phòng chống thiên tai																					
Nâng cấp kênh bà Tiếc	2023	1.230	861	369	Sửa chữa	Sửa chữa, nâng cấp kênh bê tông xi măng chiều dài 500m			-3	-2	-1			Nâng cấp kênh bà Tiếc	2023	1.227	859	368	Sửa chữa	Sửa chữa, nâng cấp kênh bê tong xi măng chiều dài 500m	
Nâng cấp kênh Tộc Hổ	2023	1.230	861	369	Sửa chữa	Sửa chữa, nâng cấp kênh bê tông xi măng chiều dài 600m			-97	-68	-29			Nâng cấp kênh Tộc Hổ	2023	1.133	793	340	Sửa chữa	Sửa chữa, nâng cấp kênh bê tong xi măng chiều dài 600m	
HUYỆN CAM LÂM									-13	-4	-9										
Xã Suối Cát									-4	-1	-3										
Trường học																					
Xây 04 phòng học, nhà đa năng, nâng cấp sân trường tiểu học Suối Cát	2023	3.900	1.170	2.730	Xây mới, nâng cấp				-4	-1	-3			Xây 04 phòng học, nhà đa năng, nâng cấp sân trường tiểu học Suối	2023	3.896	1.169	2.727	Xây mới, nâng cấp		
Xã Cam Phước Tây									-9	-3	-6										
Cơ sở vật chất văn hoá																					
Sửa chữa, nâng cấp cổng tường rào, xây mới hệ thống vệ sinh và mua sắm trang thiết bị nhà thi đấu đa năng	2023	1.100	330	770	Xây mới tường rào, nhà vệ sinh và mua sắm trang thiết bị	Sửa chữa tường rào, xây mới hệ thống nhà vệ sinh, mua sắm trang thiết bị theo tiêu chuẩn đạt tiêu chí NTM			-2	-1	-1			Sửa chữa, nâng cấp cổng tường rào, xây mới hệ thống vệ sinh và mua sắm trang thiết bị nhà thi đấu đa năng	2023	1.098	329	769	Xây mới tường rào, nhà vệ sinh và mua sắm trang thiết bị	Sửa chữa tường rào, xây mới hệ thống nhà vệ sinh, mua sắm trang thiết bị theo tiêu chuẩn đạt tiêu chí NTM	
Xây mới hệ thống bể bơi khu liên hợp thể thao xã	2023	1.200	360	840	Xây mới				-7	-2	-5			hợp thể thao xã	2023	1.193	358	835	Xây mới		
THÀNH PHỐ CAM RANH									-124	-87	-37										
Xã Cam Phước Đông									-31	-22	-9										
Giao thông																					
Đường nội đồng ông Công, thôn Hoà An	2024	1.000	700	300		chiều dài tuyến 300m								Đường nội đồng ông Công, thôn Thống Nhất	2024	*1.000*	700	300		chiều dài tuyến 300m	
Nâng cấp, sửa chữa đường từ nhà ông Cao Sáu đến ngã ba nhà ông Châu, xóm Bà Hùng thôn Giai Phong	2023	1.200	840	360					-14	-10	-4			Nâng cấp, sửa chữa đường từ nhà ông Cao Sáu đến ngã ba nhà ông Châu, xóm Bà Hùng thôn Giai Phong	2023	1.186	830	356			
Nâng cấp, sửa chữa đường từ cầu Suối Hành đến mái ấm Đại An	2023	1.100	770	330					-11	-8	-3			Nâng cấp, sửa chữa đường từ cầu Suối Hành đến mái ấm Đại An	2023	1.089	762	327			
Thuỷ lợi và PCTT																					
Kênh mương nội đồng Văn Sơn, thôn Suối Mún - Hoa Bình	2023	1.200	840	360					-2	-1	-1			Kênh mương nội đồng Văn Sơn, thôn Suối Mún - Hoa Bình	2023	1.198	839	359			
Cầu ông Lân, thôn Tân Hiệp	2024	1.000	700	300			Cầu ông Lân đường nội đồng, thôn Tân Hiệp		-4	-3	-1			Cầu ông Lân đường nội đồng, thôn Tân Hiệp	2024	996	697	299			Điều chỉnh tên, điều chỉnh từ nhóm Thuỷ lợi và phòng chống thiên tai sang Giao thông
Xã Cam Thịnh Tây									-93	-65	-28										
Giao thông																					
Nâng cấp đường dân cư tuyến số 7, thôn Thịnh Sơn	2023	1.200	840	360					-83	-58	-25			Nâng cấp đường dân cư tuyến số 7, thôn Thịnh Sơn	2023	1.117	782	335			
Thuỷ lợi và phòng chống thiên tai																					
Nâng cấp, mở rộng cống thoát nước đường dân cư tuyến 6, thôn Thịnh Sơn	2023	1.200	840	360					-10	-7	-3			Nâng cấp, mở rộng cống thoát nước đường dân cư tuyến 6, thôn Thịnh Sơn	2023	1.190	833	357			
HUYỆN KHÁNH VĨNH									-4	-3	-1										
Xã Sông Cầu									-3	-2	-1										
Giao thông																					
Nâng cấp bê tông hoa đường nội đồng từ Công ty Diệp Châu đến đất bà Mươn	2024	600	420	180	Nâng cấp	Xây mới đường BTXM dài 300m			-1	-1				đồng từ Công ty Diệp Châu đến đất bà Mươn	2024	599	419	180	Nâng cấp	Xây mới đường BTXM dài 300m	
Nâng cấp đường vào khu sản xuất cụm Công nghiệp Sông Cầu, giai đoạn 2	2024	1.000	700	300	Nâng cấp	Xây mới đường BTXM dài 600m			-2	-1	-1			cụm Công nghiệp Sông Cầu, giai đoạn 2	2024	998	699	299	Nâng cấp	Xây mới đường BTXM dài 600m	
Xã Khánh Thành									-1	-1											
Giao thông																					
Đường sản xuất thôn Giông Cao (Đoạn đường từ đất rẫy ông Hải đến đất rẫy ông Cao Lãnh)	2024	900	630	270	Xây dựng mới	Xây dựng mới đường BTXM dài khoảng 750m, nền đường rộng 5,0 m; mặt đường rộng 3,5 m; kết hợp với hệ thống thoát nước			-1	-1				Đường sản xuất thôn Giông Cao (Đoạn đường từ đất rẫy ông Hải đến đất rẫy ông Cao Lãnh)	2024	899	629	270			
Xã Khánh Thượng																					
Giao thông																					

Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	Điều chỉnh tăng/giảm vốn			Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Ghi chú
									TMĐT	*NS cấp tỉnh*	*NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác*										
Xây dựng hố rác xã Khánh Thượng	*2024*	300	90	210										Xây dựng hố rác xã Khánh Thượng	*2024*	*300*		300			

Phụ lục 06:

NHU CẦU VỐN SỰ NGHIỆP KINH TẾ BỔ SUNG CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Báo cáo số 90 /BC-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Kinh phí	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	**47.380**	
1	Chi nâng cao chất lượng đào tạo nghề trên địa bàn toàn tỉnh	14.000	Điều 95 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính
2	Chi hỗ trợ điều tra số liệu nông thôn mới phục vụ đánh giá; xét công nhận đạt chuẩn	2.000	Khoản 7 Điều 4 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính
3	Chi hỗ trợ cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở; chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở	7.500	Điều 82, Điều 100 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính
4	Chi nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng – xanh – sạch- đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống nông thôn	3.000	Điều 103, Điều 106 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính
5	Chi hỗ trợ các Chương trình chuyên đề của Chương trình nông thôn mới gồm: Chương trình khoa học công nghệ trong xây dựng nông thôn mới (Điều 93 TT 55); Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới (Điều 94 TT 55), Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn (Điều 108 TT55), Chương trình Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 (Điều 111 TT55), Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Điều 120 TT 55) và các nội dung khác tại Thông tư 55/2023/TT-BTC	20.880	Các Điều 93,94,108,111,120 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /NQ-HĐND	*Khánh Hòa, ngày tháng năm 2024*

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 đã được ban hành tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 và Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 13

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/9/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số...../TTr-UBND ngày ...../...../..... của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số .....BC-BDT ngày ...../...../..... của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp thứ 13.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 – 2025 đã được ban hành tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 và Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh với những nội dung như sau:

1. Điều chỉnh khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 27/NQ-HĐND thành:

"1. Mục tiêu: Hỗ trợ vốn cho các địa phương thực hiện các nội dung Chương trình nông thôn mới để đến cuối năm 2025 có ít nhất 75/92 xã (80% số xã) đạt chuẩn nông thôn mới, 37/92 xã (40% số xã) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 10/92 xã (10% số xã) đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, không còn

xã dưới 15 tiêu chí; các huyện Vạn Ninh, Cam Lâm đạt chuẩn huyện nông thôn mới, huyện Diên Khánh đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao; thành phố Cam Ranh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới"

2. Điều chỉnh khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 27/NQ-HĐND và khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 62/NQ-HĐND:

"3. Tổng vốn thực hiện Chương trình là 1.513.288 triệu đồng (tăng 428.922 triệu đồng so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND); trong đó:

- Vốn sự nghiệp kinh tế: 178.930 triệu đồng (tăng 47.380 triệu đồng so với Nghị quyết số 62/NQ-HĐND);

- Vốn đầu tư phát triển: 1.334.358 triệu đồng (tăng 381.542 triệu đồng so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND)."

3. Điều chỉnh khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 27/NQ-HĐND và các phụ lục danh mục kèm theo Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022; Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh:

"3. Vốn đầu tư phát triển thực hiện trên phạm vi toàn bộ 92 xã của Chương trình; các phường, thị trấn liên quan đến mục tiêu đạt chuẩn huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; hỗ trợ theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 – 2025.

Đính kèm các phụ lục gồm:

- Phụ lục 01 - Lộ trình đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Phụ lục 02 - Danh sách các địa phương bổ sung so với Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 và Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Phụ lục 03 - Danh mục vốn đầu tư phát triển bổ sung so với Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022, Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Phụ lục 04 - Danh mục công trình đưa ra khỏi Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Phụ lục 05 - Danh mục công trình đưa ra khỏi Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Phụ lục 06 - Danh mục đầu tư điều chỉnh của các địa phương đã được phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Phụ lục 07 - Danh mục đầu tư điều chỉnh của các địa phương đã được phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Phụ lục 08 - Danh mục vốn sự nghiệp kinh tế bổ sung."

Điều 2. Các nội dung khác của Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022, Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh vẫn còn hiệu lực.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Khóa VII, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày .... tháng ....năm 2024./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TC, KH&ĐT, NN&PTNT;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các ban Đảng;
- VP HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm công báo (02 bản);
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Lưu: VT,TN, Tm.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Khắc Toàn

Phụ lục 01:

LỘ TRÌNH ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của HĐND tỉnh)

Stt	Địa phương	Năm đạt chuẩn		
		NTM	*NTM nâng cao*	*NTM kiểu mẫu*
	TỔNG CỘNG *(dự kiến)*	*76 xã và 05 cấp huyện*	*39 xã và 01 cấp huyện*	*11 xã*
I	**Huyện Vạn Ninh**	**2025**		
1	Xã Xuân Sơn	2018		
2	Xã Vạn Lương	2015		
3	Xã Vạn Hưng	2015	2023	
4	Xã Vạn Phú	2018	2022	2025
5	Xã Vạn Bình	2018	2025	
6	Xã Vạn Thắng	2016	2024	
7	Xã Vạn Khánh	2021		
8	Xã Vạn Long	2022		
9	Xã Vạn Phước	2020		
10	Xã Vạn Thọ	2019		
11	Xã Vạn Thạnh	2024		
II	**Thị xã Ninh Hòa**			
1	Xã Ninh Quang	2014	2020	2024
2	Xã Ninh Phụng	2015	2023	
3	Xã Ninh Bình	2017	2023	
4	Xã Ninh Hưng	2017	2023	
5	Xã Ninh Đông	2017	2023	2025
6	Xã Ninh Sim	2020		
7	Xã Ninh Trung	2020		
8	Xã Ninh Xuân	2021		
9	Xã Ninh Thân	2018	2024	
10	Xã Ninh Tân	2019	2024	
11	Xã Ninh Sơn	2020	2024	
12	Xã Ninh Lộc	2021	2025	
13	Xã Ninh Thượng	2024		
14	Xã Ninh Vân	2018		
15	Xã Ninh Phú	2019	2024	
16	Xã Ninh Ích	2020		
17	Xã Ninh Tây	2024		
18	Xã Ninh An	2025		
19	Xã Ninh Thọ	2016	2025	
20	Xã Ninh Phước			
III	**Thành phố Nha Trang**	**2024**		
1	Xã Vĩnh Trung	2015	2024	
2	Xã Vĩnh Thạnh	2015	2023	
3	Xã Vĩnh Hiệp	2014	2022	
4	Xã Vĩnh Lương	2019		

Stt	Địa phương	Năm đạt chuẩn		
		NTM	*NTM nâng cao*	*NTM kiểu mẫu*
5	Xã Vĩnh Phương	2016	2020	2025
6	Xã Vĩnh Ngọc	2014		
7	Xã Phước Đồng	2016		
IV	**Huyện Diên Khánh**	**2023**	**2025**	
1	Xã Diên Điền	2016	2021	2025
2	Xã Diên Hòa	2017	2024	
3	Xã Diên Toàn	2017		
4	Xã Suối Tiên	2019		
5	Xã Diên Thạnh	2018		
6	Xã Bình Lộc	2020		
7	Xã Diên Xuân	2023		
8	Xã Diên Tân	2021		
9	Xã Diên Đồng	2022		
10	Xã Diên An	2014	2021	2025
11	Xã Diên Sơn	2015	2023	
12	Xã Diên Phước	2014	2022	2025
13	Xã Diên Lạc	2014	2022	2025
14	Xã Diên Phú	2014	2023	
15	Xã Diên Thọ	2015	2024	
16	Xã Diên Lâm	2015		
V	**Huyện Cam Lâm**	**2025**		
1	Xã Cam Hải Tây	2Q14	2021	2025
2	Xã Cam Tân	2015	2024	
3	Xã Cam Hiệp Nam	2015	2025	
4	Xã Cam Hiệp Bắc	2017		
5	Xã Cam Hải Đông	2016	2024	
6	Xã Cam Phước Tây	2023		
7	Xã Cam Hòa	2017	2025	
8	Xã Suối Cát	2021	2025	
9	Xã Cam Thành Bắc	2019	2021	2025
10	Xã Cam An Bắc	2018		
11	Xã Cam An Nam	2020		
12	Xã Sơn Tân	2024		
VI	**Thành phố Cam Ranh**	**2025**		
1	Xã Cam Bình	2014	2025	
2	Xã Cam Thịnh Đông	2015	2023	2025
3	Xã Cam Phước Đông	2025		
4	Xã Cam Lập	2015	2024	
5	Xã Cam Thịnh Tây	2025		
6	Xã Cam Thành Nam	2014	2025	
VII	**Huyện Khánh Vĩnh**			
1	Xã Sông Cầu	2019	2025	
2	Xã Khánh Đông	2025		
3	Xã Giang Ly			

Stt	Địa phương	Năm đạt chuẩn		
		NTM	*NTM nâng cao*	*NTM kiểu mẫu*
4	Xã Khánh Thượng			
5	Xã Liên Sang			
6	Xã Khánh Thành			
7	Xã Khánh Phú			
8	Xã Khánh Nam			
9	Xã Khánh Trung			
10	Xã Khánh Hiệp			
11	Xã Khánh Bình	2025		
12	Xã Cầu Bà			
13	Xã Sơn Thái			
VIII	**Huyện Khánh Sơn**			
1	Xã Thành Sơn			
2	Xã Sơn Lâm			
3	Xã Sơn Bình	2024		
4	Xã Sơn Hiệp	2025		
5	Xã Sơn Trung			
6	Xã Ba Cụm Bắc			
7	Xã Ba Cụm Nam			

Phụ lục 02:

DANH SÁCH CÁC ĐỊA PHƯƠNG BỔ SUNG SO VỚI NGHỊ QUYẾT SỐ 62/NQ-HĐND NGÀY 22/8/2022 VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 27/NQ-HĐND NGÀY 21/7/2023 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của HĐND tỉnh)

Stt	Địa phương	Ghi chú
A	**DANH SÁCH XÃ ĐẠT CHUẨN NTM BỔ SUNG**	*Tăng 04 xã (từ 72 lên 76 xã)*
1	Xã Vạn Thạnh	
2	Xã Ninh An	
3	Xã Sơn Hiệp	
4	Xã Khánh Bình	
B	**DANH SÁCH XÃ ĐẠT CHUẨN NTM NÂNG CAO BỔ SUNG**	Tăng 07 xã (từ 32 lên 39 xã)
1	Xã Ninh Thọ	
2	Xã Cam Hải Tây	
3	Xã Cam Tân	
4	Xã Cam Hiệp Nam	
5	Xã Cam Hải Đông	
6	Xã Cam Hòa	
7	Xã Cam Thành Bắc	
C	**DANH SÁCH XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU BỔ SUNG**	*Tăng 04 xã (từ 07 xã lên 11 xã)*
1	Xã Vạn Phú	
2	Xã Diên Lạc	
3	Xã Cam Hải Tây	
4	Xã Cam Thành Bắc	
D	**CẤP HUYỆN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI**	*Tăng 02 huyện (từ 01 huyện Diên Khánh lên thành 03 huyện)*
1	Huyện Vạn Ninh	
2	Huyện Cam Lâm	
E	**THÀNH PHỐ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**	
1	Thành phố Nha Trang	
2	Thành phố Cam Ranh	
F	**CẤP HUYỆN ĐẠT CHUẨN HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO**	
1	Huyện Diên Khánh	

** Huyện Cam Lâm chưa đăng ký nhu cầu vốn để huyện đạt chuẩn NTM, huyện Diên Khánh chưa đăng ký nhu cầu để huyện đạt chuẩn NTM nâng cao*

Phụ lục 03:

DANH MỤC VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BỔ SUNG SO VỚI NGHỊ QUYẾT SỐ 62/NQ-HĐND NGÀY 22/8/2022, NGHỊ QUYẾT SỐ 27/NQ-HĐND NGÀY 21/7/2023 CỦA HĐND TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
	TỔNG CỘNG		***456.780***	***194.008***	***262.772***				
I	**HUYỆN VẠN NINH**		**43.614**	**21.984**	**21.630**				
	Chợ Trung tâm huyện Vạn Ninh	2024	20.000	14.000	6.000	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư Chợ Trung tâm huyện đạt chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm với quy mô diện tích khoảng 14.000 m²	
1	**Xã Vạn Thạnh**		***5.400***	***2.340***	***3.060***				
a	*Hệ thống lưới điện nông thôn*		*1.800*	*1.260*	*540*				
1	Đầu tư hệ thống điện cho các thôn Ninh Đào, Ninh Tân, Điệp Sơn	2024	1.800	1.260	540	Đầu tư mới		Bổ sung máy phát điện chạy dầu, lắp đặt hệ thống đường dây điện và xây dựng trạm đặt máy phát cho các thôn Ninh Đào, Ninh Tân, Điệp Sơn	
b	*Trường học*		*3.600*	*1.080*	*2.520*				
1	Cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Vạn Thạnh	2024	1.200	360	840	Cải tạo, sửa chữa		Cải tạo, sửa chữa Khu hiệu bộ; Khu nhà vệ sinh cán bộ, giáo viên; Khối 3 phòng học; Khối 5 phòng học; Cổng tường rào	
2	Cải tạo, sửa chữa trường Tiểu học Vạn Thạnh 2	2024	1.200	360	840	Cải tạo, sửa chữa		Cải tạo, sửa chữa Khu hiệu bộ; Khu nhà vệ sinh cán bộ, giáo viên; Khối phòng học và thư viện; Cổng tường rào của điểm Khải Lương	
3	Cải tạo, sửa chữa trường TH và THCS Vạn Thạnh	2024	1.200	360	840	Cải tạo, sửa chữa		Cải tạo, sửa chữa Khu hiệu bộ; Khu nhà vệ sinh cán bộ, giáo viên; 11 phòng học	
2	**Xã Vạn Thắng**		***5.200***	***2.040***	***3.160***				
a	*Giao thông*		*1.200*	*840*	*360*				
1	Đèn chiếu sáng, biển báo, biển chỉ dẫn các trục đường xã	2024	1.200	840	360	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư bổ sung hệ thống điện chiếu sáng, biển báo, biển chỉ dẫn trên các trục đường xã	
b	*Cơ sở vật chất văn hóa*		*4.000*	*1.200*	*2.800*				
1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã (hạng mục: trung tâm thể dục - thể thao)	2024	4.000	1.200	2.800	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư Khu thể thao xã với diện tích khoảng 20.000 m²	
3	**Vạn Bình**		***6.100***	***1.530***	***4.570***				
a	*Cơ sở vật chất văn hóa*		*5.000*	*1.200*	*3.800*				
1	Trung tâm văn hóa - thể thao xã (Hạng mục Hội trường nhà văn hóa)	2024	4.000	1.200	2.800	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư xây dựng Hội trường đa năng có sức chứa 250 chỗ ngồi; các trang thiết bị phục vụ hoạt động văn hóa, văn nghệ; hệ thống wifi Parabol công cộng trong khuôn viên Trung tâm Văn hóa thể thao xã	
1	Xây dựng điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em, người cao tuổi ở 5 thôn	2024	1.000		1.000	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư các trang thiết bị thể dục, thể thao, giải trí phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi tại 05 thôn	
b	*Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn*		*1.100*	*330*	*770*				
1	Sửa chữa, nâng cấp chợ Trung Dõng	2024	1.100	330	770	Sửa chữa, nâng cấp	QH sử dụng đất	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp chợ đảm bảo các tiêu chí của chợ kinh doanh thực phẩm (gồm: sửa chữa, mở rộng Nhà lồng chợ, nâng nền bê tông khuôn viên chợ, hệ thống thoát nước và điện chiếu sáng,...)	
4	**Xã Vạn Phú**		***5.564***	***1.669***	***3.895***				
a	*Trường học*		*5.564*	*1.669*	*3.895*				
1	Trường THCS Mê Linh	2024	5.564	1.669	3.895	Nâng cấp, sửa chữa	QH sử dụng đất	- Đầu tư cải tạo, sửa chữa khối hành chính quản trị, khối nhà lớp học, khối hỗ trợ học tập, khối phụ trợ, mái che khu tập thể dục của học sinh, cổng tường rào; - Xây mới phòng học môn Mỹ thuật, phòng học môn Khoa học xã hội, môn Khoa học tự nhiên; - Sửa chữa, mua sắm mới trang thiết bị bàn ghế phục vụ giảng dạy, học tập	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
5	**Xã Vạn Lương**		***1.200***	***360***	***840***				
a	*Cơ sở vật chất văn hóa*		*1.200*	*360*	*840*				
1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã. Hạng mục: Khu thể thao xã	2024	1.200	360	840	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Xây dựng cổng, tường rào, nâng nền khu thể thao xã với diện tích khoảng 3.800 m²	
6	**Xã Vạn Thọ**		***150***	***45***	***105***				
a	*Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn*		*150*	*45*	*105*				
1	Sửa chữa, nâng cấp chợ Cồ Mã	2024	150	45	105	Nâng cấp, sửa chữa	QH sử dụng đất	Đầu tư sửa chữa bố trí các điểm kinh doanh, xây dựng nhà vệ sinh, khu để xe trong khuôn viên chợ	
II	**THỊ XÃ NINH HÒA**		**285.216**	**100.059**	**185.157**				
1	**Xã Ninh Tây**		***5.727***	***1.718***	***4.009***				
a	*Trường học*		*5.727*	*1.718*	*4.009*				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Tây (Hạng mục: công trình phụ trợ, hệ thống PCCC)	2024	3.387	1.016	2.371	Xây dựng mới		- Công trình phụ trợ: tường rào, hố thu gom rác thải tại 04 điểm trường - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC tại điểm trường chính.	
2	Xây dựng Trường TH&THCS Ninh Tây (Hạng mục: Nhà vệ sinh, hệ thống PCCC)	2024	2.340	702	1.638	Xây dựng mới		- Nhà vệ sinh giáo viên, nhà vệ sinh học sinh - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	**Xã Ninh Thượng**		***9.421***	***2.256***	***7.165***				
a	*Trường học*		*7.521*	*2.256*	*5.265*				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Thượng (Hạng mục: Phòng học, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2024	6.428	1.928	4.500	Xây dựng mới		- Khối phòng học: 03 phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường THCS Ngô Thì Nhậm (Hạng mục: tường rào)	2024	1.093	328	765	Xây dựng mới		- Xây dựng tường rào.	
b	*Cơ sở vật chất văn hóa*		*1.900*		*1.900*				
1	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Tân Hiệp	2024	1.200		1.200	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Diện tích khoảng 140 m2	
2	Khu thể thao thôn 1	2024	700		700	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	San lấp mặt bằng, xây dựng tường rào	
3	**Xã Ninh Phú**		***8.005***	***2.221***	***5.783***				
a	*Cơ sở vật chất văn hóa*		*600*		*600*				
1	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Hội Phú Nam (Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100		100	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
2	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Hội Phú Bắc 2 (Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100		100	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
3	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Hội Điền (Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100		100	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
4	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Tiên Du 1 (Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100		100	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
5	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Tiên Du 2 (Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100		100	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
6	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Lệ Cam (Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100		100	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
b	*Trường học*		*7.405*	*2.221*	*5.183*				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Phú (Hạng mục: Phòng học, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2024	3.845	1.153	2.691	Đầu tư mới		- Khối phòng học: 01 phòng học. - Công trình phụ trợ: tường rào - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Phú (Hạng mục: Nhà vệ sinh, hệ thống thiết bị PCCC)	2024	2.060	618	1.442	Đầu tư mới		- Nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
3	Xây dựng Trường THCS Trương Định (Hạng mục: Hệ thống thiết bị PCCC)	2024	1.500	450	1.050	Đầu tư mới		- Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
4	**Xã Ninh Sơn**		***19.467***	***7.739***	***11.729***				
a	*Quy hoạch*		*700*		*700*				
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã	2024	700		700				
b	*Giao thông*		*6.916*	*4.183*	*2.733*				
1	Đường BTXM thôn 1, xã Ninh Sơn đoạn từ Tỉnh Lộ 7 đến trường mầm non Ninh Sơn	2024	1.190	833	357	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 380 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 1m	
2	Đường BTXM thôn 4, xã Ninh Sơn đoạn nhà ông Lân đến nhà ông Thành	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 420 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m	
3	Đường BTXM thôn 5, xã Ninh Sơn đoạn nhà bà Hương đến nhà ông Thọ	2024	1.190	833	357	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 410 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m	
4	Đường BTXM thôn 5 đoạn từ TL7 đến cầu máng Kênh Tây.	2024	900	630	270	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 309 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m	
5	Đường BTXM thôn 5 đoạn từ TL7 đến nhà ông Phùng Tiếp.	2024	306	214	92	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 105 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m	
1	Đường BTXM thôn 2, xã Ninh Sơn , đoạn từ nhà ông Phạm Thái Phúc đến nhà ông Phạm Mỹ	2024	460		460	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 190 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m	
2	Đường BTXM thôn 4, xã Ninh Sơn, đoạn từ nhà ông Giang đến nhà ông Tuấn	2024	480		480	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 184 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m	
1	Đường nội đồng thôn 4, đoạn từ TL7 đến đất ông Khoa.	2024	680	476	204	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	- Chiều dài khoảng: 390 m. - Mặt đường rộng 3m đá dăm nước dày 15cm. - Nền đường rộng 4m. Lề mỗi bên rộng: 0,5m x 2 bên = 1m.	
2	Đường nội đồng thôn 4, đoạn từ đất ông Lương đến đất ông Phí.	2024	510	357	153	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	- Chiều dài khoảng: 340 m. - Mặt đường rộng 3m đá dăm nước dày 15cm. - Nền đường rộng 4m. Lề mỗi bên rộng: 0,5m x 2 bên = 1m.	
c	*Trường học*		*11.851*	*3.555*	*8.296*				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Sơn	2024	2.829	849	1.980	Xây dựng mới		- Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống PCCC.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Sơn	2024	4.967	1.490	3.477	Xây dựng mới		- Xây dựng phòng học. - Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống PCCC.	
3	Xây dựng Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	2024	4.055	1.217	2.839	Xây dựng mới		- Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ.	
5	**Xã Ninh Thân**		***26.935***	***8.021***	***18.915***				
a	*Quy hoạch*		*600*		*600*				
1	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	2024	600		600				
b	*Giao thông*		*2.400*	*840*	*1.560*				
1	Đường trục thôn Nhĩ Sự, đoạn từ cầu bà Tớn đến nhà ông Tỵ và nhánh rẽ	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH xây dựng xã	BTXM, dài khoảng 670m, mặt đường 3m, nền 4m	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
1	Đường trục xóm Nhĩ Sự (Nhà ông Trúc đến đỉnh Nhĩ Sự)	2024	1.200		1.200	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	BTXM, dài khoảng 550m, mặt đường 3m, nền 4m	
c	*Trường học*		*23.935*	*7.181*	*16.755*				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Thân	2024	8.342	2.503	5.839	Xây dựng mới		- Xây dựng khối 04 phòng học. - Khối phòng hành chính quản trị. - Các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Thân	2024	7.203	2.161	5.042	Xây dựng mới		- Xây dựng 04 phòng học. - Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
3	Xây dựng Trường THCS Phạm Hồng Thái	2024	8.391	2.517	5.873	Xây dựng mới		- Xây dựng 05 phòng học. - Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
6	**Xã Ninh Tân**		***35.312***	***11.574***	***23.739***				
a	*Quy hoạch*		*1.000*		*1.000*				
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã (tỷ lệ 1/500)	2024	1.000		1.000				
b	*Giao thông*		*3.900*	*2.450*	*1.450*				
1	Đường từ ngã ba trại yến đến đất ông Công	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM dài khoảng 529m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	
1	Đường nối tuyến M và L	2024	400		400	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	L khoảng 200m, mặt BTXM 3,5m nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	
1	Đường từ đất Ông Say đến Tuyến 1400	2024	2.500	1.750	750	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	BTXM, dài khoảng 1.365m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	
c	*Trường học*		*27.912*	*8.374*	*19.539*				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Tân	2024	7.893	2.368	5.525	Xây dựng mới		- Xây dựng 04 phòng học. - Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường TH&THCS Ninh Tân	2024	20.020	6.006	14.014	Xây dựng mới		- Xây dựng 14 phòng học. - Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
d	*Cơ sở vật chất văn hóa*		*500*	*150*	*350*				
1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã (Hạng mục: Nâng cấp, sửa chữa)	2024	500	150	350	Nâng cấp, sửa chữa	QH Nông thôn mới	Sửa chữa: hệ thống dụng cụ ngoài trời, sân cầu lông; sơn sửa: sân khấu và nâng nền trung tâm văn hóa.	
đ	*Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn*		*2.000*	*600*	*1.400*				
1	Chợ xã Ninh Tân	2024	2.000	600	1.400	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Cứng hóa nền chợ, xây dựng các công trình phụ trợ và 5 kiot	
7	**Xã Ninh Quang**		***23.105***	***8.991***	***14.113***				
a	*Giao thông*		*4.000*	*2.800*	*1.200*				
1	Đoạn BTXM từ đồng Mã Vôi cầu Từ đến giáp đường bê tông	2024	4.000	2.800	1.200	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	BTXM, chiều dài khoảng 1.503,37m; nền đường rộng 6m; mặt đường 3,0m, lề đường 1,5m mỗi bên	
b	*Thủy lợi và phòng chống thiên tai*		*1.150*	*805*	*345*				
1	Tuyến mương BTXM từ nhà ông Nhẽ đến sông Bầu Nổi, thôn Thạnh Mỹ	2024	1.150	805	345	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	BTXM, chiều dài khoảng 425,61m, rộng 0,9 m	
c	*Trường học*		*13.955*	*4.186*	*9.768*				

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Quang	2024	1.986	596	1.390	Xây dựng mới		- Xây dựng phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Cải tạo hệ thống PCCC.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Quang	2024	8.587	2.576	6.011	Xây dựng mới		- Xây dựng phòng học. - Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Cải tạo hệ thống PCCC.	
3	Xây dựng Trường THCS Quang Trung	2024	3.382	1.015	2.368	Xây dựng mới		- Xây dựng phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Cải tạo hệ thống PCCC.	
d	*Cơ sở vật chất văn hóa*		*4.000*	*1.200*	*2.800*				
1	Trung tâm văn hóa thể thao xã (Hạng mục: Sân bóng đá mini, Sân cầu lông, có mái che; Sân bóng chuyền; Nhà điều hành, nhà vệ sinh)	*2024*	*4.000*	*1.200*	*2.800*	*Xây dựng mới*	*QH Nông thôn mới*	*- Sân bóng đá mini: S = 1.925m2; Hệ thống điện chiếu sáng sân bóng và các công trình phụ trợ;* *- Sân cầu lông có mái che: Diện tích 320m2:* *- Sân bóng chuyền: Diện tích 286m2:* *- Nhà điều hành và nhà vệ sinh: Tổng diện tích 141,01m2; Bố trí 2 khu vệ sinh cho nam và nữ* *- Các công trình phụ trợ*	
8	**Xã Ninh Đông**		***15.318***	***5.216***	***10.101***				
a	*Quy hoạch*		*1.050*		*1.050*				
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã	2024	1.050		1.050				
b	*Giao thông*		*1.180*	*826*	*354*				
1	Đường nhà bà Hàng Thị Hồng đến cống mương rút Phú Nghĩa	2024	1.180	826	354	Nâng cấp, sửa chữa	QH Nông thôn mới	Mặt BTXM 3,5 m, dài khoảng 700m	
c	*Thủy lợi và phòng chống thiên tai*		*1.160*	*812*	*348*				
1	Kiên cố hóa kênh Gắn Thượng	2024	1.160	812	348	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Mương BTXM, KT 1mx1m, thành 15cm, dài khoảng 470m	
d	*Trường học*		*10.788*	*3.236*	*7.551*				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Đông (Hạng mục: phòng học, phòng bộ môn)	2025	3.226	968	2.258	Xây dựng mới		- Xây dựng 02 phòng học - Xây dựng 02 phòng bộ môn: 01 phòng nghệ thuật, 01 phòng tin học	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Đông (Hạng mục: phòng đa chức năng, công trình phụ trợ)	2025	2.660	798	1.862	Xây dựng mới		- Xây dựng 01 phòng đa chức năng. - Xây dựng công trình phụ trợ: 01 nhà vệ sinh học sinh.	
3	Xây dựng Trường THCS Trần Quang Khải (Hạng mục: phòng học bộ môn, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	4.902	1.471	3.431	Xây dựng mới		- Xây dựng 01 phòng Tin học, 01 phòng Âm nhạc, 01 phòng Khoa học Tự nhiên, 01 phòng Khoa học xã hội. - Xây dựng công trình phụ trợ: 01 nhà kho, 01 nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
đ	*Cơ sở vật chất văn hóa*		*1.140*	*342*	*798*				
1	Trung tâm văn hóa thể thao xã (Hạng mục: Sân khấu ngoài trời)	2024	1.140	342	798	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Dện tích 100 m2, có sân khấu chính và nhà vệ sinh	
9	**Xã Ninh Lộc**		***12.000***	***4.215***	***7.785***				
a	*Quy hoạch*		*1.000*		*1.000*				
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã	2024	1.000		1.000				
b	*Giao thông*		*3.888*	*1.322*	*2.566*				
1	Tuyến đường thôn, liên thôn Đoạn từ nhà ông Trịnh Duy Phong đến nhà bà Huỳnh Thị Phụng	2024	860	602	258	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	BTXM mặt đường 3,5m nền đường 4 - 5m dài khoảng 429m	
1	Đoạn từ đất ông Hồ Công Anh đến ruộng ông Trịnh Văn Cúc	2025	735		735	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	BTXM mặt đường 3,5m nền đường 4 - 5m dài khoảng 339m	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
2	Đoạn từ nhà bà Nguyễn Thị Thu Thảo đến nhà bà Lê Thị Hiến + đoạn nhà Trần Quốc Dũng đến nhà ông Phan Long	2025	475		475	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	BTXM mặt đường 3,5m nền đường 4 - 5m dài khoảng 237m	
3	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Thanh Phương đến nhà ông Nguyễn Văn Khoa	2025	790		790	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	BTXM mặt đường 3,5m nền đường 4 - 5m dài khoảng 252m	
1	Đường nội đồng từ ruộng ông Võ Bình (Đường TTHC xã) đến ruộng ông Nguyễn Chất (Đường quy hoạch giao thông mới)	2025	1.028	720	308	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	BTXM mặt đường 3,5m nền đường 4 - 5m dài khoảng 514m	
c	*Thủy lợi và phòng chống thiên tai*		*1.900*	*1.330*	*570*				
1	Kiên cố hóa kênh mương Cầu Qué Thôn Tân-Vạn Khê	2025	1.200	840	360	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Kiên cố hóa mương BTXM dài khoảng 900m	
2	Kênh mương Ông Thang thôn Ninh Đức từ mương Bà Ba tới Mương Bà Cộ	2025	700	490	210	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Kiên cố hóa mương BTXM dài khoảng 350m	
d	*Trường học*		*5.212*	*1.564*	*3.648*				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Lộc (Hạng mục: phòng học, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.575	773	1.803	Xây dựng mới		- Xây dựng 01 phòng học. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Lộc (Hạng mục: phòng thiết bị)	2025	470	141	329	Xây dựng mới		- Xây dựng 01 phòng thiết bị	
3	Xây dựng Trường THCS Lê Thánh Tông (Hạng mục: phòng thiết bị, phòng nghỉ giáo viên, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.166	650	1.516	Xây dựng mới		- Xây dựng 01 phòng thiết bị, 01 phòng nghỉ giáo viên. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
10	**Xã Ninh Thọ**		***33.430***	***13.715***	***19.715***				
a	*Quy hoạch*		*680*		*680*				
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa	2024	259		259	Điều Chỉnh	Nông thôn mới	2,865 ha	
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn	2024	421		421	Xây dựng mới	Nông thôn mới	50ha	
b	*Giao thông*		*6.722*	*3.945*	*2.777*				
1	Đường Bình Sơn 4 (Bộ), đoạn từ tỉnh lộ 7 đến Bình Sơn 2	2025	484	339	145	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 255m; nền 3m; mặt 2,5m	
2	Đường Xuân Mỹ 2, đoạn từ nhà ông rơi đến xóm bà Dùng	2025	1.500	1.050	450	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 672m; nền 3,5m; mặt 3 m	
3	Đường BTXM Lạc Bình-Xuân Mỹ, đoạn từ BTXM Lạc Bình đến cống đìa ông Chúng	2025	1.600	1.120	480	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 852m; nền 5,5m; mặt 3,5m	
1	Đường xóm ông Ân, đoạn đường BTXM nhà ông Vũ đến giáp đường đất	2025	260		260	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 161m; nền 3m; mặt 2,5m	
2	Đường xóm Đồn, đoạn từ nhà ông Thời đến đồng ruộng	2025	290		290	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 100m; nền 3m; mặt 2,5 m	
3	Đường xóm nhà ông Thúc, đoạn từ BTXM nhà ông Khánh đến đồng ruộng	2025	536		536	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 233m; nền 3,5m; mặt 2,5 m	
1	Đường Lạc An đi Ninh Điền, đoạn từ Cống đến khu mũi dùi	2025	1.000	700	300	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 246m; nền 4,5m; mặt 3,5 m	
2	Đường Xuân Phong 1, đoạn từ quốc lộ 1A đến đường Xuân Phong	2025	1.052	736	316	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 440m; nền 3,5m; mặt 2,5 m	
c	*Thủy lợi và phòng chống thiên tai*		*7.236*	*5.065*	*2.171*				

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
1	Mương đồng Vui	2025	1.152	806	346	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 540m; 0,5m x 0,6m	
2	Nhánh N3-5 Mũi Dùi	2025	1.240	868	372	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 500m; 0,6m x 0,6m	
3	Nhánh N3- Ô.Khanh	2025	1.240	868	372	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 500m; 0,6m x 0,6m	
4	Mương N3-7A	2025	1.252	876	376	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 550m; 0,6m x 0,6m	
5	Mương Đồng Trong	2025	1.252	876	376	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 500m; 0,6m x 0,6m	
6	Mương Bảy Bình	2025	1.100	770	330	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 500m; 0,6m x 0,7m	
d	*Trường học*		*10.482*	*3.145*	*7.338*				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Thọ (Hạng mục: phòng học, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.575	773	1.803	Xây dựng mới		- Xây dựng 01 phòng học. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Thọ (Hạng mục: công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.060	618	1.442	Xây dựng mới		- Xây dựng công trình phụ trợ: 01 nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
3	Xây dựng Trường THCS Nguyễn Tri Phương (Hạng mục: khối hành chính quản trị, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	5.847	1.754	4.093	Xây dựng mới		- Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà vệ sinh giáo viên. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
đ	*Cơ sở vật chất văn hóa*		*8.310*	*1.560*	*6.750*				
1	Trung tâm văn hóa thể thao xã Ninh Thọ	2025	5.200	1.560	3.640	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Công tường rào dài khoảng 490m, tường xây gạch lắp khung sắt và kéo lưới B40; Sân khấu lộ thiên khoảng 150m2 nền sân lát gạch và xây dựng 2 phòng thay đồ nam nữ; Nhà vệ sinh khoảng 10,85m2 kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch; Sân bóng đá cỏ nhân tạo diện tích khoảng 1175m2, nền lát cỏ, khung lưới bao che toàn bộ; Nhà đa năng khoảng 350m2 kết cấu tường xây gạch, kết cấu chính BTCT, mái lợp tôn, nền lát gạch, sân bóng chuyền khoảng 81,74m2 nền đổ bê tông; Lắp đặt hệ thống điện, dụng cụ thể dục thể thao; Sửa chữa sơn sửa hạng mục Nhà văn hóa thiếu nhi hiện có.	
1	Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Lạc An (Hạng mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao, xây dựng nhà vệ sinh)	2025	1.150		1.150	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đổ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao. Nhà vệ sinh 10,85m2 kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch, sơn tường nhà văn hóa	
2	Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Chánh Thanh (Hạng mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao, xây dựng nhà vệ sinh)	2025	500		500	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đổ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao. Nhà vệ sinh 10,85m2 kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch, sơn tường nhà văn hóa	
3	Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Ninh Điền (Hạng mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2025	300		300	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đổ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao, sơn tường nhà văn hóa	
4	Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Lạc Ninh (Hạng mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao, xây dựng nhà vệ sinh)	2025	300		300	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đổ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao. Nhà vệ sinh 10,85m2 kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch	
5	Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Bình Sơn (Hạng mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao, xây dựng nhà vệ sinh)	2025	400		400	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đổ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao. Nhà vệ sinh khoảng 10,85m2 kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch	
6	Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Xuân Phong (Hạng mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao, xây dựng nhà vệ sinh)	2025	460		460	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đổ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao. Nhà vệ sinh khoảng 10,85m2 kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch	
11	**Xã Ninh An**		***25.652***	***9.049***	***16.603***				
a	*Quy hoạch .*		*1.150*		*1.150*				
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2024	1.150		1.150				
b	*Giao thông*		*15.534*	*6.359*	*9.175*				

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
1	Đường từ nhà ông Gặp đến nhà ông Minh	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 650m; nền đường 4m; mặt BTXM 3m, lề mỗi bên 0,5m	
2	Đường từ nhà ông Bình đến kênh N4	2024	1.214	850	364	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 635m, nền đường 3,5m, mặt BTXM 2,5m, lề mỗi bên 0,5m	
3	Đường từ nhà ông Tường đến bến đĩa	2024	1.250	875	375	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 680m, nền đường 3,5m, mặt BTXM 2,5m, lề mỗi bên 0,5m	
4	Đường từ nhà ông Hạnh đến giáp thôn 3, xã Ninh Sơn	2024	840	588	252	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 350m, nền đường 3,5m, mặt BTXM 2,5m, lề mỗi bên 0,5m	
5	Đường từ nhà ông Thành đến trường tiểu học thôn Lạc Hoà	2024	1.150	805	345	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 650m, mặt đường 4m, mặt BTXM: 3m; lề 0,5m mỗi bên	
1	Đường từ nhà ông Thanh đến Gò Muồn	2024	1.100		1.100	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 630m, Nền đường 3,5m, mặt BTXM 2,5m, lề mỗi bên 0,5m	
2	Đường từ nhà ông Tráng đi Hòn Chồn	2024	1.200		1.200	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 550m, nền đường 4m, mặt BTXM 3m, lề mỗi bên 0,5m	
3	Đường từ nhà ông Lực đến trường tiểu học thôn Sơn Lộc	2024	1.050		1.050	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 580m, mặt đường 3,5m, mặt BTXM: 2,5; lề 0,5m mỗi bên	
4	Đường từ nhà bà Lệ đến nhà ông Đức	2024	1.100		1.100	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 594m, mặt đường 3,5m, mặt BTXM: 2,5; lề 0.5m mỗi bên	
5	Đường từ nhà ông Thành đến nhà ông Chính	2024	1.000		1.000	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 560m, mặt đường 3,5m, mặt BTXM: 2,5; lề 0,5m mỗi bên	
6	Đường từ nhà ông Cường đến nhà ông Phương	2024	1.000		1.000	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 550m, mặt đường 4m, mặt BTXM: 3m; lề 0,5m mỗi bên	
1	Đường từ Hộc Điền đến cây Gũ	2024	730	511	219	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 380m, nền đường 3,5m, mặt BTXM 2,5m, lề mỗi bên 0,5m	
2	Đường từ nhà 7 xị đến giáp Hoà Thiện 1	2024	900	630	270	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 350m, nền đường 4m, mặt BTXM 3m, lề mỗi bên 0,5m	
3	Đường từ kênh N4 đến đồng Bùi Tiến Đức	2024	700	490	210	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 370m, nền đường 3,5m, mặt BTXM 2,5m, lề mỗi bên 0,5m	
4	Đường BTXM từ mương N4 đến nhà ông Bi	2024	1.100	770	330	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 550m, mặt đường 3,5m, mặt BTXM: 2,5m; lề 0,5m mỗi bên	
c	*Trường học*		*5.268*	*1.580*	*3.688*				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh An (Hạng mục: công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.268	680	1.588	Xây dựng mới		- Xây dựng công trình phụ trợ: 03 nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh An (Hạng mục: hệ thống thiết bị PCCC)	2025	1.500	450	1.050	Xây dựng mới		- Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
3	Xây dựng Trường THCS Phạm Ngũ Lão (Hạng mục: hệ thống thiết bị PCCC)	2025	1.500	450	1.050	Xây dựng mới		- Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
d	*Cơ sở vật chất văn hóa*		*3.700*	*1.110*	*2.590*				
1	Trung tâm văn hoá thể thao xã	2024	3.700	1.110	2.590	Xây dựng mới	Sử dụng đất	Nhà đa năng sân thể thao, sân thể thao mi ni, nhà bảo vệ, nhà để xe, nhà vệ sinh, hệ thống điện, hệ thống nước, sân Bê tông, bồn hoa, sân khấu	
12	**Xã Ninh Vân**		***16.676***	***5.923***	***10.753***				
a	*Giao thông*		*2.300*	*1.610*	*690*				
1	Đường BTXM đoạn từ đường số 11 đến đường số 1	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Quy hoạch sử dụng đất, bổ sung khi lập điều chỉnh quy hoạch	Chiều dài khoảng 350m, Nền đường 6m, mặt BTXM 3,5m, lề mỗi bên 1,25m	
2	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Lê Phú Vân đến đường số 1	2024	1.100	770	330	Xây dựng mới	Quy hoạch sử dụng đất, bổ sung khi lập điều chỉnh quy hoạch	Chiều dài khoảng 290m, Nền đường 6m, mặt BTXM 3,5m, lề mỗi bên 1,25m	
b	*Trường học*		*8.476*	*2.543*	*5.933*				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Vân	2024	1.379	414	965	Xây dựng mới		- Xây dựng các công trình phụ trợ.	
2	Xây dựng Trường TH&THCS Ninh Vân	2024	7.097	2.129	4.968	Xây dựng mới		- Xây dựng phòng học tại điểm chính và điểm phụ. - Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống PCCC.	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
c	*Cơ sở vật chất văn hóa*		*5.900*	*1.770*	*4.130*				
1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Ninh Vân (Hạng mục: Khán đài diện tích 75,6m2 (gồm phòng thay đồ, phòng điều hành, khu vệ sinh), cổng phụ, điện chiếu sáng. Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	900	270	630	Nâng cấp	Nông thôn mới	Khán đài diện tích 75,6m2 (gồm phòng thay đồ, phòng điều hành, khu vệ sinh), sửa chữa cổng phụ, điện chiếu sáng. Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
2	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã (Hạng mục: Hội trường nhà văn hóa đa năng)	2024	5.000	1.500	3.500	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Xây mới Hội trường văn hoá đa năng, diện tích 1.500m2 và 200 chỗ ngồi trở lên. Có bàn ghế, giá, tủ, ánh sáng, âm thanh khánh tiết, khu vệ sinh, nhà để xe	
13	**Xã Ninh Trung**		***10.575***	***3.173***	***7.403***				
a	*Trường học*		*10.575*	*3.173*	*7.403*				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Trung (Hạng mục: phòng học, các công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	4.815	1.445	3.371	Đầu tư mới		- Xây dựng 02 phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà kho, 02 kho lớp học. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Trung (Hạng mục: phòng Tin học, phòng Thư viện, các công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	3.280	984	2.296	Đầu tư mới		- Xây dựng 01 phòng Tin học, 01 phòng Thư viện. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà xe giáo viên, sân trường, đường nội bộ, khu xử lý rác thải. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
3	Xây dựng Trường THCS Lê Hồng Phong (Hạng mục: nhà kho, hệ thống thiết bị PCCC, nhà đa năng)	2025	2.480	744	1.736	Đầu tư mới		- Xây dựng 01 nhà kho. - Sửa chữa nhà đa năng. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
14	**Xã Ninh Ích**		***16.816***	***5.045***	***11.771***				
a	*Trường học*		*16.816*	*5.045*	*11.771*				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Ích (Hạng mục: phòng học, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	5.814	1.744	4.070	Đầu tư mới		- Xây dựng 02 phòng học. - Cải tạo, sửa chữa 02 phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 phòng nhân viên, 01 nhà vệ sinh giáo viên, cổng tường rào. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Ích (Hạng mục: phòng Tin học, phòng Đảng - Đoàn thể, sửa chữa phòng học., các công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	7.341	2.202	5.139	Đầu tư mới		- Xây dựng 01 phòng Tin học, 01 phòng Đảng - Đoàn thể. - Cải tạo, sửa chữa 02 phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ: cổng tường rào, 01 nhà vệ sinh giáo viên, 01 nhà vệ sinh học sinh, 01 nhà xe giáo viên, 01 nhà xe học sinh, 01 nhà kho. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
3	Xây dựng Trường THCS Võ Thị Sáu (Hạng mục: phòng họp hội đồng, các công trình phụ trợ, sửa chữa phòng học)	2025	3.661	1.098	2.563	Đầu tư mới		- Xây dựng 01 phòng họp hội đồng. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà kho, 01 phòng bảo vệ. - Sửa chữa khối 14 phòng học đã xuống cấp.	
15	**Xã Ninh Xuân**		***18.484***	***8.715***	***9.769***				
a	*Giao thông*		*8.600*	*6.020*	*2.580*				
1	Đường GTNT xã Ninh Xuân từ nhà Bà Tuân thôn Ngũ Mỹ đến đoạn đường bê tông thuỷ lợi thôn Tân Mỹ	2024	4.600	3.220	1.380	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 2.300m; mặt đường rộng 3,0m; lề mỗi bên rộng 0,5m; mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 16cm	
2	Đường GTNT xã Ninh Xuân đoạn từ nhà ông Cao Thiên Lộc đến nhà ông Nguyễn Ngọc Minh thôn Tân Mỹ	2024	1.700	1.190	510	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 850m; mặt đường rộng 3,0m; lề mỗi bên rộng 0,5m; mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 16cm	
3	Đường GTNT xã Ninh Xuân đoạn QL 26 đến nhà bà Lâm Thị Phúc thôn Tân Mỹ	2024	700	490	210	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 350m; mặt đường rộng 3,0m; lề mỗi bên rộng 0,5m; mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 16cm	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
4	Đường GTNT xã Ninh Xuân đoạn Tỉnh lộ 6 đến nhà ông Nguyễn Phó thôn Tân Mỹ	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 500m; mặt đường rộng 3,0m; lề mỗi bên rộng 0,5m; mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 16cm	
5	Đường GTNT xã Ninh Xuân đoạn từ nhà ông Phạm Hữu Thoảng đến nhà bà Nguyễn Kim Phúc, Tôn Thị Cang thôn Tân Mỹ	2024	600	420	180	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 300m; mặt đường rộng 3,0m; lề mỗi bên rộng 0,5m; mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 16cm	
b	*Trường học*		*8.984*	*2.695*	*6.289*				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Xuân (Hạng mục: công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.060	618	1.442	Đầu tư mới		- Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học số 1 Ninh Xuân (Hạng mục: phòng Tin học, phòng Truyền thống, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	3.336	1.001	2.335	Đầu tư mới		- Xây dựng 01 phòng Tin học, 01 phòng Truyền thống. - Xây dựng các công trình phụ trợ: tường rào. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
3	Xây dựng Trường Tiểu học số 2 Ninh Xuân (Hạng mục: hệ thống thiết bị PCCC)	2025	1.500	450	1.050	Đầu tư mới		- Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
4	Xây dựng Trường THCS Lý Thường Kiệt (Hạng mục: phòng họp hội đồng, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.088	626	1.462	Đầu tư mới		- Xây dựng 01 phòng họp hội đồng. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
c	*Cơ sở vật chất văn hóa*		*900*		*900*				
1	Nhà văn hóa thôn Ngũ Mỹ	2025	900		900	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Nhà văn hoá và các công trình phụ trợ	
16	**Xã Ninh Sim**		***8.293***	***2.488***	***5.805***				
a	*Trường học*		*8.293*	*2.488*	*5.805*				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Sim (Hạng mục: phòng học)	2025	4.301	1.290	3.011	Đầu tư mới		- Xây dựng 04 phòng học.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Sim (Hạng mục: phòng Thư viện, phòng thiết bị)	2025	1.372	412	960	Đầu tư mới		- Xây dựng 01 phòng Thư viện, 01 phòng thiết bị.	
3	Xây dựng Trường THCS Tô Hiến Thành (Hạng mục: phòng chức năng, phòng thiết bị, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.620	786	1.834	Đầu tư mới		- Sửa chữa các phòng chức năng, phòng thiết bị - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
III	**HUYỆN CAM LÂM**		**75.550**	**31.895**	**43.655**				
1	**Xã Cam Tân**		***16.600***	***9.020***	*7.580*				
a	*Giao thông*		*10.100*	*7.070*	*3.030*				
1	Nâng cấp, sửa chữa và hệ thống thoát nước đường liên xã Cam Tân- Sơn Tân	2024-2025	6.000	4.200	1.800	Nâng cấp, sửa chữa		Hiện trạng đường BTXM xây dựng năm 1998, đã xuống cấp. Thảm nhựa mặt đường rộng 6m, dài 1.950 mét	
1	Đường nội đồng từ sân bóng đá đến vùng ruộng lò xẩy	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới		Hiện trạng đường đất đã xuống cấp, chiều dài 590m, rộng 4m	
2	Đường nội đồng từ Cổng ông Lại đến ruộng bà Chúc	2024	1.100	770	330	Xây dựng mới		Đường bê tông xi măng, rộng 4m, dài 420m.	
3	Đường nội đồng từ Chùa Bảo Quang đến Đình mới	2024	1.800	1.260	540	Nâng cấp		Hiện trạng đường BTXM xây dựng năm 2014, đã xuống cấp. Thảm nhựa mặt đường rộng 4m, dài 800 mét.	
b	*Trường học*		*6.500*	*1.950*	*4.550*				
1	Trường Tiểu học Cam Tân	2024-2025	6.500	1.950	4.550	Xây mới, nâng cấp		Xây mới 04 phòng bộ môn, tường rào 3 mặt bên, nâng cấp nhà vệ sinh học sinh	
2	**Xã Cam Hải Đông**		***3.000***	***900***	***2.100***				
a	*Trường học*		*3.000*	*900*	*2.100*				
1	Trường Tiểu học Cam Hải Đông	2024-2025	3.000	900	2.100	Xây mới		Xây mới nhà đa năng và mua sắm trang thiết bị	
3	**Xã Cam Hải Tây**		***5.000***	***1.500***	***3.500***				

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
a	*Trường học*		*5.000*	*1.500*	*3.500*				
1	Trường Tiểu học Cam Hải Tây	2024-2025	5.000	1.500	3.500	Xây mới		Xây mới nhà đa năng, 02 phòng học bộ môn và trang thiết bị	
4	**Xã Cam Thành Bắc**		***9.000***	***3.470***	***5.530***				
a	*Giao thông*		*2.300*	*1.610*	*690*				
1	Sửa chữa, cải tạo đường bên cạnh trường THCS Nguyễn Hiền (đường thôn)	2025	1.200	840	360	Sửa chữa, cải tạo		Hiện trạng đường đã hư hỏng nặng, nhiều điểm sụt lún và bong tróc thành hố sâu, chiều dài khoảng 400m, nền đường rộng 4m, đường thảm nhựa rộng 3,5m	
2	Sửa chữa, cải tạo đường từ WB2 đến hội trường thôn Tân Lập (đường thôn)	2024	1.100	770	330	Sửa chữa, cải tạo		Hiện trạng đường đã hư hỏng nặng, nhiều điểm sụt lún và bong tróc thành hố sâu , chiều dài khoảng 220m , nền đường rộng 3,5m, đường BTXM rộng 3,5m	
b	*Cơ sở vật chất văn hóa*		*1.700*	*360*	*1.340*				
1	Sửa chữa, nâng cấp hội trường Trung tâm văn hóa thể thao xã	2024-2025	1.200	360	840	nâng cấp		Sửa chữa, nâng cấp, trang thiết bị	
1	Nâng cấp, sửa chữa hội trường thôn Tân Sinh Tây	2024-2025	500		500	xây mới		Sửa chữa, nâng cấp, trang thiết bị hội trường thôn Tân Sinh Tây	
c	*Trường học*		*5.000*	*1.500*	*3.500*				
1	Nhà đa năng, nhà vệ sinh học sinh, sân nền tường rào trường THCS Nguyễn Hiền	2024-2025	5.000	1.500	3.500	Xây mới, cải tạo		Xây mới nhà đa năng, nhà vệ sinh, tổng diện tích xây dựng 450m2,chiều cao công trình 9m và các thiết bị kèm theo; xây lại tường rào và sân nền đường nội bộ	
5	**Xã Cam Hiệp Nam**		***13.400***	***7.080***	***6.320***				
a	*Giao thông*		*8.400*	*5.880*	*2.520*				
1	Đường bà Kim Anh, thôn Vĩnh Thái (đường thôn)	2025	1.050	735	315	Xây mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 350m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
2	Đường ông Bến, thôn Vĩnh Thái (đường thôn)	2025	1.050	735	315	Xây mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 350m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m. lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
3	Đường từ nhà bà Nguyễn Thị Kim Hồng đến nhà bà Nguyễn Thị Lan, thôn Vĩnh Thái (đường thôn)	2025	1.350	945	405	Xây mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 450m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
4	Đường từ nhà ông Nguyễn Thế Hoàng đến đường sắt Bắc-Nam, thôn Vĩnh Thái (đường thôn)	2025	1.200	840	360	Xây mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 400m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
5	Đường từ đất ông Phạm Văn Tiếp đến nối đường với đường trại Heo, thôn Vĩnh Thái (đường thôn)	2025	1.350	945	405	Xây mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 450m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
6	Đường từ đất ông Nguyễn Văn Triệu đến giáp với đường song song đường sắt Bắc-Nam, thôn Vĩnh Thái (đường thôn)	2025	1.200	840	360	Xây mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 400m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
7	Đường từ đất ông Nguyễn Lợi đến giáp với đường song song đường sắt Bắc-Nam, thôn Vĩnh Thái (đường thôn)	2025	1.200	840	360	Xây mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 400m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
b	*Cơ sở vật chất văn hóa*		*1.000*		*1.000*				
1	Nhà văn hóa thôn Suối Cát	2025	1.000		1.000	Xây mới		Hiện trạng đang xuống cấp, thiếu diện tích, tường rào, trang thiết bị	
c	*Trường học*		*4.000*	*1.200*	*2.800*				

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
1	Trường mầm non Thỏ Ngọc	2024-2025	1.000	300	700	Xây mới		Tường rào 3 mặt bên	
2	Trường tiểu học Cam Hiệp Nam	2024-2025	3.000	900	2.100	Xây mới		Xây mới nhà đa năng	
6	**Xã Suối Cát**		***5.700***	***2.670***	***3.030***				
a	*Giao thông*		*1.200*	*840*	*360*				
1	Đường giao thông trục nội đồng Hàn Giang (từ nhà ông bốn Thiện ra đồng)	2024	1.200	840	360	làm mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 350m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
b	*Thủy lợi và phòng chống thiên tai*		*1.200*	*840*	*360*				
1	Mương tưới thôn Suối Lau	2024	1.200	840	360			Xây mới tuyến mương khẩu độ (60x60)cm, dài khoảng 500m	
c	*Trường học*		*3.300*	*990*	*2.310*				
1	Xây 01 phòng học ngoại ngữ tại trường Khánh Hòa JeJu	2024-2025	1.300	390	910	Xây mới		Xây 01 phòng học ngoại ngữ	
2	Xây mới nhà vệ sinh học sinh, sửa chữa phòng học, trang bị thiết bị dạy học trường tiểu học Suối Cát	2024-2025	2.000	600	1.400	Sửa chữa, mua sắm		xây mới 14 bệ xí nữ, 8 nam; sửa chữa phòng học, trang bị thiết bị dạy học trường tiểu học Suối Cát	
7	**Xã Cam Hòa**		***14.950***	***3.045***	***11.905***				
a	*Giao thông*		*4.800*		*4.800*				
1	Đường liên xóm từ nhà ông Nguyễn Trân đến nhà ông Hoàng Thái Hòa (thôn Văn Tứ Đông)	2025	800		800	Xây mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài 400m, nền đường rộng 3,5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m	
2	Đường liên xóm từ nhà ông Đậu Quang Huy đến nhà ông Nguyễn Văn Minh (thôn Văn Tứ Tây)	2025	1.000		1.000	Xây mới		Hiện trạng đường đất, Chiều dài 500m; nền đường rộng 3.5m;mặt đường BTXM rộng 3,5m	
3	Đường liên xóm từ nhà bà Nguyễn Thị Minh Thành đến nhà Nguyễn Văn Duy (thôn Lập Định 3)	2025	1.000		1.000	Xây mới		Hiện trạng đường đất, Chiều dài 500m; nền đường rộng 3.5m;mặt đường BTXM rộng 3,5m	
4	Đường liên xóm từ nhà ông Trà Đình Tuê đến nhà ông Lương Quý Cường (thôn Cửu Lợi 2)	2025	1.000		1.000	Xây mới		Hiện trạng đường đất, Chiều dài 500m; nền đường rộng 3.5m;mặt đường BTXM rộng 3,5m	
5	Đường liên xóm từ nhà bà Võ Thị Xinh đến nhà bà Nguyễn Thị Mỹ (thôn Cửu Lợi 1)	2025	1.000		1.000	Xây mới		Hiện trạng đường đất, Chiều dài 500m; nền đường rộng 3.5m;mặt đường BTXM rộng 3,5m	
b	*Trường học*		*10.150*	*3.045*	*7.105*				
1	Trường TH Cam Hòa 1	2024-2025	10.150	3.045	7.105	Xây mới, cải tạo		Xây dựng cổng tường rào, nhà trực bảo vệ (điểm chính); Xây mới 04 phòng học bộ môn, khối phòng phụ trợ, cải tạo 02 khối phòng học, xây bổ sung nhà vệ sinh học sinh	
8	**Xã Cam An Bắc**		***1.500***	***150***	***1.350***				
a	*Cơ sở vật chất văn hóa*		*1.500*	*150*	*1.350*				
1	Sửa chữa nhà văn hóa 05 thôn	2024	1.000		1.000	Nâng cấp, sửa chữa		Sửa chữa, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị	
1	Sửa chữa nhà thi đấu xã	2024	500	150	350	Sửa chữa		Sửa chữa, nâng cấp, công trình phụ nhà thi đấu	
9	**Xã Cam An Nam**		***6.400***	***4.060***	***2.340***				
a	*Giao thông*		*5.800*	*4.060*	*1.740*				
1	BTXM đường hố bom thôn Vĩnh Trung (đường thôn)	2025	2.000	1.400	600	Làm mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 1500 m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
2	Đường B8 thôn Vĩnh Đông	2025	1.200	840	360	Nâng cấp, sửa chữa		Chiều dài tuyến đường khoảng 600m, mặt đường đá dăm láng nhựa rộng 3,5m	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
3	BTXM đường từ nhà ông Nguyễn Văn Hòa đi đến khu sản xuất thôn Vĩnh Nam (đường thôn)	2025	400	280	120	Làm mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 200 m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
1	Đường Dồn điền Lê Văn Nghĩa đến - Trần Lê Nguyên Nghi đến - Nguyễn Dũng (đường sắt)	2025	1.200	840	360	Làm mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 700 m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
4	Đường liên thôn Vĩnh Trung song song đường sắt (đường thôn)	2025	1.000	700	300	Làm mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 800 m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
b	*Cơ sở vật chất văn hóa*		*600*		*600*				
1	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Vĩnh Trung	2025	600		600	Nâng cấp, sửa chữa		Sửa chữa, nâng cấp hệ thống điện, quạt, sơn tường; làm mới mái vòm, la phong nhà văn hóa thôn và (sân nền bê tông xi măng diện tích 200 m2)	
IV	**THÀNH PHỐ CAM RANH**		**2.400**	**1.680**	**720**				
1	**Xã Cam Thịnh Tây**		***2.400***	***1.680***	***720***				
a	*Giao thông*		*2.400*	*1.680*	*720*				
1	Nâng cấp, mở rộng đường trục thôn Thịnh Sơn (đoạn tiếp giáp đường gom cao tốc đến nhà ông Mang Thương), xã Cam Thịnh Tây	2024	1.200	840	360	Nâng cấp, mở rộng			
1	Xây dựng taluy hai đầu cầu đường vào khu sản xuất tuyến 2, thôn Thịnh Sơn, xã Cam Thịnh Tây	2024	1.200	840	360				
V	**HUYỆN KHÁNH VĨNH**		**45.000**	**33.390**	**11.610**				
1	**Xã Sông Cầu**		***20.600***	***17.420***	***3.180***				
a	*Giao thông*		*3.600*	*2.520*	*1.080*				
1	Nâng cấp đường từ tỉnh lộ 02 (đoạn nhà ông Nguyễn Thành Long đến QL27C)	2025	3.600	2.520	1.080	Nâng cấp	NTM	Nâng cấp, sửa chữa đường thảm nhựa chiều dài 1.524m (nhựa dày 5cm), nền đường 6,5m, mặt đường 5,0m	
b	*Cơ sở vật chất văn hóa*		*3.000*	*900*	*2.100*				
1	Nâng cấp sân vận động xã	2025	3.000	900	2.100	Nâng cấp	NTM	Nâng cấp sân vận động xã, xây tường rào bao bao quanh, mương thoát nước lắp đặt dụng cụ thể thao ngoài trời	
c	*Trường học*		*14.000*	*14.000*					
1	Nâng cấp, sửa chữa trường Tiểu học Sông Cầu	2024	14.000	14.000				Xây dựng 04 phòng học bộ môn, nhà đa năng và sửa chữa các hạng mục công trình như sau: Khối lớp học 08 phòng; Nhà bảo vệ: Nhà bếp: Khối nhà hành chính; Cổng, Tường rào; Cải tạo Sân đường nội bộ	
2	**Xã Khánh Đông**		***13.800***	***11.350***	***2.450***				
a	*Cơ sở vật chất văn hóa*		*3.500*	*1.050*	*2.450*				
1	Xây dựng nhà Văn hóa khu trung tâm thể thao xã Khánh Đông	2025	3.500	1.050	2.450	Xây mới	NTM	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao xã 200 chỗ ngồi	
b	*Trường học*		*10.300*	*10.300*					
1	Bổ sung xây dựng, sửa chữa các hạng mục trường Tiểu học Khánh Đông	2024	10.300	10.300		Xây mới, sửa chữa	NTM	Xây dựng mới phòng học bộ môn, thư viện, khối hành chính, sân bê tông; Cải tạo sửa chữa 08 phòng học, nhà vệ sinh, bếp ăn, nhà bảo vệ, cổng tường rào mặt chính, thiết bị	
3	**Xã Khánh Bình**		***4.700***	***1.890***	***2.810***				
a	*Giao thông*		*1.200*	*840*	*360*				
1	Đường từ Hồ Ba Dùi vào Nghĩa trang xã	2025	1.200	840	360	Xây mới	NTM	Hiện trạng đường đất ghồ ghề, sình lầy. Xây dựng mới đường betong dài 500m, mặt đường rộng 3m.	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
b	*Cơ sở vật chất văn hóa*		*3.500*	*1.050*	*2.450*				
1	Xây dựng nhà Văn hóa khu trung tâm thể thao xã Khánh Bình	2025	3.500	1.050	2.450	Xây mới	NTM	Xây dựng Hội trường nhà văn hóa đa năng xã rộng 200m2, trên 150 chỗ ngồi; 02 phòng nhà chức; mua sắm bàn ghế, trang thiết bị âm thanh, ánh sáng.	
4	**Xã Khánh Thượng**		***3.500***	***1.050***	***2.450***				
a	*Cơ sở vật chất văn hóa*		*3.500*	*1.050*	*2.450*				
1	Trung tâm Văn hoá - Thể thao trung tâm xã Khánh Thượng	2025	3.500	1.050	2.450	Xây dựng mới	NTM	Nhà văn hóa: Hội trường từ 150-200 chỗ ngồi, phòng chức năng, bàn ghế, âm thanh, nhà để xe, khu vệ sinh,... Khu thể thao: Xây dựng sân vận động và các hạng mục khác như tường rào, chỗ ngồi và các hạng mục khác theo quy định của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.	
5	**Xã Khánh Hiệp**		***2.400***	***1.680***	*720*				
a	*Giao thông*		*2.400*	*1.680*	*720*				
1	Nối tiếp Tuyến B3 Tuyến từ nhà ông Lâm Văn Hưng đến Sông Chò thôn Ba Cẳng (B3) giai đoạn cuối.	2025	1.200	840	360	làm mới	NTM	Điểm đầu: Km0+000. Điểm cuối: Km0+500 (đất khu sản xuất) Xây mới đường BTXM dài khoảng 600m, nền đường rộng 5,0 m; mặt đường rộng 3,5 m; kết hợp với hệ thống thoát nước	
2	Nối tiếp tuyến đường từ nhà ông Trần Trọng Tài đến đất ông Cao Văn Huy thôn Ba Cẳng (B2) giai đoạn cuối	2025	1.200	840	360	làm mới	NTM	Điểm đầu: Km0+000. Điểm cuối: Km0+500 (Đất khu sản xuất) Xây mới đường BTXM dài khoảng 500m, nền đường rộng 5,0 m; mặt đường rộng 3,5 m; kết hợp với hệ thống thoát nước	
VI	**HUYỆN KHÁNH SƠN**		**5.000**	**5.000**					
1	**Xã Sơn Hiệp**		***5.000***	***5.000***					
a	*Trường học*		*5.000*	*5.000*					
1	Nâng cấp Trường Mầm non Họa Mi	2024	5.000	5.000		Nâng cấp, sửa chữa	Quyết định số 4178/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt quy hoạch sdđ đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Khánh Sơn	Xây mới 01 phòng; nâng cấp, sửa chữa các phòng học hiện có, tường rào, bếp ăn, khu làm việc hành chính	

Phụ lục 04:

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐƯA RA KHỎI NGHỊ QUYẾT SỐ 62/NQ-HĐND NGÀY 22/8/2022 CỦA HĐND TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Quy mô đầu tư	Ghi chú
	TỔNG CỘNG		*48.585*	*23.983*	*24.603*		
I	**THỊ XÃ NINH HÒA**		27.335	14.893	12.443		
1	**Xã Ninh Sơn**		*11.990*	*6.237*	*5.753*		
a	*Giao thông*		*3.580*	*2.506*	*1.074*		
1	Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 3, đoạn từ nhà bà Hải đến nhà ông Kịp	2024	1.200	840	360	- Chiều dài: 440 m. - Mặt đường nâng cấp BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3 m dày bình quân 18 cm, lề đường đất mỗi bên 0,25m	Đã đầu tư bằng nguồn vốn khác
2	Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 1, xã Ninh Sơn đoạn từ nhà ông Hoa đến Kênh Đông	2024	1.190	833	357	- Chiều dài: 380 m. - Mặt đường nâng cấp BTXM đá 2x4cm M250 rộng 5 m dày bình quân 18 cm, lề đường đất mỗi bên 0,25m	Chưa phù hợp quy hoạch vì theo QH sử dụng đất (Theo quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa) là Quy hoạch khu công nghiệp
1	Đường nội đồng thôn 2, đoạn từ đất ông Giang đến đất bà Mười	2024	1.190	833	357	- Chiều dài: 680 m. - Mặt đường rộng 3m đá dăm nước dày 15cm. - Nền đường rộng 4m. Lề mỗi bên rộng: 0,5m x 2 bên = 1m.	Chưa phù hợp quy hoạch vì theo QH sử dụng đất (Theo quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa) là Quy hoạch khu công nghiệp
b	*Thủy lợi và phòng chống thiên tai*		*4.820*	*3.374*	*1.446*		
1	Sửa chữa, cải tạo kênh mương NB Tây thôn 5, đoạn từ đất ông Diệp đến ruộng ông Hòa	2024	1.240	868	372	- Chiều dài: 480 m. - Mương bê tông kích thước mặt cắt BxH = (60x60) cm	Đã đầu tư bằng nguồn vốn khác
2	Sửa chữa, cải tạo kênh mương ND thôn 1, đoạn từ kênh Đông đến đất ông Toàn	2024	1.180	826	354	- Chiều dài: 510 m. - Mương bê tông kích thước mặt cắt BxH = (60x60) cm	Đã đầu tư bằng nguồn vốn khác
3	Sửa chữa, cải tạo kênh mương thôn 1, đoạn từ đất ông Thái đến Lô 6	2024	1.210	847	363	- Chiều dài: 480 m. - Mương bê tông kích thước mặt cắt BxH = (60x60) cm	Chưa phù hợp quy hoạch vì theo QH sử dụng đất (Theo quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa) là Quy hoạch khu công nghiệp
4	Sửa chữa, cải tạo kênh mương thôn 2, đoạn từ đất Đỗ đến đất ông Tuấn	2024	1.190	833	357	- Chiều dài: 560 m. - Mương bê tông kích thước mặt cắt BxH = (60x60) cm	Đã đầu tư bằng nguồn vốn khác
c	*Cơ sở vật chất văn hóa*		*1.200*	*0*	*1.200*		
1	Nhà văn hóa, khu thể thao thôn 5	2024	1.200	0	1.200	Nhà 01 tầng diện tích xây dựng 9,7x19,3=187,21 m2, chiều cao công trình 5,9m; mái lợp ngói 22v/m2. Kết cấu móng trụ BTCT kết hợp xây đá chẻ VXM M50. Giằng móng, giằng, dầm bằng BTCT đá 1x2cm M200. Tường bao che xây gạch Block bê tông dày 200 mm, trát VXM bả matit, sơn nước. Mái lợp ngói, khung kèo thép hộp mạ kẽm, trần tole sóng nhỏ. Nền lát gạch men 500x500 mm, ốp gạch chân tường 120x500 mm. Cửa đi, cửa sổ nhôm kính, cửa sổ có hoa sắt bảo vệ. Bậc cấp xây gạch thẻ VXM M75 và trát đá mài màu vàng kem. Xây dựng kết hợp khu vệ sinh trong nhà, tường trong nhà ốp gạch men. Lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước cho toàn công trình	Để đảm bảo khả năng cân đối và đối ứng vốn
d	*Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn*		*1.190*	*357*	*833*		
1	Chợ Hòa Mỹ xã Ninh Sơn (Hạng mục: Nhà ban quản lý và Kiot chợ)	2024	1.190	357	833	Xây dựng nhà ban quản lý và các khu Kiot chợ Hòa Mỹ	Để đảm bảo khả năng cân đối và đối ứng vốn
d	*Môi trường*		*1.200*	*0*	*1.200*		
1	Cải tạo, xử lý bãi rác	2024	1.200	0	1.200	Cải tạo xử lý bãi rác	
2	**Xã Ninh Thân**		*6.600*	*2.534*	*4.066*		
a	*Giao thông*		*5.400*	*2.534*	*2.866*		
1	Đường trục thôn Nhĩ Sự (WB2 đến nhà ông Yến)	2024	2.900	2.030	870	Dài 1450m, mặt đường 3.5m, nền 5m	Gộp thành công trình mới bổ sung có tên *"Đường trục thôn Nhĩ Sự, đoạn từ cầu bà Tớn đến nhà ông Tỵ và nhánh rẽ"*
2	Đường trục thôn Nhĩ Sự (WB2 đến nhà ông Tớn)	2024	720	504	216	Dài 360m, mặt đường 3,5m, nền 5m	
1	Đường trục xóm Nhĩ Sự (Đình Nhĩ Sự đến giếng làng)	2024	680	0	680	Dài 340m, mặt đường 3m, nền 3,5m	Gộp thành công trình mới bổ sung có tên *"Đường trục xóm Nhĩ Sự (Nhà ông Trúc đến đình Nhĩ Sự)"*
2	Đường trục xóm Nhĩ Sự (nhà ông Trúc đến đình Nhĩ Sự)	2024	700	0	700	Dài 350m, mặt đường 3,5m, nền 5m	
3	Đường ngõ xóm Đại Tập (nhà ông Chương đến nhà ông Thịnh)	2024	400	0	400	Dài 200m, mặt đường 3m, nền đường 3m	Trùng với nhánh rẽ của công trình *"Đường liên thôn Đại Tập ông Luyện và nhánh rẽ"*
b	*Môi trường*		*1.200*	*0*	*1.200*		
1	Công trình bãi rác mới	2024	1.200	0	1.200	Đào hố chôn lấp khối lượng rác cũ đã xử lý. Đào hố rác mới và xử lý rác	Bãi rác của xã vẫn còn khả năng tiếp nhận và nguồn kinh phí của xã không đủ khả năng cân đối
3	**Xã Ninh Tân**		*7.600*	*5.320*	*2.280*		
a	*Giao thông*		*7.600*	*5.320*	*2.280*		
1	Đường BTXM từ đất bà Sương đến đất nhà Ông Lựa	2024	500	350	150	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	Người dân đã tự xã hội hóa đầu tư
1	Đường từ tỉnh lộ 5 đến đất ông Hùng	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	Không còn phù hợp quy hoạch
2	Đường từ đất Ông Khang đến ngã ba Hòn Đá	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	Để đảm bảo khả năng cân đối và đối ứng vốn
3	Đường từ ngã 3 hòn đá đến tỉnh lộ 8	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	Để đảm bảo khả năng cân đối và đối ứng vốn
4	Đường từ đất ông Quảng đến trại Nấm	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	Rà soát trùng lặp công trình
5	Đường BTXM nối tuyến 1400 phía nam đến đất ông Nguyễn Văn Nuôi	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	Gộp thành công trình mới bổ sung *"Đường từ đất Ông Nay đến Tuyến 1400"*
6	Đường từ đất Ông Phạm Ngọc Tùng đến tuyến 1400	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	
7	Đường từ Ba Cầu đến đất Ông Phạm Ngọc Tùng	2024	1.100	770	330	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.	
4	**Xã Ninh Vân**		*645*	*452*	*194*		
a	*Giao thông*		*645*	*452*	*194*		
1	Đường số 6 (nối dài) đoạn từ đường số 1 đến Khu SX suối ông Cần	2024	210	147	63	Xây dựng tuyến đường BTXM dài 140 m, rộng 6,0 m, lề đất mỗi bên rộng 1,25 m, mặt đường rộng 3,5m	Không còn phù hợp với quy hoạch để triển khai thi công trình
2	Đường số 16 đoạn từ Mương thoát lũ đến Đường số 5 nối dài	2024				Xây dựng tuyến đường BTXM dài 60 m, rộng 6,0 m, lề đất mỗi bên rộng 1,25 m, mặt đường rộng 3,5m	Không còn phù hợp với quy hoạch để triển khai thi công trình

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Quy mô đầu tư	Ghi chú
3	Đường số 17 đoạn từ đường số 5 nối dài đến Đường số 6 nối dài	2024	150	105	45	Xây dựng tuyến đường BTXM dài 100 m, rộng 6.0 m, lề đất mỗi bên rộng 1,25 m, mặt đường rộng 3,5m	Không còn phù hợp với quy hoạch để triển khai thi công trình
4	Đường số 18 đoạn từ đường số 6 nối dài đến Đường số 1	2024	195	137	59	Xây dựng tuyến đường BTXM dài 140 m, rộng 6.0 m, lề đất mỗi bên rộng 1,25 m, mặt đường rộng 3,5m	Không còn phù hợp với quy hoạch để triển khai thi công trình
5	**Xã Ninh Quang**		*500*	*350*	*150*		
a	*Thủy lợi và phòng chống thiên tai*		*500*	*350*	*150*		
1	Kênh mương BTXM đồng Bà Nghiễn nhánh 2	2024	500	350	150	BTXM, chiều dài L = 300m, rộng 0,4m	Đã gộp với công trình *Kênh mương đồng Bà Nghiễn nhánh 1*
II	**THÀNH PHỐ CAM RANH**		4.600	2.660	1.940		
1	Xã Cam Lập		*800*	*0*	*800*		
a	*Cơ sở vật chất văn hóa*		*800*	*0*	*800*		
1	Mua sắm trang thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời cho 03 điểm nhà văn hóa thôn	2024	800	0	800		Chuyển sang nguồn sự nghiệp kinh tế/ chi thường xuyên
2	**Xã Cam Phước Đông**		*3.800*	*2.660*	*1.140*		
a	*Giao thông*		*3.800*	*2.660*	*1.140*		
1	Đường nội đồng bà Thơm, thôn Thống Nhất	2024	*3.800*	*2.660*	1.140		Tuyến đường hẹp và ảnh hưởng dự án thoát lũ hồ Tà Rục, Suối Hành
III	**HUYỆN KHÁNH VĨNH**		14.150	6.430	7.720		
1	**Xã Khánh Bình**		*1.200*	*0*	*1.200*		
a	*Cơ sở vật chất văn hóa*		*1.200*	*0*	*1.200*		
1	Xây mới nhà văn hóa và khu thể thao thôn Ba Dùi	2025	1.200		1.200	Sửa chữa nhà cộng đồng, bố trí trang thiết bị	Địa phương đã lồng ghép nguồn vốn từ Chương trình KTXH vùng ĐBDTTS và miền núi để thực hiện
2	**Xã Khánh Phú**		*2.750*	*1.400*	*1.350*		
a	*Giao thông*		*2.000*	*1.400*	*600*		
1	Bê tông hóa đường Ông Đức đi ông Tiến-kiến nghị của các hộ ST - ông Trường	2025	1.000	700	300		Địa phương đã lồng ghép nguồn vốn từ Chương trình KTXH vùng ĐBDTTS và miền núi để thực hiện
2	Bê tông hóa đường từ đất ông Tuấn đi Antim	2025	1.000	700	300		
b	*Môi trường*		*750*	*0*	*750*		
1	Đầu tư xe chuyên dụng thu gom rác	2025	750		750		Sử dụng nguồn vốn sự nghiệp để thực hiện
3	**Xã Khánh Thượng**		*4.500*	*2.230*	*2.270*		
a	*Giao thông*		*2.200*	*1.540*	*660*		
1	Đường vào khu sản xuất từ đất ông Pi Năng Quỳnh vào khu sản xuất Gia Bi	2025	1.100	770	330	Xây mới đường BTXM dài khoảng 500m, nền đường rộng 6,0 m; mặt đường rộng 3,5 m	Địa phương đã lồng ghép nguồn vốn từ Chương trình KTXH vùng ĐBDTTS và miền núi để thực hiện
2	Bê tông xi măng đường vào nghĩa địa thôn Tà Gộc	2025	1.100	770	330	Xây mới đường BTXM dài khoảng 600m, nền đường rộng 6,0 m; mặt đường rộng 3,5 m	
b	*Cơ sở vật chất văn hóa*		*2.300*	*690*	*1.610*		
1	Khu văn hóa trung tâm xã	2024	1.200	360	840	Xây dựng nhà văn hóa và các trang thiết bị như bàn ghế, dàn âm thanh,...	Gộp lại thành công trình Trung tâm Văn hoá - Thể thao trung tâm xã Khánh Thượng
2	Khu thể thao trung tâm xã	2024	1.100	330	770	Xây dựng sân vận động và các hạng mục khác như tường rào, chỗ ngồi,... và các hạng mục khác	
4	**Xã Khánh Hiệp**		*2.500*	*1.400*	*1.100*		
a	*Giao thông*		*2.000*	*1.400*	*600*		
1	Tuyến B13 từ tỉnh lộ 8B đến khu sản xuất	2025	1.000	700	300	Xây mới đường BTXM dài khoảng 600m, nền đường rộng 5,0 m; mặt đường rộng 3,5 m; kết hợp với hệ thống thoát nước	Địa phương đã lồng ghép nguồn vốn từ Chương trình KTXH vùng ĐBDTTS và miền núi để thực hiện
2	Tuyến B14 từ tỉnh lộ 8B đến khu sản xuất	2025	1.000	700	300	Xây mới đường BTXM dài khoảng 600m, nền đường rộng 5,0 m; mặt đường rộng 3,5 m; kết hợp với hệ thống thoát nước	
b	*Môi trường*		*500*	*0*	*500*		
1	Mở rộng nghĩa trang xã (giai đoạn 2)	2025	500		500	diện tích 2000m2 san ủi mặt bằng, xây tường rào	Sử dụng vốn lồng ghép
5	**Xã Cầu Bà**		*600*	*0*	*600*		
a	*Cơ sở vật chất văn hóa*		*600*	*0*	*600*		
1	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Đá Trắng	2025	300		300	Sửa chữa nhà văn hóa và bố trí các trang thiết bị	Địa phương đã lồng ghép nguồn vốn từ Chương trình KTXH vùng ĐBDTTS và miền núi để thực hiện
2	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Đá Bàn	2025	300		300		
6	**Xã Liên Sang**		*2.000*	*1.400*	*600*		
a	*Giao thông*		*2.000*	*1.400*	*600*		
1	Đường nội đồng từ đất rẫy ông Mà Khánh đến đất rẫy ông Cao Lem	2024	2.000	1.400	600	Xây mới đường BTXM dài khoảng 1200m, nền đường rộng 6,0 m, mặt đường rộng 3,5 m	Địa phương đã lồng ghép nguồn vốn từ Chương trình KTXH vùng ĐBDTTS và miền núi để thực hiện
7	**Xã Khánh Trung**		*600*	*0*	*600*		
a	***Cơ sở vật chất văn hóa***		*600*	*0*	*600*		
1	Đầu tư trang thiết bị hội trường 3 thôn	2024	600	0	600	Hệ thống loa, bàn ghế	
IV	**HUYỆN KHÁNH SƠN**		2.500	0	2.500		
1	**Xã Sơn Hiệp**		*2.500*	*0*	*2.500*		
a	*Cơ sở vật chất văn hóa*		*2.500*	*0*	*2.500*		
1	Nâng cấp sửa chữa nhà dài thôn Hòn Dung xã Sơn Hiệp	2023	1.000		1.000	Sửa chữa các hạng mục xuống cấp	
2	Nâng cấp nhà dài thôn Tà Gụ xã Sơn Hiệp	2023	1.500		1.500	Sửa chữa các hạng mục xuống cấp	

Phụ lục 05:

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐƯA RA KHỎI NGHỊ QUYẾT SỐ 27/NQ-HĐND NGÀY 21/7/2023 CỦA HĐND TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Quy mô đầu tư	Ghi chú
	TỔNG CỘNG		*30.590*	*16.103*	*14.487*		
I	**THỊ XÃ NINH HÒA**		**7.100**	**4.690**	**2.410**		
1	**Xã Ninh Sơn**		*900*	*630*	*270*		
a	***Hạ tầng thông tin và truyền thông***		*900*	*630*	*270*		
1	Đài truyền thanh xã Ninh Sơn	2024	900	630	270	Khoảng 30 cụm loa	Chuyển sang nguồn sự nghiệp kinh tế/ chi thường xuyên
2	**Xã Ninh Tân**		*2.600*	*1.820*	*780*		
a	*Giao thông*		*2.600*	*1.820*	*780*		
1	Đường tuyến 1800 từ nhà Ông Phú đến suối Nhon	2024	600	420	180	Dài 250m, mặt đường 3.5m, nền 5m, lề mỗi bên 0.75m	Đã đầu tư bằng nguồn vốn khác; đưa công trình tương ứng tại NQ 62 ra khỏi chủ trương đầu tư Chương trình NTM
1	Tràn từ nhà Ông Hà Ngọc Chung đến suối Bộ Đội	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3.5m, dày 18cm.	Chiều dài toàn tuyến khá dài, cần nhiều kinh phí, đề xuất đưa ra để đảm bảo khả năng đối ứng vốn; đưa công trình tương ứng tại NQ 62 ra khỏi chủ trương đầu tư Chương trình NTM
1	Đường BTXM tuyến 1 đất Ông Quang đến đất Ông Hiền	2024	1.000	700	300	L khoảng 400m, mặt BTXM 3.5m dày 18cm	Đã đầu tư bằng nguồn vốn khác; đưa công trình tương ứng tại NQ 62 ra khỏi chủ trương đầu tư Chương trình NTM
3	**Xã Ninh Vân**		*600*	*420*	*180*		
a	***Hạ tầng thông tin và truyền thông***		*600*	*420*	*180*		
1	Lắp đặt wifi tại các điểm công cộng	2024	100	70	30	Lắp đặt wifi tại các điểm công cộng: Trung tâm văn hoá- thể thao, 02 thôn.	Chuyển sang nguồn sự nghiệp kinh tế/ chi thường xuyên
2	Nâng cấp hệ thống đài truyền thanh xã	2024	500	350	150	Nâng cấp hệ thống đài truyền thanh xã	Chuyển sang nguồn sự nghiệp kinh tế/ chi thường xuyên
4	**Xã Ninh Quang**		*1.000*	*700*	*300*		
a	*Thủy lợi và phòng chống thiên tai*		*1.000*	*700*	*300*		
1	Kênh mương BTXM N12B nhánh 2	2024	1.000	700	300	BTXM, chiều dài L = 500m, rộng 0.6m	Đã gộp với công trình *Kênh mương BTXM N12B nhánh 1*
5	**Xã Ninh Phú**		*2.000*	*1.120*	*880*		
a	*Hợ tầng hợp tác xã*		*2.000*	*1.120*	*880*		
1	Xây dựng xưởng sơ chế, hệ thống cấp thoát nước Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản Ninh Phú	2024	2.000	1.120	880		Đưa công trình tương ứng tại NQ 62 ra khỏi chủ trương đầu tư Chương trình NTM
II	**HUYỆN CAM LÂM**		**17.200**	**7.640**	**9.560**		
1	**Xã Suối Cát**		*8.800*	*5.120*	*3.680*		
a	*Giao thông*		*1.200*	*840*	*360*		
	Đường giao thông trục nội đồng Suối Lau	2024	1.200	840	360		Sử dụng vốn duy tu, bảo dưỡng
b	*Thủy lợi và phòng chống thiên tai*		*5.000*	*3.500*	*1.500*		
	Hạ tầng thiết yếu phòng chống thiên tai: Kè chống sạt lở Đồng Cam và đồng Cây Me	2024	5.000	3.500	1.500		Sử dụng nguồn vốn khác
c	*Trường học*		*2.600*	*780*	*1.820*		
	Xây mới 4 phòng điểm Tân Xương, xây phòng hành chính, xây nhà vệ sinh nhân viên	2024	2.600	780	1.820		Đã sử dụng vốn lồng ghép
2	**Xã Sơn Tân**		*8.400*	*2.520*	*5.880*		
a	*Trường học*		*8.400*	*2.520*	*5.880*		
1	Xây mới trường mẫu giáo Họa Mi	2023	8.400	2.520	5.880	Gồm 4 phòng học, nhà hành chính, bếp ăn, tường rào, sân trường.	Danh mục công trình đã có trong NQ 131/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh
III	**THÀNH PHỐ CAM RANH**		**900**	**0**	**900**		
1	**Xã Cam Bình**		*900*	*0*	*900*		
a	*Cơ sở vật chất văn hoá*		*900*	*0*	*900*		
1	Mua sắm trang thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời cho 03 điểm nhà văn hóa thôn	2024	900	0	900		Chuyển sang nguồn sự nghiệp kinh tế/ chi thường xuyên
IV	**HUYỆN KHÁNH VĨNH**		**5.390**	**3.773**	**1.617**		
1	**Xã Khánh Phú**		*2.000*	*1.400*	*600*		
a	*Giao thông*		*2.000*	*1.400*	*600*		
1	Bê tông hóa đường từ đất ông Kiều Vân đến Hương lộ 62	2023	1.000	700	300		Địa phương đã bố trí từ nguồn vốn lồng ghép; đưa công trình tương ứng tại NQ 62 ra khỏi chủ trương đầu tư Chương trình NTM
1	Bê tông hóa đường nội đồng giai đoạn 2	2023	1.000	700	300		Địa phương đã bố trí từ nguồn vốn lồng ghép; đưa công trình tương ứng tại NQ 62 ra khỏi chủ trương đầu tư Chương trình NTM
2	**Xã Khánh Thượng**		*1.190*	*833*	*357*		
a	*Giao thông*		*1.190*	*833*	*357*		
1	Đường vào khu sản xuất từ đất ông Pi Năng Đa Mành đến dốc Gia Vu	2023	1.190	833	357	Xây mới đường BTXM dài khoảng 500m, nền đường rộng 6.0 m; mặt đường rộng 3.5 m	Địa phương đã bố trí vốn lồng ghép; đưa công trình tương ứng tại NQ 62 ra khỏi chủ trương đầu tư Chương trình NTM
3	**Xã Liên Sang**		*2.200*	*1.540*	*660*		
a	*Giao thông*		*2.200*	*1.540*	*660*		
1	Đường vào khu sản xuất Suối nhỏ	2024	2.200	1.540	660	Xây mới đường BTXM dài khoảng 1200m, nền đường rộng 6.0 m, mặt đường rộng 3.5 m	Địa phương đã bố trí vốn lồng ghép; đưa công trình tương ứng tại NQ 62 ra khỏi chủ trương đầu tư Chương trình NTM

Phụ lục 06:

DANH MỤC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 62/NQ- HĐND NGÀY 22/8/2022 CỦA HĐND TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Điều chỉnh						Sau khi điều chỉnh							Ghi chú
								Tên công trình	Năm thực hiện	Điều chỉnh tăng/giảm vốn			Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	
										TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác										
										4.583	*1.591*	*2.992*										
I	HUYỆN VẠN NINH																					
1	Xã Xuân Sơn																					
a	*Quy hoạch*																					
1	Quy hoạch chung xây dựng xã	*2023*	500		500	Điều chỉnh, cập nhật	QH vùng huyện	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Vạn Xuân Sơn giai đoạn 2021-2030	2024				Rà soát, cập nhật điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn cấp xã phù hợp với các Quy hoạch cấp trên; trong đó có bổ trí khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn		Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Vạn Xuân Sơn giai đoạn 2021-2030	*2024*	*500*		500	Rà soát, cập nhật điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn cấp xã phù hợp với các Quy hoạch cấp trên; trong đó có bổ trí khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn		
2	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư	2023	800		800	Điều chỉnh, cập nhật	QH vùng huyện	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn xã Xuân Sơn giai đoạn 2021-2030	2024				Rà soát, cập nhật, bổ sung quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn phù hợp với các Quy hoạch cấp trên		Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn xã Xuân Sơn giai đoạn 2021-2030	2024	800		800	Rà soát, cập nhật, bổ sung quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn phù hợp với các Quy hoạch cấp trên		
II	THỊ XÃ NINH HÒA									*4.397*	*1.693*	*2.704*										
1	Xã Ninh Bình									*-12*	*296*	*-308*										
a	*Quy hoạch*								2022-2024						Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2022-2024	400		400			
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	400		400				2023-2024						Quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	2023-2024	300		300			
2	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	2023	300		300																	
b	*Cơ sở vật chất văn hóa*														Xây dựng khu thể thao thôn Bình Trị xã Ninh Bình	2024	1.000		1.000	Xây dựng mới	Diện tích 650m2	
1	Xây dựng khu thể thao thôn Bình Trị xã Ninh Bình	2023	1.000		1.000	Xây dựng mới	Diện tích 650m2		2024						Xây dựng khu thể thao thôn Bình Thành xã Ninh Bình	2024	1.000		1.000	Xây dựng mới	Diện tích 650m2	
2	Xây dựng khu thể thao thôn Bình Thành xã Ninh Bình	2023	1.000		1.000	Xây dựng mới	Diện tích 650m2		2024						Xây dựng khu thể thao thôn Tuấn Thừa xã Ninh Bình	2024	1.000		1.000	Xây dựng mới	Diện tích 650m2	
3	Xây dựng khu thể thao thôn Tuấn Thừa xã Ninh Bình	2023	1.000		1.000	Xây dựng mới	Diện tích 650m2		2024						Xây dựng khu thể thao thôn An Bình xã Ninh Bình	2024	700		700	Xây dựng mới	Diện tích 500m2	
4	Xây dựng khu thể thao thôn An Bình xã Ninh Bình	2023	700		700	Xây dựng mới	Diện tích 500m2		2024													
c	*Trường học*																					
1	Xây dựng Trường mầm non Ninh Bình (04 Phòng học, phòng nhân viên, nhà kho)	2023	6.500	1.950	4.550		- Xây dựng mới 04 phòng học thay thế 04 phòng học cũ, xây mới phòng nhân viên, nhà kho.			-2	-1	-1			Xây dựng Trường mầm non Ninh Bình (04 Phòng học, phòng nhân viên, nhà kho)	2023	6.498	1.949	4.549		- Xây dựng mới 04 phòng học thay thế 04 phòng học cũ, xây mới phòng nhân viên, nhà kho.	
2	Xây dựng Trường tiểu học Ninh Bình (04 phòng học, 02 phòng học bộ môn, phòng thiết bị, nhà vệ sinh học sinh, sân chơi thể dục thể thao)	2023	5.200	1.560	3.640		- Xây dựng mới 04 phòng học, 01 phòng học bộ môn, phòng thiết bị, nhà vệ sinh học sinh, sân chơi thể dục thể thao đạt chuẩn theo quy định.			-4	-1	-3			Xây dựng Trường tiểu học Ninh Bình (04 phòng học, 02 phòng học bộ môn, phòng thiết bị, nhà vệ sinh học sinh, sân chơi thể dục thể thao)	2023	5.196	1.559	3.637		- Xây dựng mới 04 phòng học, 01 phòng học bộ môn, phòng thiết bị, nhà vệ sinh học sinh, sân chơi thể dục thể thao đạt chuẩn theo quy định.	
3	Xây dựng Trường THCS Nguyễn Gia Thiều (phòng học bộ môn, phòng thiết bị, nhà vệ sinh học sinh, sửa chữa phòng học)	2023	7.200	2.160	5.040		- Xây mới 06 phòng học bộ môn (Âm nhạc, Mỹ thuật, ngoại ngữ, Đa chức năng, 02 phòng khoa học tự nhiên). - Xây mới phòng đảng, đoàn thể, phòng tổ chức chuyên môn, Nhà kho, Phòng nghỉ giáo viên, phòng giáo viên. - Xây mới nhà vệ sinh học sinh. - Sửa chữa phòng học, phòng thiết bị.			-6	298	-304			Xây dựng Trường THCS Nguyễn Gia Thiều (phòng học bộ môn, phòng thiết bị, nhà vệ sinh học sinh, sửa chữa phòng học)	2023	7.194	2.458	4.736		- Xây mới 06 phòng học bộ môn (Âm nhạc, Mỹ thuật, ngoại ngữ, Đa chức năng, 02 phòng khoa học tự nhiên). - Xây mới phòng đảng, đoàn thể, phòng tổ chức chuyên môn, Nhà kho, Phòng nghỉ giáo viên, phòng giáo viên. - Xây mới nhà vệ sinh học sinh. - Sửa chữa phòng học, phòng thiết bị.	
2	Xã Ninh Hưng																					
a	*Quy hoạch*								2022-2024						Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2022-2024	300		300			
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	300		300																	
3	Xã Ninh Phụng																					
a	*Quy hoạch*								2023-2024						Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023-2024	500		500			
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	500		500				2023-2024						Quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	2023-2024	1.200		1.200			
2	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	2022	1.200		1.200																	
b	*Cơ sở vật chất văn hóa*														Cải tạo nâng cấp nhà văn hóa, nhà vệ sinh thôn Diêm Tinh	2024	1.150		1.150	Xây dựng mới	Diện tích: 126,3m2	
1	Cải tạo nâng cấp nhà văn hóa, nhà vệ sinh thôn Diêm Tinh	2022	1.150		1.150	Xây dựng mới	Diện tích: 126,3m2		2024						Cải tạo nâng cấp nhà văn hóa, nhà vệ sinh thôn Vĩnh Phước	2024	1.050		1.050	Xây dựng mới	Diện tích: 126,3m2	
2	Cải tạo nâng cấp nhà văn hóa, nhà vệ sinh thôn Vĩnh Phước	2022	1.050		1.050	Xây dựng mới	Diện tích: 126,3m2		2024						Nhà văn hóa thôn Nghi Phụng	2024	1.150		1.150	Xây dựng mới	Diện tích: 130m2	
3	Nhà văn hóa thôn Nghi Phụng	2022	1.150		1.150	Xây dựng mới	Diện tích: 130m2		2024													
4	Xã Ninh Tây									*-1*	*-1*											
a	*Quy hoạch*								2023-2024						Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023-2024	550		550			
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2022	550		550																	
b	*Giao thông*														Đường nội đồng C2 từ nhà ông Y Thuyên đến đường vận hành thủy điện Buôn Sim	2023	1.149	804	345	Xây dựng mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 20cm.	
1	Đường nội đồng C2 từ nhà ông Y Thuyên đến đường vận hành thủy điện Buôn Sim	2022	1.150	805	345	Xây dựng mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 20cm.			-1	-1											
5	Xã Ninh Thượng									*200*		*200*										
a	*Quy hoạch*								2023-2024	200		200			Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023-2024	450		450			
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2022	250		250																	
6	Xã Ninh Phụ																					
a	*Quy hoạch*								2023-2024						Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023-2024	200		200			
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	200		200				2023-2024						Quy hoạch chi tiết điểm dân cư	2023-2024	2.000		2.000			
2	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư	2023	2.000		2.000																	
b	*Cơ sở vật chất văn hóa*													Diện tích xây dựng : 356,07m2	Trung tâm văn hóa - thể thao xã	2024	3.000	900	2.100	Xây dựng mới	Diện tích xây dựng : 356,07m2	
1	Trung tâm văn hóa - thể thao xã	2022	3.000	900	2.100	Xây dựng mới	Diện tích 12.300 m2		2024													
1	Nâng nền, xây dựng cổng tường rào của Nhà văn hóa, khu thể thao thôn Hội Phú Bắc 1	2022	1.500		1.500	Xây dựng mới	Tổng diện tích san nền 1.079,6m2, tường rào song sắt 66m, tường rào lưới B40 102,5m, mương thoát nước 61m, sân bê tông: 155m2		2024						Nâng nền, xây dựng cổng tường rào của Nhà văn hóa, khu thể thao thôn Hội Phú Bắc 1	2024	1.300		1.300	Xây dựng mới	Tổng diện tích san nền 1.079,6m2, tường rào song sắt 66m, tường rào lưới B40 102,5m, mương thoát nước 61m, sân bê tông: 155m2	
7	Xã Ninh Sơn									*-654*	*-5*	*-649*										
a	*Quy hoạch*								2023-2024						Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023-2024	520		520			
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	520		520																	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	Điều chỉnh tăng/giảm vốn			Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Ghi chú
										TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác										
b	*Giao thông*																					
	Đường trục thôn, liên thôn														Đường trục thôn, liên thôn							
1	Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 2, xã Ninh Sơn, đoạn từ Tỉnh Lộ 7 đến nhà ông Lâm	2025	1.040	728	312	Nâng cấp, sửa chữa	- Chiều dài: 380 m. - Mặt đường nâng cấp BTXM đá 2x4cm M250 rộng 5 m dày bình quân 18 cm, lề đường đất mỗi bên 0.25m		2024						Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 2, xã Ninh Sơn, đoạn từ Tỉnh Lộ 7 đến nhà ông Lâm	2024	1.040	728	312	Nâng cấp, sửa chữa	- Chiều dài: 380 m - Mặt đường nâng cấp BTXM đá 2x4cm M250 rộng 5 m dày bình quân 18 cm, lề đường đất mỗi bên 0.25m	
2	Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 2, đoạn từ TL7 đến mương NC2	2025	1.210	847	365	Nâng cấp, sửa chữa	- Chiều dài: 680 m. - Tận dụng mặt đường BTXM hiện hữu, rải thảm tăng cường lớp Carboncor Asphalt trên mặt đường hiện hữu có kết cấu từ trên xuống như sau: - Tăng cường lớp Carboncor Asphalt (loại CA 9,5) dày 3cm. - Bù vênh trên mặt đường hiện hữu 1 lớp Carboncor Asphalt (loại CA 9,5) dày bình quân 1,5cm tạo bằng phẳng (vệ sinh mặt đường hiện hữu trước khi thi công).		2024						Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 2, đoạn từ TL7 đến mương NC2	2024	1.210	847	365	Nâng cấp, sửa chữa	- Chiều dài: 680 m. - Tận dụng mặt đường BTXM hiện hữu, rải thảm tăng cường lớp Carboncor Asphalt trên mặt đường hiện hữu có kết cấu từ trên xuống như sau: - Tăng cường lớp Carboncor Asphalt (loại CA 9,5) dày 3cm. - Bù vênh trên mặt đường hiện hữu 1 lớp Carboncor Asphalt (loại CA 9,5) dày bình quân 1,5cm tạo bằng phẳng (vệ sinh mặt đường hiện hữu trước khi thi công).	
3	Đường BTXM thôn 4 xã Ninh Sơn, đoạn từ nhà ông Dương đến suối Ngang	2024	1.240	868	372	Xây mơn	- Chiều dài: 310 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 5 m dày 18 cm, lề đường đất mỗi bên 0.75m			-7	-5	-2			Đường BTXM thôn 4, xã Ninh Sơn, đoạn từ nhà ông Dương đến suối Ngang	2024	1.255	863	370	Xây mới	- Chiều dài: 310 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 5 m dày 18 cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m	
c	*Cơ sở vật chất văn hóa*																					
1	Nhà thi đấu đa năng xã Ninh Sơn	2024	3.420	1.026	2.394	Xây dựng mới	Khối nhà 01 tầng với diện tích 1807m2 (trừ hành lang quanh nhà). + Hệ thống hạ tầng kỹ thuật gồm: Hệ thống cấp điện và chống sét; cấp thoát nước trong nhà; hệ thống PCCC... + Hệ thống sân nền, cây xanh, thảm cỏ và bồn hoa, bó vỉa kèm theo.	Trung tâm văn hóa thể thao xã Ninh Sơn (Hạng mục: Nhà văn hóa đa năng)						- Nhà văn hóa đa năng: 550m2. Hệ thống điện chiếu sáng và mua sắm thiết bị. - Nhà để xe: Diện tích: 36m2 - Sân bê tông xi măng và đường nội bộ: Diện tích. 360m2. * Cổng tường rào: dài khoảng 150m	Trung tâm văn hóa thể thao xã Ninh Sơn (Hạng mục: Nhà văn hóa đa năng)	2024	3.420	1.026	2.394	Xây dựng mới	- Nhà văn hóa đa năng: 550m2. Hệ thống điện chiếu sáng và mua sắm thiết bị. - Nhà để xe: Diện tích: 36m2. - Sân bê tông xi măng và đường nội bộ: Diện tích: 360m2; - Cổng tường rào: dài khoảng 150m;	
1	Cổng tường rào khu thể thao thôn 2	2024	620		620		Chiều dài xây dựng 256 m dài với quy mô: - Xây mới cổng chính với các thông số kỹ thuật chính: Móng, cột bằng BTCT đá 1x2 mác 250, ốp cột bằng gạch bê tông đặc vữa xi măng mác75, toàn bộ cổng sơn 03 nước. Cửa cổng bằng thép hộp mạ kẽm, sơn 03 nước. - Hai mặt bên cổng mặt tiền xây dựng tường rào song sắt. - Tường rào bao quanh bằng trụ BTCT kết hợp kéo lưới B40			-145		-145			Cổng tường rào khu thể thao thôn 2	2024	475		475	Xây dựng mới	Chiều dài xây dựng 256 m dài với quy mô: - Xây mới cổng chính với các thông số kỹ thuật chính: Móng, cột bằng BTCT đá 1x2 mác 250, ốp cột bằng gạch bê tông đặc vữa xi măng mác75, toàn bộ cổng sơn 03 nước. Cửa cổng bằng thép hộp mạ kẽm, sơn 03 nước. - Hai mặt bên cổng mặt tiền xây dựng tường rào song sắt. - Tường rào bao quanh bằng trụ BTCT kết hợp kéo lưới B40	
2	Cổng tường rào khu thể thao thôn 3	2024	620		620	Xây dựng mới	Chiều dài xây dựng 310 m dài với quy mô:' - Xây mới cổng chính với các thông số kỹ thuật chính: Móng, cột bằng BTCT đá 1x2 mác 250, ốp cột bằng gạch bê tông đặc vữa xi măng mác75, toàn bộ cổng sơn 03 nước. Cửa cổng bằng thép hộp mạ kẽm, sơn 03 nước. - Hai mặt bên cổng mặt tiền xây dựng tường rào song sắt. - Tường rào bao quanh bằng trụ BTCT kết hợp kéo lưới B40			-372		-372		Chiều dài xây dựng 120 m dài với quy mô:' - Xây mới cổng chính với các thông số kỹ thuật chính: Móng, cột bằng BTCT đá 1x2 mác 250, ốp cột bằng gạch bê tông đặc vữa xi măng mác75, toàn bộ cổng sơn 03 nước. Cửa cổng bằng thép hộp mạ kẽm, sơn 03 nước. - Hai mặt bên cổng mặt tiền xây dựng tường rào song sắt. - Tường rào bao quanh bằng trụ BTCT kết hợp kéo lưới B40	Cổng tường rào khu thể thao thôn 3	2024	248		248		Chiều dài xây dựng 120 m dài với quy mô:' - Xây mới cổng chính với các thông số kỹ thuật chính: Móng, cột bằng BTCT đá 1x2 mác 250, ốp cột bằng gạch bê tông đặc vữa xi măng mác75, toàn bộ cổng sơn 03 nước. Cửa cổng bằng thép hộp mạ kẽm, sơn 03 nước. - Hai mặt bên cổng mặt tiền xây dựng tường rào song sắt. - Tường rào bao quanh bằng trụ BTCT kết hợp kéo lưới B40	
3	Cổng tường rào khu thể thao thôn 4	2024	680		680	Xây dựng mới	Chiều dài xây dựng 242 m dài với quy mô: - Xây mới cổng chính với các thông số kỹ thuật chính: Móng, cột bằng BTCT đá 1x2 mác 250, ốp cột bằng gạch bê tông đặc vữa xi măng mác75, toàn bộ cổng sơn 03 nước. Cửa cổng bằng thép hộp mạ kẽm, sơn 03 nước. - Hai mặt bên cổng mặt tiền xây dựng tường rào song sắt. - Tường rào bao quanh bằng trụ BTCT kết hợp kéo lưới B40			-130		-130		Chiều dài xây dựng 242 m dài với quy mô: - Xây mới cổng chính với các thông số kỹ thuật chính: Móng, cột bằng BTCT đá 1x2 mác 250, ốp cột bằng gạch bê tông đặc vữa xi măng mác75, toàn bộ cổng sơn 03 nước. Cửa cổng bằng thép hộp mạ kẽm, sơn 03 nước. - Hai mặt bên cổng mặt tiền xây dựng tường rào song sắt. - Tường rào bao quanh bằng trụ BTCT kết hợp kéo lưới B40	Cổng tường rào khu thể thao thôn 4	2024	550		550	Xây dựng mới	Chiều dài xây dựng 242 m dài với quy mô: - Xây mới cổng chính với các thông số kỹ thuật chính: Móng, cột bằng BTCT đá 1x2 mác 250, ốp cột bằng gạch bê tông đặc vữa xi măng mác75, toàn bộ cổng sơn 03 nước. Cửa cổng bằng thép hộp mạ kẽm, sơn 03 nước. - Hai mặt bên cổng mặt tiền xây dựng tường rào song sắt. - Tường rào bao quanh bằng trụ BTCT kết hợp kéo lưới B40	
8	Xã Ninh Thân									***330***	***-105***	***435***										
a	*Quy hoạch*																					
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	520		520				2025-2024						Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2025-2024	520		520			
b	*Giao thông*																					
	Đường trục thôn, liên thôn														Đường trục thôn, liên thôn							
1	Đường liên thôn từ đường liên xã đến nhà bà Đặng Thị Hơn	2024	400	280	120	Xây dựng mới	Dài 200m. mặt đường 3,5m, nền 5m			-150	-105	-45		BTXM. dài khoảng 194m. mặt đường 2m. nền 3m	Đường liên thôn từ đường liên xã đến nhà bà Đặng Thị Hơn	2024	250	175	75	Xây dựng mới	BTXM. dài khoảng 194m. mặt đường 2m. nền 3m	
2	Đường liên thôn đến cầu bi Ninh Trung	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Dài 600m. mặt đường 3,5m, nền 5m;							BTXM. dài khoảng 486m. mặt đường 3m. nền 4m	Đường liên thôn đến cầu bi Ninh Trung	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	BTXM. dài khoảng 486m. mặt đường 3m. nền 4m	
3	Đường liên thôn từ cổng ông Bương đến đình Tân Phong	2024	800	560	240	Xây dựng mới	Dài 400m. mặt đường 3,5m, nền 5m							BTXM. dài khoảng 300m. mặt đường 3,5m. nền 5m	Đường liên thôn từ cổng ông Bương đến đình Tân Phong	2024	800	560	240	Xây dựng mới	BTXM. dài khoảng 300m. mặt đường 3,5m. nền 5m	
4	Đường liên thôn từ đường WB2 đến nhà bà Lê Thị Cẩm	2024	520	364	156	Xây dựng mới	Dài 260m. mặt đường 3,5m, nền 5m							BTXM. dài khoảng 260m. mặt đường 2m. nền 3m	Đường liên thôn từ đường WB2 đến nhà bà Lê Thị Cẩm	2024	520	364	156	Xây dựng mới	BTXM. dài khoảng 260m. mặt đường 2m. nền 3m	
5	Đường liên thôn từ cầu chùa Mỹ Hoàn đến cầu hai Trại	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Dài 600m. mặt đường 3,5m, nền 5m						Nâng cấp, sửa chữa		Đường liên thôn từ cầu chùa Mỹ Hoàn đến cầu hai Trại	2024	1.200	840	360	Nâng cấp, sửa chữa	Dài 600m. mặt đường 3,5m, nền 5m	
	Đường xóm, ngõ xóm														Đường xóm, ngõ xóm							
1	Đường trục xóm Nhà Sự (đường WB2 đến nhà ông Sơn)	2024	240		240	Xây dựng mới	Dài 120m. mặt đường 3m, nền 3m			310		310		BTXM. dài khoảng 272m. mặt đường 2m. nền 3m	Đường trục xóm Nhà Sự (đường WB2 đến nhà ông Sơn)	2024	550		550	Xây dựng mới	BTXM. dài khoảng 272m. mặt đường 2m. nền 3m	
2	Đường ngõ xóm Đại Mỹ (nhà ông Huệ đến nhà bà Tray)	2024	180		180	Xây dựng mới	Dài 90m. mặt đường 3m, nền 3,5m			170		170		BTXM. dài khoảng 180m. mặt đường 2m. nền 3m	Đường ngõ xóm Đại Mỹ (nhà ông Huệ đến nhà bà Tray)	2024	350		350	Xây dựng mới	BTXM. dài khoảng 180m. mặt đường 2m. nền 3m	
3	Đường ngõ xóm Đại Mỹ (nhà ông Xủ đến nhà ông Nhỏi)	2024	400		400	Xây dựng mới	Dài 200m. mặt đường 3m, nền 4m							BTXM. dài khoảng 200m. mặt đường 2m. nền 3m	Đường ngõ xóm Đại Mỹ (nhà ông Xủ đến nhà ông Nhỏi)	2024	400		400	Xây dựng mới	BTXM. dài khoảng 200m. mặt đường 2m. nền 3m	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	Điều chỉnh tăng/giảm vốn			Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Ghi chú
										TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác										
4	Đường ngõ xóm Mỹ Hoàn (nhà ông Ngôn đến nhà ông Ủi)	2024	500		500	Xây dựng mới	Dài 250m, mặt đường 3m, nền 3m							BTXM, dài khoảng 220m, mặt đường 2m, nền 3m	Đường ngõ xóm Mỹ Hoàn (nhà ông Ngôn đến nhà ông Ủi)	2024	500		500	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 220m, mặt đường 2m, nền 3m	
5	Đường ngõ xóm Mỹ Hoàn (nhà ông Nhứt đến nhà ông Tài)	2024	420		420	Xây dựng mới	Dài 210m, mặt đường 3m, nền 3m							BTXM, dài khoảng 210m, mặt đường 2m, nền 3m	Đường ngõ xóm Mỹ Hoàn (nhà ông Nhứt đến nhà ông Tài)	2024	420		420	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 210m, mặt đường 2m, nền 3m	
6	Đường ngõ xóm Nhì Sư (ngã ba bà Nước đến nhà Tuấn Tèo)	2024	360		360	Xây dựng mới	Dài 210m, mặt đường 3m, nền 3m							BTXM, dài khoảng 150m, mặt đường 3m, nền 4m	Đường ngõ xóm Nhì Sư (ngã ba bà Nước đến nhà Tuấn Tèo)	2024	360		360	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 150m, mặt đường 3m, nền 4m	
7	Đường ngõ xóm Tân Phong nhánh (T1 đến nhà ông bằng)	2024	500		500	Xây dựng mới	Nâng cấp dài 250m, mặt đường 3m, nền 3m							BTXM, dài khoảng 205m, Mặt đường 3m, nền 4m	Đường ngõ xóm Tân Phong nhánh (T1 đến nhà ông bằng)	2024	500		500	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 205m, Mặt đường 3m, nền 4m	
	Đường trục chính nội đồng														Đường trục chính nội đồng							
1	Đường nội đồng từ nhà bà Nguyễn Thị Thành đến nhà ông Bùi Chánh	2024	800	560	240	Xây dựng mới	Dài 650m, mặt đường 3m, nền 3m							BTXM, dài khoảng 210 m, mặt đường 3m, nền 4m	Đường nội đồng từ nhà bà Nguyễn Thị Thành đến nhà ông Bùi Chánh	2024	800	560	240	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 210 m, mặt đường 3m, nền 4m	
2	Đường nội đồng từ nhà ông Lâu đến gò Hóc Nhứt	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Dài 970m, mặt đường 3m, nền 3m (cấp phối)							BTXM, dài khoảng 505m, mặt đường 3m, nền 4m	Đường nội đồng từ nhà ông Lâu đến gò Hóc Nhứt	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 505m, mặt đường 3m, nền 4m	
3	Đường nội đồng từ đường liên thôn đến nhà ông Sư	2024	400	280	120	Xây dựng mới	Dài 3230m, mặt đường 3m, nền 3m (cấp phối)							BTXM, dài khoảng 110m, mặt đường 2m, nền 3m	Đường nội đồng từ đường liên thôn đến nhà ông Sư	2024	400	280	120	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 110m, mặt đường 2m, nền 3m	
c	*Thủy lợi và phòng chống thiên tai*																					
1	Đoạn mương từ đường nội đồng Lò Bò đến ruộng 5*aUBND x3	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Dài 600m, rộng 0.6m, cao 1m							Dài khoảng 435m, rộng 0,6m; cao 0,6m	Đoạn mương từ đường nội đồng Lò Bò đến ruộng 5*aUBND x3	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Dài khoảng 435m, rộng 0,6m; cao 0,6m	
9	Xã Ninh Tân									*300*		*300*										
a	*Quy hoạch*																					
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng x3	2023	200		200				2023-2024	300		300			Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng x3	2023-2024	500		500			
b	*Giao thông*														Đường trục thôn, liên thôn							
	Đường trục thôn, liên thôn													BTXM, dài khoảng 551m, mặt đường 3.5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	Đường tuyến 2600 (từ TL51 đến đất ông Dương Văn Hùng	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 551m, mặt đường 3.5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	
1	Đường tuyến 2600 (từ TL51 đến đất ông Dương Văn Hùng	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3.5m, dày 18cm.							BTXM, dài khoảng 652m, mặt đường 3.5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	Đường tuyến 1400 đến mặt khu	2024	1.150	805	345	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 652m, mặt đường 3.5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	
2	Đường tuyến 1400 đến mặt khu	2024	1.150	805	345	Xây dựng mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3.5m, dày 18cm.							BTXM, dài khoảng 575m, mặt đường 3.5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	Đường từ TL 8 đến đất Ông Thanh	2024	1.100	770	330	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 575m, mặt đường 3.5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	
3	Đường từ TL 8 đến đất Ông Thanh	2024	1.100	770	330	Xây dựng mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3.5m, dày 18cm.							BTXM, dài khoảng 700m, mặt đường 3.5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	Đường từ đất ông Hoàng đến đất ông Phong 2800	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 700m, mặt đường 3.5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	
4	Đường từ đất ông Hoàng đến đất ông Phong 2800	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3.5m, dày 18cm.								Đường xóm, ngõ xóm							
	Đường xóm, ngõ xóm													BTXM, dài khoảng 357,7m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	Đường từ Bùi Thị Hằng đến đập suối luỹ	2024	1.000		1.000	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 357,7m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	
1	Đường từ Bùi Thị Hằng đến đập suối luỹ	2024	1.000		1.000	Xây dựng mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM rộng 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m								Đường trục chính nội đồng							
	Đường trục chính nội đồng													BTXM, dài khoảng 602m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	Đường từ đất ông Quang đến đất Ông Phúc	2024	1.100	770	330	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 602m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	
1	Đường từ đất ông Quang đến đất Ông Phúc	2024	1.100	770	330	Xây dựng mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.							BTXM, dài khoảng 604m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	Đường từ đất ông Khuyến đến chân đồi An Giang	2024	1.100	770	330	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 604m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	
2	Đường từ đất ông Khuyến đến chân đồi An Giang	2024	1.100	770	330	Xây dựng mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.							BTXM, dài khoảng 500m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	Đường từ đất Ông Hiền đến suối Hàn	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	BTXM, dài khoảng 500m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	
3	Đường từ đất Ông Hiền đến suối Hàn	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm.															
c	*Thủy lợi và phòng chống thiên tai*													Kiên cố hóa L khoảng 415m	Kênh mương nghĩa xanh phía Bắc	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Kiên cố hóa L khoảng 415m	
1	Kênh mương nghĩa xanh phía Bắc	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Kiên cố hóa L 800m			*1.665*	*325*	*1.340*										
10	Xã Ninh Quang																					
a	*Quy hoạch*								2022-2024	400		400			Quy hoạch chung xây dựng x3	2023-2024	600		600			
1	Quy hoạch chung xây dựng x3	2023	200		200				2023-2024	800		800			Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm x3	2022-2024	1.000		1.000			
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm x3	2023	200		200																	
b	*Giao thông*														thôn Quang Vinh đến nhà bà Nhung thôn Thanh Mỹ	2024	749	524	225	Xây dựng mới	Cấp phối, chiều dài L = 350 m, rộng 6 m	
1	Đường cấp phối từ nhà ông Ngâm thôn Quang Vinh đến nhà bà Nhung thôn Thanh Mỹ	2024	750	525	225	Xây dựng mới	Cấp phối, chiều dài L = 350 m, rộng 6 m			-1	-1				thôn Phú Hòa	2024	597	418	179	Sửa chữa	Cấp phối, chiều dài L = 300 m, rộng 6 m	
2	Đường nội đồng Trại Cây Đội 5 thôn Phú Hòa	2024	600	420	180	Sửa chữa	Cấp phối, chiều dài L = 300 m, rộng 6 m			-2	-2	-1										
c	*Thủy lợi và phòng chống thiên tai*							Kênh mương BTXM đồng Bà Nghiền						BTXM, chiều dài L = 600 m, kích thước 0,4 x 0,5 m	Kênh mương BTXM đồng Bà Nghiền	2024	982	687	295	Xây dựng mới	BTXM, chiều dài L = 600 m, kích thước 0,4 x 0,5 m	Cấp vốn công trình Kênh mương BTXM đồng Bà Nghiền nhánh 2
1	Kênh mương BTXM đồng Bà Nghiền nhánh 1	2024	500	350	150	Xây dựng mới	BTXM, chiều dài L= 300 m, rộng 0,4 m			482	337	145			Buồm	2024	791	554	237	Xây dựng mới	BTXM, chiều dài L = 400 m, rộng 0,5 m	
2	Kênh mương BTXM đồng Cạnh Buồm	2024	800	560	240	Xây dựng mới	BTXM, chiều dài L= 400 m, rộng 0,5 m			-9	-6	-3			Kênh mương BTXM đồng Cây Ke	2024	496	347	149	Xây dựng mới	BTXM, chiều dài L 250 m, rộng 0,5 m	
3	Kênh mương BTXM đồng Cây Ke	2024	500	350	150	Xây dựng mới	BTXM, chiều dài L= 250 m, rộng 0,5 m			-4	-3	-1										
11	Xã Ninh Đông																					
a	*Quy hoạch*								2023-2024						Quy hoạch chung xây dựng x3	2023-2024	520		520			
1	Quy hoạch chung xây dựng x3	2023	520		520																	
12	Xã Ninh Lộc																					
a	*Quy hoạch*								2023-2024						Quy hoạch chung xây dựng x3	2023-2024	200		200			
1	Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng x3	2023	200		200																	
b	*Thủy lợi và phòng chống thiên tai*														Kiên cố hóa kênh mương Bong đoạn cuối	2025	1.400	980	420	Xây dựng mới	dài 631 m, 0.6 *0.6 m	
1	Kiên cố hóa kênh mương Bong đoạn cuối	2024	1.400	980	420	Xây dựng mới	dài 631 m, 0.6 *0.6 m		2025													
13	Xã Ninh Vân									*2.569*	*1.183*	*1.387*										
a	*Quy hoạch*								2023-2024						Quy hoạch chung xây dựng x3	2023-2024	300		300			
1	Quy hoạch chung xây dựng x3	2023	300		300				2023-2024	880		880			Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm x3	2023-2024	1.100		1.100			
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm x3	2023	220		220																	
b	*Giao thông*														Đường trục thôn, liên thôn							
	Đường trục thôn, liên thôn														Đường số 24 (mở mới) đoạn từ Trạm y tế xã đến Đường số 1	2024	550	385	165	Xây dựng mới	Xây dựng tuyến đường BTXM dài 160 m, rộng 4,0 m	
1	Đường số 24 (mở mới) đoạn từ Trạm y tế xã đến Đường số 1	2024	246	172	74	Xây dựng mới	Xây dựng tuyến đường BTXM dài 160 m, rộng 4.0 m			304	213	91		BTXM dài khoảng 250 m, rộng 6.0 m, lề đất mỗi bên rộng 1.25 m, mặt đường rộng 3.5m	Đường số 5 (nối dài) đoạn từ đường số 1 đến Khu SX suối ông Cần	2024	900	630	270	Xây dựng mới	BTXM dài khoảng 250 m, rộng 6.0 m, lề đất mỗi bên rộng 1.25 m, mặt đường rộng 3.5m	
2	Đường số 5 (nối dài) đoạn từ đường số 1 đến Khu SX suối ông Cần	2024	225	158	68	Xây dựng mới	Xây dựng tuyến đường BTXM dài 150 m, rộng 6.0 m, lề đất mỗi bên rộng 1.25 m, mặt đường rộng 3.5m			675	472	203										

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	Điều chỉnh tăng/giảm vốn			Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Ghi chú
										TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác										
3	Đường số 21 đoạn từ đường số 7 đến Hon Dăng	2024	330	231	99	Xây dựng mới	Xây dựng tuyến đường BTXM dài 220 m, rộng 6.0 m, lề đất mỗi bên rộng 1.25 m, mặt đường rộng 3.5m			470	329	141		Chiều dài khoảng 220m,nền đường 4m, mặt BTXM 4m	Đường số 21 đoạn từ đường số 7 đến Hon Dăng	2024	800	560	240	Xây dựng mới	Chiều dài khoảng 220m,nền đường 4m, mặt BTXM 4m	
4	Đường vào SVD xã đoạn từ đường số 1 đến Sân TT QH mới	2024	105	74	32	Xây dựng mới	Xây dựng tuyến đường BTXM dài 100 m, rộng 8.0 m, lề đất mỗi bên rộng 2.25 m, mặt đường rộng 3.5m			240	168	72		Chiều dài khoảng 70m, nền đường 5m, mặt BTXM 3m	Đường vào SVD xã đoạn từ đường số 1 đến Sân TT QH mới	2024	345	242	104	Xây dựng mới	Chiều dài khoảng 70m, nền đường 5m, mặt BTXM 3m	
14	Xã Ninh Trung																					
a	*Quy hoạch*																					
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	520		520				2023-2024						Quy hoạch chung xây dựng xã	2023-2024	520		520			
b	*Thủy lợi và phòng chống thiên tai*																					
1	Khẩu ông Tiên - Ruộng đội 4	2024	400	280	120	Xây dựng mới	Mương BTXM 60x60, L = 200m		2025						Khẩu ông Tiện - Ruộng đội 4	2025	400	280	120	Xây dựng mới	Mương BTXM 60x60, L = 200m	
2	Kênh từ nhà ông Toan đến nhà ông Huy	2024	700	490	210	Xây dựng mới	Mương BTXM 50x50, L = 300m		2025						Kênh từ nhà ông Toan đến nhà ông Huy	2025	700	490	210	Xây dựng mới	Mương BTXM 50x50, L = 300m	
3	Kênh từ bà Mươn đến đồng dưng (Gđ2)	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	Mương BTXM 60x60, L =540m		2025						Kênh từ bà Mươn đến đồng dưng (Gđ2)	2025	1.000	700	300	Xây dựng mới	Mương BTXM 60x60, L =540m	
4	Kênh từ N1T đến Dòng Cũ (gđ2)	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	Mương BTXM 60x60, L =540m		2025						Kênh từ N1T đến Dòng Cũ (gđ2)	2025	1.000	700	300	Xây dựng mới	Mương BTXM 60x60, L =540m	
15	Xã Ninh Ích																					
a	*Quy hoạch*																					
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	520		520			Quy hoạch chung xây dựng xã	2023-2024						Quy hoạch chung xây dựng xã	2023-2024	520		520			
16	Xã Ninh Xuân																					
a	*Quy hoạch*																					
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	520		520				2023-2024						Quy hoạch chung xây dựng xã	2023-2024	520		520			
17	Xã Ninh Sim																					
a	*Quy hoạch*																					
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2023	520		520			Quy hoạch chung xây dựng xã	2023-2024						Quy hoạch chung xây dựng xã	2023-2024	520		520			
II	HUYỆN DIÊN KHÁNH									*-11*	*-8*	*-3*										
	Hệ thống kênh tưới nội đồng vùng ruộng Trang Găng	2023	12.000	8.400	3.600	Xây dựng mới	KCH hệ thống kênh nội đồng, tổng chiều dài khoảng 8,000m							Chiều dài 3897.8m	Hệ thống kênh tưới nội đồng vùng ruộng Trang Găng	2023	12.000	8.400	3.600	Xây dựng mới	Chiều dài 3897.8m	
1	Xây dựng nhà kho HTX Suối Hiệp 1	2023	1.000	560	440	Xây dựng mới				-1	-1				1	2023	999	559	440	Xây dựng mới		
2	Xây dựng xưởng chế biến HTX Suối Hiệp 1	2023	1.000	560	440	Xây dựng mới				-2	-1	-1			Suối Hiệp 1	2023	998	559	439	Xây dựng mới		
3	Nhà Máy sấy HTX NN Suối Tiên	2025	1.000	560	440	Xây dựng mới				-1	-1				Nhà Máy sấy HTX NN Suối Tiên	2023	999	559	440	Xây dựng mới		
1	Xã Diên Thọ																					
a	*Thủy lợi và phòng chống thiên tai*																					
1	KCH kênh tưới Bà Thát thôn Lễ Thanh	2024	900	630	270	Nâng cấp, sửa chữa	KCH kênh bê tông xi măng chiều dài 620m			-1	-1				KCH kênh tưới Bà Thát thôn Lễ Thanh	2024	899	629	270	Nâng cấp, sửa chữa	KCH kênh bê tông xi măng chiều dài 620m	
2	Xã Diên Hòa									*-6*	*-4*	*-2*										
a	*Văn Hóa*																					
1	Trang bị dụng cụ tập luyện ngoài trời choTrung tâm Thể thao xã	2024	500	150	350	Mua sắm, lắp đặt	Lắp đặt các hệ thống tập luyện thể thao tại trung tâm thể thao của xã			-2	-1	-1			Trang bị dụng cụ tập luyện ngoài trời choTrung tâm Thể thao xã	2024	498	149	349	Mua sắm, lắp đặt	Lắp đặt các hệ thống tập luyện thể thao tại trung tâm thể thao của xã	
b	*Giao thông*																					
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã ba Bình Khánh - cầu Cây đa	2024	1.200	840	360	Nâng cấp, mở rộng	Chiều dài tuyến đường dài 500m			-3	-2	-1			Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã ba Bình Khánh - cầu Cây đa	2024	1.197	838	359	Nâng cấp, mở rộng	Chiều dài tuyến đường dài 500m	
c	*Tổ chức sản xuất*																					
1	Xây dựng nhà kho HTX Diên Hòa	2024	700	392	308	Xây dựng mới				-1	-1				Xây dựng nhà kho HTX Diên Hòa	2024	699	391	308	Xây dựng mới		
III	THÀNH PHỐ CAM RANH									*-117*	*-82*	*-35*										
1	Xã Cam Lập									*-117*	*-82*	*-35*										
a	*Hạ tầng thông tin và truyền thông*																					
1	Thay mới hệ thống đài truyền thanh xã	2023	1.100	770	330	mua mới	17 cụm loa			-117	-82	-35			Thay mới hệ thống đài truyền thanh xã	2023	983	688	295	mua mới	17 cụm loa	
IV	HUYỆN KHÁNH VĨNH									*314*	*-12*	*326*										
1	Xã Sông Cầu									*400*		*400*										
a	*Giao thông*																					
1	Nâng cấp Bê tông hóa đường từ nhà ông Trần Thời đến đường bê tông	2025	400		400		Xây mới đường BTXM dài 250m			400		400		Điểm đầu Nhà ông Thanh, điểm cuối tiếp giáp đường bê tông Xây mới đường BTXM dài 310m	Nâng cấp Bê tông hóa đường từ nhà ông Trần Thời đến đường bê tông	2025	800		800		Điểm đầu Nhà ông Thanh, điểm cuối tiếp giáp đường bê tông Xây mới đường BTXM dài 310m	NQ62 (Điều chỉnh TMĐT - Quy mô đầu t
2	Xã Khánh Thành																					
a	*Cơ sở vật chất văn hóa*																					
1	Xây dựng sân vận động xã Khánh Thành	2024	813	244	569		Xây dựng cổng, tường rào; san nền, trồng cỏ làm đẹp mặt sân với diện tích 8591.1 m2.		2025					San nền, trồng cỏ làm đẹp mặt sân, xây dựng hệ thống thoát nước và mua sắm trang thiết bị thể dục thể thao	Xây dựng sân vận động xã Khánh Thành	2025	813	244	569		San nền, trồng cỏ làm đẹp mặt sân, xây dựng hệ thống thoát nước và mua sắm trang thiết bị thể dục thể thao	NQ62 (Điều chỉnh năm thực hiện - Quy mô đầu tư)
3	Xã Khánh Thượng																					
a	*Môi trường*																					
1	Nâng cấp, chỉnh trang nghĩa trang xã Khánh Thượng	2025	1.100		1.100		Xây dựng, chỉnh trang với diện tích theo Quy hoạch là 4,3ha		2024						Nâng cấp, chỉnh trang nghĩa trang xã Khánh Thượng	2024	1.100		1.100		Xây dựng, chỉnh trang với diện tích theo Quy hoạch là 4,3ha	NQ62 (Điều chỉnh năm thực hiện)
4	Xã Khánh Hiệp									*-79*	*-7*	*-72*										
a	*Giao thông*																					
1	Tuyến H18 từ nhà cộng đồng xóm Y Bao đến đất Y Soán K Nai	2024	1.000	700	300	xây mới	Xây mới đường BTXM dài khoảng 600m, nền đường rộng 5.0 m; mặt đường rộng 3.5 m; kết hợp với hệ thống thoát nước			-78	-6	-72			Tuyến H18 từ nhà cộng đồng xóm Y Bao đến đất Y Soán K Nai	2024	922	694	228	xây mới	Xây mới đường BTXM dài khoảng 600m, nền đường rộng 5.0 m; mặt đường rộng 3.5 m; kết hợp với hệ thống thoát nước	
2	Tuyến H 21 từ điểm giữa T6 đất Trần Thị Khoa đến khu sản xuất	2024	1.200	840	360	xây mới	Xây mới đường BTXM dài khoảng 600m, nền đường rộng 5.0 m; mặt đường rộng 3.5 m; kết hợp với hệ thống thoát nước			-1	-1				Tuyến H 21 từ điểm giữa T6 đất Trần Thị Khoa đến khu sản xuất	2024	1199	839	360	xây mới	Xây mới đường BTXM dài khoảng 600m, nền đường rộng 5.0 m; mặt đường rộng 3.5 m; kết hợp với hệ thống thoát nước	
5	Xã Khánh Phú									*-3*	*-3*											
a	*Giao thông*																					
1	Bê tông hóa đường Cao Bình đi Lá Nia	2024	1.000	700	300	xây dựng mới	Xây dựng đường bê tông xi măng, mặt đường rộng 3.5m, nền đường rộng 0.5m, bảo đảm việc lưu thông xuyên suốt			-1	-1				Bê tông hóa đường Cao Bình đi Lá Nia	2024	999	699	300	xây dựng mới	Xây dựng đường bê tông xi măng, mặt đường rộng 3.5m, nền đường rộng 0.5m, bảo đảm việc lưu thông xuyên suốt	
2	Bê tông hóa đường từ ông Ty Dia đến ông Cao Dũng	2024	1.000	700	300	xây dựng mới	Xây dựng đường bê tông xi măng, mặt đường rộng 3.5m, nền đường rộng 0.5m, bảo đảm việc lưu thông xuyên suốt			-1	-1				Bê tông hóa đường từ ông Ty Dia đến ông Cao Dũng	2024	999	699	300	xây dựng mới	Xây dựng đường bê tông xi măng, mặt đường rộng 3.5m, nền đường rộng 0.5m, bảo đảm việc lưu thông xuyên suốt	
3	Đường vào khu sản xuất từ đất ông Cao Nam đến đất ông Phúc	2024	1.000	700	300	xây dựng mới	Xây dựng đường bê tông xi măng, mặt đường rộng 3.5m, nền đường rộng 0.5m, bảo đảm việc lưu thông xuyên suốt			-1	-1				Đường vào khu sản xuất từ đất ông Cao Nam đến đất ông Phúc	2024	999	699	300	xây dựng mới	Xây dựng đường bê tông xi măng, mặt đường rộng 3.5m, nền đường rộng 0.5m, bảo đảm việc lưu thông xuyên suốt	
6	Xã Giang Ly									*-1*		*-1*										
a	*Cơ sở vật chất văn hóa*																					

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	Điều chỉnh tăng/giảm vốn			Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Ghi chú
										TMĐT	*NS cấp tỉnh*	*NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác*										
1	Nâng cấp, sửa chữa trường Tiểu học x3 Giang Ly cũ thành trung tâm văn hóa thể thao x3	2024	1.400	420	980	nâng cấp, sửa chữa	Xây dựng cổng, tường rào; san nền, thay ngói, lăn sơn, thay thế các thiết bị điện, trang thiết bị âm thanh			-1		-1			Nâng cấp, sửa chữa trường Tiểu học x3 Giang Ly cũ thành trung tâm văn hóa thể thao x3	2024	1399	420	979	nâng cấp, sửa chữa	Xây dựng cổng, tường rào; san nền, thay ngói, lăn sơn, thay thế các thiết bị điện, trang thiết bị âm thanh	
7	Xã Liên Sang									-3	-2	-1										
a	*Giao thông*																					
1	Đường nội đồng từ đất rẫy ông Cao Gia Minh đến đất rẫy ông Đàm Ngọc Thường	2024	1.150	791	359	Xây dựng mới	Xây mới đường BTXM dài khoảng 700m, nền đường rộng 6,0 m; mặt đường rộng 3,5 m			-1	-1				Đường nội đồng từ đất rẫy ông Cao Gia Minh đến đất rẫy ông Đàm Ngọc Thường	2024	1129	790	339	Xây dựng mới	Xây mới đường BTXM dài khoảng 700m, nền đường rộng 6,0 m; mặt đường rộng 3,5 m	
2	Đường vào khu Sản xuất Suối Vàng	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Xây mới đường BTXM dài khoảng 720m, nền đường rộng 6,0 m; mặt đường rộng 3,5 m			-2	-1	-1			Đường vào khu Sản xuất Suối Vàng	2024	1198	839	359	Xây dựng mới	Xây mới đường BTXM dài khoảng 720m, nền đường rộng 6,0 m; mặt đường rộng 3,5 m	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	Điều chỉnh tăng/giảm vốn			Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Chi chú
										TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác										
1	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Vạn Long giai đoạn 2021-2030	2023	500		500	Điều chỉnh, cập nhật	QH vùng huyện		2024				Rà soát, cập nhật điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn cấp xã phù hợp với các Quy hoạch cấp trên; trong đó có bố trí khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn			2024	500		500	Rà soát, cập nhật điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn cấp xã phù hợp với các Quy hoạch cấp trên; trong đó có bố trí khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn	
2	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn xã Vạn Long giai đoạn 2021-2030	2023	800		800	Điều chỉnh, cập nhật	QH vùng huyện		2024				Rà soát, cập nhật, bổ sung quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn phù hợp với các Quy hoạch cấp trên			2024	800		800	Rà soát, cập nhật, bổ sung quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn phù hợp với các Quy hoạch cấp trên	
8	Xã Vạn Phước																					
a	*Quy hoạch*																					
1	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Vạn Phước giai đoạn 2021-2030	2023	500		500	Điều chỉnh, cập nhật	QH vùng huyện		2024				Rà soát, cập nhật điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn cấp xã phù hợp với các Quy hoạch cấp trên; trong đó có bố trí khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn			2024	500		500	Rà soát, cập nhật điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn cấp xã phù hợp với các Quy hoạch cấp trên; trong đó có bố trí khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn	
2	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn xã Vạn Phước giai đoạn 2021-2030	2023	800		800	Điều chỉnh, cập nhật	QH vùng huyện		2024				Rà soát, cập nhật, bổ sung quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn phù hợp với các Quy hoạch cấp trên			2024	800		800	Rà soát, cập nhật, bổ sung quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn phù hợp với các Quy hoạch cấp trên	
9	Xã Vạn Thọ																					
a	*Quy hoạch*																					
1	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Vạn Thọ giai đoạn 2021-2030	2023	500		500	Điều chỉnh, cập nhật	QH vùng huyện		2024				Rà soát, cập nhật điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn cấp xã phù hợp với các Quy hoạch cấp trên; trong đó có bố trí khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn			2024	500		500	Rà soát, cập nhật điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn cấp xã phù hợp với các Quy hoạch cấp trên; trong đó có bố trí khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn	
2	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn xã Vạn Thọ giai đoạn 2021-2030	2023	800		800	Điều chỉnh, cập nhật	QH vùng huyện		2024				Rà soát, cập nhật, bổ sung quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn phù hợp với các Quy hoạch cấp trên			2024	800		800	Rà soát, cập nhật, bổ sung quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn phù hợp với các Quy hoạch cấp trên	
II	THỊ XÃ NINH HÒA									-706	-248	-458										
1	Xã Ninh Hưng									-379	-246	-133										
a	*Quy hoạch*																					
1	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	2023	800		800				2023-2024						Quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	2023-2024	800		800			
b	*Giao thông*																					
1	Đường thôn Phụng Cang từ nhà bà Nghề đến nhà bà Hương	2023	750	525	225	Xây dựng mới	L = 527m, nền đường rộng 4m, mặt đường BTXM rộng 3m, lề mỗi bên 0.5m			-44	-31	-13			Đường thôn Phụng Cang từ nhà bà Nghề đến nhà bà Hương	2023	706	494	212	Xây dựng mới	L = 527m, nền đường rộng 4m, mặt đường BTXM rộng 3m, lề mỗi bên 0.5m	
2	Nâng cấp đường liên thôn Phú Đa - Phụng Cang	2023	1.100	770	330	Nâng cấp, sửa chữa	L = 273.04m, nền đường BTXM hiện trạng 3m, mở rộng phải tuyến thêm 1.5m và mở rộng tuyến trái 1m; kết cấu mở rộng BTXM dày 18cm. Kết cấu mặt đường nhựa rộng 5.5m (đã tính phần mở rộng): mặt trên tham nhựa Tham BTN C12.5 dày 5cm			-5	-2	-1			Nâng cấp đường liên thôn Phú Đa - Phụng Cang	2023	1.097	768	329	Nâng cấp, sửa chữa	L = 273.04m, nền đường BTXM hiện trạng 3m, mở rộng phải tuyến thêm 1.5m và mở rộng tuyến trái 1m; kết cấu mở rộng BTXM dày 18cm. Kết cấu mặt đường nhựa rộng 5.5m (đã tính phần mở rộng): mặt trên tham nhựa Tham BTN C12.5 dày 5cm	
3	Đường nối đồng khu sản xuất Trang Cảm đoạn từ trại ông Chơn đến trại ông Phú	2023	2.200	1.540	660	Xây dựng mới	L = 1.810m, mặt đường cấp phối đá dăm rộng 4,5m			-52	-36	-16			Cảm đoạn từ trại ông Chơn đến trại ông Phú	2023	2.148	1.504	644	Xây dựng mới	L = 1.810m, mặt đường cấp phối đá dăm rộng 4,5m	
4	Nâng cấp đường trung tâm xã từ UBND xã đến Chợ xã	2023	1.200	840	360	Nâng cấp, sửa chữa	L khoảng 332.58m (01 tuyến phía bên trái), hiện trạng 3.5m và mở rộng1.5 - 2m, kết cấu mở rộng bê tông xi măng dày 18cm. Nền đường 5.5m, trải thảm nhựa 5.5m, lề 1m			-19	-13	-6			Nâng cấp đường trung tâm xã từ UBND xã đến Chợ xã	2023	1.181	827	354	Nâng cấp, sửa chữa	L khoảng 332.58m (01 tuyến phía bên trái), hiện trạng 3.5m và mở rộng1.5 - 2m, kết cấu mở rộng bê tông xi măng dày 18cm. Nền đường 5.5m, trải thảm nhựa 5.5m, lề 1m	
5	Đường thôn Trường Lộc khu quy hoạch Gò Noài	2023	950	665	285	Xây dựng mới	L khoảng 191.7m, nền đường 10m, mặt đường BTXM 5m dày 20cm. lề đất mỗi bên 2.5m			-100	-70	-30			Đường thôn Trường Lộc khu quy hoạch Gò Noài	2023	850	595	255	Xây dựng mới	L khoảng 191.7m, nền đường 10m, mặt đường BTXM 5m dày 20cm. lề đất mỗi bên 2.5m	
6	Đường thôn Phú Đa từ nhà ông Thao đến đường liên thôn	2023	1.200	840	360	Xây dựng mới	L khoảng 275m, nền đường 4.5m, mặt đường BTXM 3.5m dày 20cm. lề đất mỗi bên 0.5m. Thiết kế 5 cống hộp thoát nước			-31	-22	-9			Đường thôn Phú Đa từ nhà ông Thao đến đường liên thôn	2023	1.169	818	351	Xây dựng mới	L khoảng 275m, nền đường 4.5m, mặt đường BTXM 3.5m dày 20cm. lề đất mỗi bên 0.5m. Thiết kế 5 cống hộp thoát nước	
7	Đường liên thôn Tân Hưng - Gò Sân đoạn từ nhà ông Quy đến nhà ông Nhâu	2023	1.200	840	360	Xây dựng mới	L khoảng 600m, nền đường 5m, mặt đường BTXM 3m dày 18cm. lề đất mỗi bên 1m			-18	-13	-5			Đường liên thôn Tân Hưng - Gò Sân đoạn từ nhà ông Quy đến nhà ông Nhâu	2023	1.182	827	355	Xây dựng mới	L khoảng 600m, nền đường 5m, mặt đường BTXM 3m dày 18cm, lề đất mỗi bên 1m	
8	Nâng cấp đường thôn Trường Lộc đoạn từ nhà bà Giang đến nhà ông Vỹ	2023	1.200	840	360	Nâng cấp, sửa chữa	L khoảng 508.57m, nền hiện trạng 2.5m và mở rộng thêm 1m. Kết cấu mở rộng BTXM dày 20cm. Kết cấu mặt đường rộng 4.5m, mặt tham nhựa rộng 3.5m, lề đất mỗi bên 0.5m.			-39	-27	-12			Nâng cấp đường thôn Trường Lộc đoạn từ nhà bà Giang đến nhà ông Vỹ	2023	1.161	813	348	Nâng cấp, sửa chữa	L khoảng 508.57m, nền hiện trạng 2.5m và mở rộng thêm 1m. Kết cấu mở rộng BTXM dày 20cm. Kết cấu mặt đường rộng 4.5m, mặt tham nhựa rộng 3.5m, lề đất mỗi bên 0.5m.	
c	*Thủy lợi*																					
1	Kiên cố hóa kênh mương Cây Thị Phú Đa	2023	1.100	770	330	Sửa chữa	L khoảng 536.36m. Mương gải bê tông tại chỗ. Mương rộng 1m, lòng mương nước chảy rộng 0.7m, tường kênh mương cao 0.7m dày 0.15m, đáy mương dày 0.15m, đúng Bê tông đá 1x2 M250. Khoảng cách 5m bố trí 1 thanh đá giằng chống lật.			-11	-8	-3			Kiên cố hóa kênh mương Cây Thị Phú Đa	2023	1.089	762	327	Sửa chữa	L khoảng 536.36m. Mương gải bê tông tại chỗ. Mương rộng 1m, lòng mương nước chảy rộng 0.7m, tường kênh mương cao 0.7m dày 0.15m, đáy mương dày 0.15m, đúng Bê tông đá 1x2 M250. Khoảng cách 5m bố trí 1 thanh đá giằng chống lật.	
2	Kiên cố hóa kênh mương Cái thôn Phụng Cang	2023	830	581	249	Sửa chữa	L khoảng 451.92m. Mương gải bê tông tại chỗ. Mương rộng 1m, lòng mương nước chảy rộng 0.7m, tường kênh mương cao 0.7m dày 0.15m, đáy mương dày 0.15m, đúng Bê tông đá 1x2 M250. Khoảng cách 5m bố trí 1 thanh đá giằng chống lật. 01 cống bằng đường			-9	-6	-3			Kiên cố hóa kênh mương Cái thôn Phụng Cang	2023	821	575	246	Sửa chữa	L khoảng 451.92m. Mương gải bê tông tại chỗ. Mương rộng 1m, lòng mương nước chảy rộng 0.7m, tường kênh mương cao 0.7m dày 0.15m, đáy mương dày 0.15m, đúng Bê tông đá 1x2 M250. Khoảng cách 5m bố trí 1 thanh đá giằng chống lật. 01 cống bằng đường	
3	Kiên cố hóa kênh mương Núi thôn Phước Mỹ	2023	500	210	90	Xây dựng mới	L khoảng 215.18m. Mương gải bê tong tại chỗ. Mương rộng 0.64m, lòng mương nước chảy rộng 0.4m, tường kênh mương cao 0.6m dày 0.12m, đáy mương dày 0.12m, đúng Bê tông đá 1x2 M250. Khoảng cách 5m bố trí 1 thanh đá giằng chống lật.			-7	-5	-2			Kiên cố hóa kênh mương Núi thôn Phước Mỹ	2023	293	205	88	Xây dựng mới	L khoảng 215.18m. Mương gải bê tông tại chỗ. Mương rộng 0.64m, lòng mương nước chảy rộng 0.4m, tường kênh mương cao 0.6m dày 0.12m, đáy mương dày 0.12m, đúng Bê tông đá 1x2 M250. Khoảng cách 5m bố trí 1 thanh đá giằng chống lật.	
d	*Cơ sở vật chất văn hóa*																					

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	Điều chỉnh tăng/giảm vốn			Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Chi chú
										TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác										
1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã (Hạng mục: Sân khấu, điện chiếu sáng, cổng phụ, lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời)	2023	1.500	450	1.050	Xây dựng mới	Khán đài diện tích 75,6m2 (gồm phòng thay đồ, phòng điều hành, khu vệ sinh). Sân bê tông xi măng và đường nội bộ diện tích 756,88m2, BTXM dày 10cm. Bố trí cổng phụ và điện chiếu sáng. Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao			-35	-10	-25			Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã (Hạng mục: Sân khấu, điện chiếu sáng, cổng phụ, lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời)	2023	1.465	440	1.025	Xây dựng mới	Khán đài diện tích 75,6m2 (gồm phòng thay đồ, phòng điều hành, khu vệ sinh). Sân bê tông xi măng và đường nội bộ diện tích 756,88m2, BTXM dày 10cm. Bố trí cổng phụ và điện chiếu sáng. Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
d	*Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn*																					
1	Chợ xã Ninh Hưng (Hạng mục: Gian nói giữa chợ chính và chợ cá)	2023	1.200	360	840	Xây dựng mới	DT nhà lồng chợ 12,5m x 36m = 450m2. Giằng móng BTCT kích thước 200x200mm, trụ BTCT 200x200, mái lợp tôn dày 4,5dm, kèo mái thép hình; Nền lăng vữa xi măng, trụ ba mà tít có sơn nước; Hệ thống điện			-11	-3	-8			Chợ xã Ninh Hưng (Hạng mục: Gian nói giữa chợ chính và chợ cá)	2023	1.189	357	832	Xây dựng mới	DT nhà lồng chợ 12,5m x 36m = 450m2. Giằng móng BTCT kích thước 200x200mm, trụ BTCT 200x200, mái lợp tôn dày 4,5dm, kèo mái thép hình; Nền lăng vữa xi măng, trụ ba mà tít có sơn nước; Hệ thống điện	
2	Xã Ninh Phụng									*-529*	*-185*	*-344*										
a	*Giao thông*																					
1	Đường giao thông thôn Đại Cát 2 Hạng mục: Đường từ QL26 đến nhà ông Yến	2023	2.362	1.653	709	Xây dựng mới	L khoang 800 m, BTXM: 3,5m, Nền đường: 06m			-64	-44	-20			Hạng mục: Đường từ QL26 đến nhà ông Yến	2023	2.298	1.609	689	Xây dựng mới	L khoang 800 m, BTXM: 3,5m, Nền đường: 06m	
b	*Cơ sở vật chất văn hóa*																					
1	Xây dựng Khu thể thao thôn Xuân Hòa 1	2023	1.000		1.000	Xây dựng mới	Diện tích 1.100m² ;Xây dựng cổng, tường rào;sân bóng chuyền; nhà để xe; lắp đặt dụng cụ thể thao, sân bêtông.		2024						Xây dựng Khu thể thao thôn Xuân Hòa 1	2024	1.000		1.000	Xây dựng mới	Diện tích 1.100m² ;Xây dựng cổng, tường rào;sân bóng chuyền; nhà để xe; lắp đặt dụng cụ thể thao, sân bêtông.	
2	Xây dựng Khu thể thao thôn Vĩnh Phước	2023	1.000		1.000	Xây dựng mới	Diện tích 1.100m² ;Xây dựng cổng, tường rào;sân bóng chuyền; nhà để xe; lắp đặt dụng cụ thể thao, sân bêtông.		2024						Xây dựng Khu thể thao thôn Vĩnh Phước	2024	1.000		1.000	Xây dựng mới	Diện tích 1.100m² ;Xây dựng cổng, tường rào;sân bóng chuyền; nhà để xe; lắp đặt dụng cụ thể thao, sân bêtông.	
3	Nâng cấp, cải tạo khu thể thao Điềm Tịnh	2023	1.200		1.200	Xây dựng mới	Diện tích 2.000m² ;Xây dựng cổng, tường rào;sân bóng chuyền; nhà để xe; lắp đặt dụng cụ thể thao, sân bêtông.		2024						Nâng cấp, cải tạo khu thể thao Điềm Tịnh	2024	1.200		1.200	Xây dựng mới	Diện tích 2.000m² ;Xây dựng cổng, tường rào;sân bóng chuyền; nhà để xe; lắp đặt dụng cụ thể thao, sân bêtông.	
4	Xây dựng Khu thể thao thôn Nghi Phụng	2023	1.000		1.000	Xây dựng mới	Diện tích 1.100m² Xây dựng cổng, tường rào;sân bóng chuyền; nhà để xe; lắp đặt dụng cụ thể thao, sân bêtông.		2024						Xây dựng Khu thể thao thôn Nghi Phụng	2024	1.000		1.000	Xây dựng mới	Diện tích 1.100m² Xây dựng cổng, tường rào;sân bóng chuyền; nhà để xe; lắp đặt dụng cụ thể thao, sân bêtông.	
5	Nâng cấp cải tạo khu thể thao Đại Cát 1	2023	1.100		1.100	Xây dựng mới	Diện tích 3.300m², Xây dựng cổng, tường rào;sân bóng chuyền; nhà để xe; lắp đặt dụng cụ thể thao, sân bêtông.		2024						Nâng cấp cải tạo khu thể thao Đại Cát 1	2024	1.100		1.100	Xây dựng mới	Diện tích 3.300m², Xây dựng cổng, tường rào;sân bóng chuyền; nhà để xe; lắp đặt dụng cụ thể thao, sân bêtông.	
6	Xây dựng Khu thể thao thôn Phú Bình	2023	1.000		1.000	Xây dựng mới	Diện tích 1.100m²; Xây dựng cổng, tường rào;sân bóng chuyền; nhà để xe; lắp đặt dụng cụ thể thao, sân bêtông		2024						Xây dựng Khu thể thao thôn Phú Bình	2024	1.000		1.000	Xây dựng mới	Diện tích 1.100m²; Xây dựng cổng, tường rào;sân bóng chuyền; nhà để xe; lắp đặt dụng cụ thể thao, sân bêtông	
7	Xây dựng Khu thể thao thôn Đại Cát 2	2023	1.000		1.000	Xây dựng mới	Diện tích 1.100m²;Xây dựng cổng, tường rào;sân bóng chuyền; nhà để xe; lắp đặt dụng cụ thể thao, sân bêtông.		2024						Xây dựng Khu thể thao thôn Đại Cát 2	2024	1.000		1.000	Xây dựng mới	Diện tích 1.100m²;Xây dựng cổng, tường rào;sân bóng chuyền; nhà để xe; lắp đặt dụng cụ thể thao, sân bêtông.	
c	*Trường học*																					
1	Xây dựng Trường THCS Trần Quốc Tuấn (Khối hành chính quản trị, phòng thiết bị, phòng tư vấn học đường, phòng truyền thống-đoàn đội, phòng họp, phòng tổ chuyên môn, phòng Y tế, nhà kho, phòng giáo viên, phòng nghỉ giáo viên, sân trường thể dục thể thao)	2023	11.000	3.300	7.700	Xây dựng mới	- Xây mới khối hành chính quản trị, thư viện, phòng thiết bị, phòng tư vấn học đường, phòng truyền thống-đội thiếu niên, nhà kho, nhà vệ sinh học sinh, sân, cổng tường rào.	Xây dựng mới khối hành chính quản trị, phòng thiết bị, phòng tư vấn học đường, phòng truyền thống-đoàn đội, phòng họp, phòng tổ chuyên môn, phòng y tế, nhà kho, phòng giáo viên, phòng nghỉ giáo viên, sân trường thể dục thể thao đạt chuẩn theo quy định. Hệ thống phòng cháy chữa cháy và nhà đa năng		-11	-3	-8			Xây dựng Trường THCS Trần Quốc Tuấn (Khối hành chính quản trị, phòng thiết bị, phòng tư vấn học đường, phòng truyền thống-đoàn đội, phòng họp, phòng tổ chuyên môn, phòng Y tế, nhà kho, phòng giáo viên, phòng nghỉ giáo viên, sân trường thể dục thể thao)	2023	10.989	3.297	7.692	Xây dựng mới	Xây dựng mới khối hành chính quản trị, phòng thiết bị, phòng tư vấn học đường, phòng truyền thống - đoàn đội, phòng họp, phòng tổ chuyên môn, phòng y tế, nhà kho, phòng giáo viên, phòng nghỉ giáo viên, sân trường thể dục thể thao đạt chuẩn theo quy định, Hệ thống phòng cháy chữa cháy và nhà đa năng	
2	Xây dựng Trường tiểu học Ninh Phụng (04 phòng học, phòng học bộ môn, phòng thiết bị, khối hành chính quản trị, phụ trợ, nhà vệ sinh học sinh, sân chơi thể dục thể thao, cổng, tường rào)	2023	11.000	3.300	7.700	Xây dựng mới	- Xây dựng mới 04 phòng, 04 phòng học bộ môn *(Khoa học công nghệ, Tin học, ngoại ngữ, phòng đa chức năng.* - Xây mới khối hành chính quản trị, thư viện, phòng thiết bị, phòng tư vấn học đường, phòng truyền thống-đội thiếu niên, nhà kho, nhà vệ sinh học sinh, khu để xe học sinh, sân, cổng tường rào.			-13	-4	-9			Xây dựng Trường tiểu học Ninh Phụng (04 phòng học, phòng học bộ môn, phòng thiết bị, khối hành chính quản trị, phụ trợ, nhà vệ sinh học sinh, sân chơi thể dục thể thao, cổng, tường rào)	2023	10.987	3.296	7.691	Xây dựng mới	- Xây dựng mới 04 phòng, 04 phòng học bộ môn (Khoa học công nghệ, Tin học, ngoại ngữ, phòng đa chức năng. - Xây mới khối hành chính quản trị, thư viện, phòng thiết bị, phòng tư vấn học đường, phòng truyền thống-đội thiếu niên, nhà kho, nhà vệ sinh học sinh, khu để xe học sinh, sân, cổng tường rào.	
3	Xây dựng Trường mầm non Ninh Phụng (Tường rào, sân chơi, sửa chữa phòng học)	2023	1.500	450	1.050	Xây dựng mới	- Xây dựng mới đoạn tường rào mặt sau và 02 bên (110md), sân chơi (350m2). - Sửa chữa phòng học, nhà vệ sinh học sinh.			-455	-130	-305			Xây dựng Trường mầm non Ninh Phụng (Tường rào, sân chơi, sửa chữa phòng học)	2023	1.065	320	745	Xây dựng mới	- Xây dựng mới đoạn tường rào mặt sau và 02 bên (110md), sân chơi (350m2). - Sửa chữa phòng học, nhà vệ sinh học sinh.	
d	*Hạ tầng thông tin và truyền thông*									-6	-4	-2			Lắp đặt hệ thống Đài truyền thanh	2023	994	696	298		28 cụm loa	
1	Lắp đặt hệ thống Đài truyền thanh	2023	1.000	700	300		28 cụm loa			*-182*	*-86*	*-96*										
3	Xã Ninh Tây																					
a	*Giao thông*																					
1	Đường GTNT đoạn từ nhà bà Lý thị Thu Cúc đến, nhà ông Y Dũ	2023	3.500	2.450	1.050	Xây dựng mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 20cm.			-51	-36	-15			Đường GTNT đoạn từ nhà bà Lý thị Thu Cúc đến nhà ông Y Dũ	2023	3.449	2.414	1.035	Xây dựng mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 20cm.	
2	Đường GTNT đoạn từ QL26 nhà ông Đặng Văn Quyền đến Suối Chanh	2023	1.000	700	300	Xây dựng mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 20cm.			-2	-1	-1			Đường GTNT đoạn từ QL26 nhà ông Đặng Văn Quyền đến Suối Chanh	2023	998	699	299	Xây dựng mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 20cm.	
b	*Thủy lợi*														Kênh mương vào đồng ruộng thôn Buôn Tương	2023	1.142	800	342	Xây dựng mới		
1	Kênh mương vào đồng ruộng thôn Buôn Tương	2023	1.150	805	345	Xây dựng mới				-8	-5	-3										
c	*Cơ sở vật chất văn hóa*														Nâng cấp Trung tâm văn hóa xã Ninh Tây	2024	1.179	354	825	Xây dựng mới	Hạng mục nhà vệ sinh - nhà thay đồ - sân diễn - BTXM sân tập thể thao	
1	Nâng cấp Trung tâm văn hóa xã Ninh Tây	2023	1.180	354	826	Xây dựng mới	Hạng mục nhà vệ sinh - nhà thay đồ - sân diễn - BTXM sân tập thể thao		2024	-1		-1										
d	*Trường học*																					
1	Xây dựng trường tiểu học và THCS Ninh Tây (Xây dựng phòng học, phòng học bộ môn và khối hành chính quản trị, hỗ trợ học tập, phụ trợ)	2023	18.400	5.520	12.880	Xây dựng mới	- Xây mới 12 phòng học thay thế 12 phòng học cũ hư hỏng, xuống cấp không đạt chuẩn (trong đó 04 phòng điểm chính Buôn Dung, 02 phòng điểm phụ Buôn Sung Bung, 01 điểm phòng phụ Buôn Sim (CH), 05 phòng điểm phụ Buôn Lác) - Xây dựng mới 01 phòng tổ chức Đảng, Đoàn thể - điểm chính Buôn Dung - Xây dựng mới 06 phòng học bộ môn (Âm nhạc, Mỹ thuật, Khoa học - Công nghệ, Tin học, Ngoại ngữ, phòng Đa chức năng) điểm chính Buôn Dung. - Xây mới phòng học, phòng Y tế - điểm chính Buôn Dung. - Xây mới nhà vệ sinh học sinh, cổng tường rào. - Cấp trung học cơ sở - Xây mới 08 phòng học bộ môn (Âm nhạc- Mỹ thuật, Công nghệ, Khoa học tự nhiên, Tin học, Ngoại ngữ, Khoa học xã hội, phòng Đa chức năng), điểm chính Buôn Dung. - Xây dựng mới khối hành chính quản trị, 04 phòng học, 01 phòng giáo dục thể chất, phòng bảo vệ, phòng họp, nhà kho.	Xây dựng trường tiểu học và THCS Ninh Tây (Xây dựng phòng học, phòng học bộ môn và khối hành chính quản trị, hỗ trợ học tập, phụ trợ)	2023	18.397	5.519	12.878	Xây dựng mới	- Cấp tiểu học - Xây mới 12 phòng học thay thế 12 phòng học cũ hư hỏng, xuống cấp không đạt chuẩn (trong đó 04 phòng điểm chính Buôn Dung, 02 phòng điểm phụ Buôn Sung Bung, 01 điểm phòng phụ Buôn Sim (CH), 05 phòng điểm phụ Buôn Lác) - Xây dựng mới 01 phòng tổ chức Đảng, Đoàn thể - điểm chính Buôn Dung. - Xây dựng mới 06 phòng học bộ môn (Âm nhạc, Mỹ thuật, Khoa học - Công nghệ, Tin học, Ngoại ngữ, phòng Đa chức năng) điểm chính Buôn Dung. - Xây mới phòng học, phòng Y tế - điểm chính Buôn Dung - Xây mới nhà vệ sinh học sinh, cổng tường rào - Cấp trung học cơ sở - Xây mới 08 phòng học bộ môn (Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ, Khoa học tự nhiên, Tin học, Ngoại ngữ, Khoa học xã hội, phòng Đa chức năng), điểm chính Buôn Dung - Xây mới phòng cá, tổ chuyên môn	
2	Xây dựng trường mầm non Ninh Tây (Xây dựng khối hành chính quản trị, phòng học, phòng giáo dục thể chất, phòng bảo vệ, phòng họp, nhà kho)	2023	11.000	3.300	7.700	Xây dựng mới	- Xây dựng mới khối hành chính quản trị, 04 phòng học, 01 phòng giáo dục thể chất, phòng bảo vệ, phòng họp, nhà kho.	Xây dựng mới khối hành chính quản trị, phòng thiết bị, phòng tư vấn học đường, phòng truyền thống-đoàn đội, phòng họp, phòng tổ chuyên môn, phòng y tế, nhà kho, phòng giáo viên, phòng nghỉ giáo viên, sân trường thể dục thể thao đạt chuẩn theo quy định. Hệ thống phòng cháy chữa cháy và nhà đa năng		-99	-30	-69			Xây dựng mới khối hành chính quản trị, phòng học, phòng giáo dục thể chất, phòng bảo vệ, phòng họp,	2023	10.901	3.270	7.631	Xây dựng mới	- Xây dựng mới khối hành chính quản trị, 04 phòng học, 01 phòng giáo dục thể chất, phòng bảo vệ, phòng họp, nhà kho.	
d	*Hạ tầng thông tin và truyền thông*									-18	-13	-5			Đài truyền thanh xã Ninh Tây	2023	1.112	778	334			
1	Đài truyền thanh xã	2023	1.130	791	339		Khoang 29 cụm loa															
4	Xã Ninh Phú																					
a	*Giao thông*																					

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	Điều chỉnh tăng/giảm vốn			Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Ghi chú
										TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác										
1	Đường BTXM thôn Lê Cam: Đoạn từ Nhà ông Tương đến nhà ông Võ Ân	2022	1.000	700	300		BTXM dày 18cm, bề rộng 3.5m. mặt đường 2.5m. lề mỗi bên 0.5 m chiều dài 534.38 m								Đường BTXM thôn Lê Cam: Đoạn từ Nhà ông Tương đến nhà ông Võ Ân	2022	1000		1.000	"	BTXM dày 18cm, bề rộng 3.5m, mặt đường 2.5m, lề mỗi bên 0.5 m chiều dài 534.38 m	
5	Xã Ninh Thân									-600	-420	-180										
a	*Giao thông*																					
1	Đường liên thôn Đại Tập ông Luyện và nhánh rẽ	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Dài 650 m. mặt đường 3m, nền 3m (cấp phối)							BTXM. dài khoảng 600m. mặt đường 2m. nền 3m	Đường liên thôn Đại Tập ông Luyện và nhánh rẽ	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	BTXM. dài khoảng 600m. mặt đường 2m. nền 3m	
2	Đường liên thôn WB2 nhà ông Can và nhánh rẽ	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Dài 700 m. mặt đường 3m. nền 3m (cấp phối)			-600	-420	-180		BTXM. dài khoảng 286m. mặt đường 2m. nền 3m	Đường liên thôn WB2 nhà ông Can và nhánh rẽ	2024	600	420	180	Xây dựng mới	BTXM. dài khoảng 286m. mặt đường 2m. nền 3m	
3	Đường liên thôn từ nhà ba Xưa đến nhà ông Hiền và nhánh rẽ	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Dài 600 m. mặt đường 3m. nền 3m (cấp phối)							BTXM. dài khoảng 530m. mặt đường 2m. nền 3m	Đường liên thôn từ nhà ba Xưa đến nhà ông Hiền và nhánh rẽ	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	BTXM. dài khoảng 530m. mặt đường 2m. nền 3m	
1	Đường trục xóm nhà ông Ngọc đến nhà ông Quang	2024	300		300	Xây dựng mới	Dài 150 m. mặt đường 3m. nền 3m (cấp phối)							BTXM. dài khoảng 125 m. mặt đường 2m, nền 3m	Đường trục xóm nhà ông Ngọc đến nhà ông Quang	2024	300		300	Xây dựng mới	BTXM. dài khoảng 125 m. mặt đường 2m. nền 3m	
1	Đường nội đồng đoạn mốc ND1-ND2 và nhánh rẽ bà Hương đến ND1	2024	600	420	180	Xây dựng mới	Dài 500 m. mặt đường 3m. nền 3m (cấp phối)							BTXM - cấp phối đá dăm. dài khoảng 394m. mặt đường 3m. nền 4m	Đường nội đồng đoạn mốc ND1-ND2 và nhánh rẽ bà Hương đến ND1	2024	600	420	180	Xây dựng mới	BTXM - cấp phối đá dăm. dài khoảng 394m. mặt đường 3m. nền 4m	
2	Đường nội đồng từ đường liên xã đến Đình Đại Tập	2024	600	420	180	Xây dựng mới	Dài 300 m. mặt đường 3m. nền 3m (cấp phối)							BTXM. dài khoảng 170m. mặt đường 3m. nền 4m	Đường nội đồng từ đường liên xã đến Đình Đại Tập	2024	600	420	180	Xây dựng mới	BTXM. dài khoảng 170m. mặt đường 3m. nền 4m	
b	*Cơ sở vật chất văn hóa*																					
1	Trung tâm văn hoa - thể thao xã	2024	5.000	1.500	3.500	Xây dựng mới	Khu vui chơi, giải trí (bố trí các dụng cụ tập thể dục thể thao, vui chơi cho trẻ em, sân bóng đá), diện tích khoảng 1,2ha gồm: San lấp mặt bằng, xây dựng tường rào khuôn viên, mua sắm trang thiết bị phục vụ vui chơi, giải trí	Đầu tư. nâng cấp Trung tâm văn hoa - thể thao xã							Xây dựng nhà văn hoá xã. lắp đặt các thiết bị thể dục. thể thao ngoài trời tối thiểu 70% các thôn	Đầu tư. nâng cấp Trung tâm văn hoá - thể thao xã	2024	5.000	1.500	3.500	Xây dựng mới	Xây dựng nhà văn hoá xã. lắp đặt các thiết bị thể dục. thể thao ngoài trời tối thiểu 70% các thôn	
b	Xã Ninh Tân									-6	-4	-2										
a	*Giao thông*																					
	Đường trục thôn, liên thôn														Đường trục thôn, liên thôn							
1	Đường từ TL 5 cũ đến ruộng đồng nghĩa xanh	2024	700	490	210	Xây dựng mới	L 200m BTXM. mặt đường 3.5m. dày 18cm							Dài khoảng 190.5m. mặt BTXM 3.5m	Đường từ TL 5 cũ đến ruộng đồng nghĩa xanh	2024	700	490	210	Xây dựng mm	Dài khoảng 190.5m. mặt BTXM 3.5m	
2	Nâng cấp đường tuyến 2000 (Hướng bắc)	2024	1.100	770	330	Xây dựng mới	Hiện trạng đường đất. cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3.5m. dày 18cm.			-3	-2	-1		Dài khoảng 473.72m. mặt đường 3.5m. nền 5m. lề mỗi bên 0.75m .	Nâng cấp đường tuyến 2000 (Hướng bắc)	2024	1.097	768	329	Xây dựng mới	Dài khoảng 473.72m. mặt đường 3.5m. nền 5m. lề mỗi bên 0.75m .	
3	Đường nội tuyến 2400 (Phía bắc)	2024	600	420	180	Xây dựng mới	Hiện trạng đường đất. cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3.5m. dày 18cm.			-3	-2	-1		BTXM. dài khoảng 262m. mặt đường 3.5m. nền 5m. lề mỗi bên 0.75m	Đường nội tuyến 2400 (Phía bắc)	2024	597	418	179	Xây dựng mới	BTXM. dài khoảng 262m. mặt đường 3.5m. nền 5m. lề mỗi bên 0.75m	
1	Đường nội tuyến D và D	2024	400	280	120	Xây dựng mới	L khoảng 250m. mặt BTXM 3.5m								Đường nội tuyến D và D	2024	400		400	Xây dựng mm	L khoảng 250m. mặt BTXM 3.5m	
1	Trần dần quán đến đất ông thọ	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	L khoảng 400m. mặt BTXM 3.5m dày 18cm							L khoảng 556m. mặt BTXM 3.5m	Trần dần quán đến đất ông thọ	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	L khoảng 556m. mặt BTXM 3.5m	
2	Đường từ đất Ông Tuấn đến đất ông Phú	2024	2.150	1.505	645	Xây dựng mới	L khoảng 1550m. mặt BTXM 3.5m dày 18cm							L khoảng 1.500m. mặt BTXM 5.5m	Đường từ đất Ông Tuấn đến đất ông Phú	2024	2.150	1.505	645	Xây dựng mới	L khoảng 1.500m. mặt BTXM 3.5m	
3	Đường BTXM từ nhà Ông Cao Ben đến Thác Bông Lau	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	Hiện trạng đường đất. cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3.5m. dày 18cm.							BTXM. dài khoảng 552m. mặt đường 3.5m. nền 5m. lề mỗi bên 0.75m	Đường BTXM từ nhà Ông Cao Ben đến Thác Bông Lau	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	BTXM. dài khoảng 552m. mặt đường 3.5m. nền 5m. lề mỗi bên 0.75m	
7	Xã Ninh Quang									992	694	298										
a	*Giao thông*																					
	Đường nội đồng từ Hội trường thôn Thuận Mỹ đến nhà ông Hồ Chanh thôn Phước Lộc														Thuận Mỹ đến nhà ông Hồ Chanh thôn Phước Lộc							
1		2024	750	525	225	Xây dựng mới	Cấp phối. chiều dài L = 650 m. rộng 6 m			-1	-1					2024	749	524	225	Xây dựng mới	Cấp phối. chiều dài L = 650 m. rộng 6 m	
2	Đường nội đồng từ Cầu Dục đến giáp đường nội đồng Cầu Từ thôn Phú Hòa	2024	800	560	240	Sửa chữa	Cấp phối. chiều dài L = 750 m. rộng 6 m			-4	-3	-1			giáp đường nội đồng Cầu Từ thôn Phú Hòa	2024	796	557	239	Sửa chữa	Cấp phối. chiều dài L = 750 m. rộng 6 m	
3	Đường nội đồng từ nhà ông Hương thôn Phú Hòa đến mương Tre	2024	500	350	150	Sửa chữa	Cấp phối. chiều dài L = 500 m. rộng 6 m			-1	-1				Đường nội đồng từ nhà ông Hương thôn Phú Hòa đến mương Tre	2024	499	349	150	Sửa chữa	Cấp phối. chiều dài L = 500 m. rộng 6 m	
b	*Thuỷ lợi và phòng chống thiên tai*																					
1	Kênh mương BTXM N12B nhánh 1	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	BTXM. chiều dài L= 600 m. rộng 0.6 m	Kênh mương BTXM N12B		999	699	300		BTXM. chiều dài L= 1.100 m. kích thước 0.6 x 0.6 m	Kênh mương BTXM N12B	2024	2.199	1.539	660	Xây dựng mới	BTXM. chiều dài L= 1.100 m. kích thước 0.6 x 0.6 m	Gộp với công trình Kênh mương BTXM N12B nhánh 2
c	*Cơ sở vật chất văn hóa*																					
1	Trung tâm văn hoa thể thao xã (Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời)	2024	1.000	300	700					-1		-1			(Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời)	2024	999	300	699			
8	Xã Ninh Lộc									-2	-1	-1										
a	*Giao thông*																					
1	Đường ngõ xóm từ cầu Hầm Voi đến giáp đường bê tông xi măng thôn Vạn Khê	2024	400	120	280		Dài 213 m. mặt đường 3m. nền đường 4-5m								Đường ngõ xóm từ cầu Hầm Voi đến giáp đường bê tông xi măng thôn Vạn Khê	2024	400		400			
b	*Thuỷ lợi và phòng chống thiên tai*																					
1	Kiên cố hóa kênh mương Rut Dinh	2025	1.029	720	309	Xây dựng mới	L = 447m. lòng mương nước chạy rộng 0.6m. tường kênh mương cao 0.8m. dày 0.15m. đúng Bê tông đá 1x2 M200. đáy kênh mương dày 0.15m. đúng Bê tông đá 1x2 M200			-1		-1			Kiên cố hóa kênh mương Rut Dinh	2025	1.028	720	308	Xây dựng mới	L = 447m. lòng mương nước chạy rộng 0.6m. tường kênh mương cao 0.8m. dày 0.15m. đúng Bê tông đá 1x2 M200. đáy kênh mương dày 0.15m. đúng Bê tông đá 1x2 M200	
2	Kiên cố hóa kênh mương Cái	2023	1.104	772	331	Xây dựng mới	L= 332m. Gia cố mái kênh mương bằng bê tông đá 1x2 M200. dày 12cm.			-1	-1				Kiên cố hóa kênh mương Cái	2023	1.103	772	331	Xây dựng mới	L= 332m. Gia cố mái kênh mương bằng bê tông đá 1x2 M200. dày 12cm.	
9	Xã Ninh Vân																					
a	*Giao thông*																					
1	Đường số 26 đoạn từ xóm cây bàng đến mũi bà vú	2024	4.500	3.150	1.350	Xây dựng mới	L = 3000m. Nền đường 6m. mặt BTXM 3.5m. lề mỗi bên 1.25m (Báo cáo phù hợp với tổng mức đầu tư)							Dài khoảng 1.990m. mặt đường 4.5m cấp phối đá dăm dày 35cm. Bố trí 5 cống hợp thoát nước	Đường số 26 đoạn từ xóm cây bàng đến mũi bà vú	2024	4.500	3.150	1.350	Xây dựng mới	Dài khoảng 1.990m. mặt đường 4.5m cấp phối đá dăm dày 35cm. Bố trí 5 cống hợp thoát nước	
b	*Hạ tầng thông tin và truyền thông*																					
1	Nâng cấp hệ thống đài truyền thanh xã	2024	500	350	150	Nâng cấp	Nâng cấp hệ thống đài truyền thanh xã	Đài truyền thanh xã Ninh Vân					Đầu tư mới	Đầu tư mới đài và loa	Đài truyền thanh xã Ninh Vân	2024	500	350	150	Đầu tư mới	Đầu tư mới đài và loa	
10	Xã Ninh Trung																					
a	*Giao thông*																					
1	Đường trục xóm từ nhà ông Thọ - ông Lưu	2024	1.000	300	700	Xây dựng mới	BTXM 2.5m. nền đường rộng 3.5m. L = 430m		2025						Đường trục xóm từ nhà ông Thọ - ông Lưu	2025	1.000		1.000	Xây dựng mới	BTXM 2.5m. nền đường rộng 3.5m. L = 430m	
2	Đường trục xóm từ nhà ông Dự đến nhà ông Đạo (sđ2)	2024	800	240	560	Xây dựng mới	BTXM 2.5m. nền đường rộng 3.5m. L = 356m								Đường trục xóm từ nhà ông Dự đến nhà ông Đạo (sđ2)	2024	800		800	Xây dựng mới	BTXM 2.5m. nền đường rộng 3.5m. L = 356m	
1	Đường nội đồng từ nhà ông Khanh - mương đồng giữa	2024	400	280	120	Xây dựng mới	BTXM 2.5m. nền đường rộng 3.5m. L = 150m		2025						Đường nội đồng từ nhà ông Khanh - mương đồng giữa	2025	400	280	120	Xây dựng mới	BTXM 2.5m. nền đường rộng 3.5m. L = 150m	
11	Xã Ninh Ich																					
a	*Giao thông*																					
1	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Hạnh đến nhà ông Dâm thôn Ngọc Diêm	2025	500	150	350		Đường BTXM. mặt rộng bình quân 2.3 m. chiều khoảng 300 m								Đường BTXM đoạn từ nhà ông Hạnh đến nhà ông Dâm thôn Ngọc Diêm	2025	500		500	Xây dựng mới	Đường BTXM. mặt rộng bình quân 2.3 m. chiều khoảng 300 m	
2	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Mân đến nhà ông Dậy thôn Ngọc Diêm	2025	300	90	210		Đường BTXM. mặt rộng bình quân 1.7m. chiều khoảng 150 m								Đường BTXM đoạn từ nhà ông Mân đến nhà ông Dậy thôn Ngọc Diêm	2025	300		300	Xây dựng mới	Đường BTXM. mặt rộng bình quân 1.7m. chiều khoảng 150 m	

Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	Điều chỉnh tăng/giảm vốn			Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Ghi chú
										TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác										
3	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Hoan đến nhà ông Chơ thôn Ngọc Diêm	2025	300	90	210		Đường BTXM, mặt rộng bình quân 2m, chiều dài khoảng 100 m								Đường BTXM đoạn từ nhà ông Hoan đến nhà ông Chơ thôn Ngọc Diêm	2025	300		300	Xây dựng mới	Đường BTXM, mặt rộng bình quân 2m, chiều dài khoảng 100 m	
4	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Dũng đến nhà ông Bình thôn Vạn Thuận	2025	300	90	210		Đường BTXM, mặt rộng 2m, nền rộng 3m, chiều dài khoảng 150 m								Đường BTXM đoạn từ nhà ông Dũng đến nhà ông Bình thôn Vạn Thuận	2025	300		300	Xây dựng mới	Đường BTXM, mặt rộng 2m, nền rộng 3m, chiều dài khoảng 150 m	
5	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Ghè đến nhà ông Chín thôn Tân Phú	2025	300	90	210		Đường BTXM, mặt rộng 2m, nền rộng 3m, chiều dài khoảng 100 m								Đường BTXM đoạn từ nhà ông Ghè đến nhà ông Chín thôn Tân Phú	2025	300		300	Xây dựng mới	Đường BTXM, mặt rộng 2m, nền rộng 3m, chiều dài khoảng 100 m	
6	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Tấn đến nhà ông Sáng thôn Tân Phú	2025	300	90	210		Đường BTXM, mặt rộng 2m, nền rộng 3m, chiều dài khoảng 110 m								Đường BTXM đoạn từ nhà ông Tấn đến nhà ông Sáng thôn Tân Phú	2025	300		300	Xây dựng mới	Đường BTXM, mặt rộng 2m, nền rộng 3m, chiều dài khoảng 110 m	
b	*Cơ sở vật chất văn hóa*																					
1	Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Vạn Thuận	2025	300	210	90		Sửa chữa nhà văn hóa. Mua sắm trang thiết bị thể dục và xây dựng khu thể thao thôn, diện tích khoảng 500m2								Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Vạn Thuận	2025	300		300		Sửa chữa nhà văn hóa. Mua sắm trang thiết bị thể dục và xây dựng khu thể thao thôn, diện tích khoảng 500m2	
2	Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Tân Phú	2025	300	210	90		Sửa chữa nhà văn hóa.Mua sắm trang thiết bị thể dục và xây dựng khu thể thao thôn, diện tích khoảng 500m2								Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Tân Phú	2025	300		300		Sửa chữa nhà văn hóa.Mua sắm trang thiết bị thể dục và xây dựng khu thể thao thôn, diện tích khoảng 500m2	
3	Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Phú Hữu	2025	300	210	90		Sửa chữa nhà văn hóa.Mua sắm trang thiết bị thể dục và xây dựng khu thể thao thôn, diện tích khoảng 500m2								Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Phú Hữu	2025	300		300		Sửa chữa nhà văn hóa.Mua sắm trang thiết bị thể dục và xây dựng khu thể thao thôn, diện tích khoảng 500m2	
4	Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Tân Đảo	2025	300	210	90		Sửa chữa nhà văn hóa.Mua sắm trang thiết bị thể dục và xây dựng khu thể thao thôn, diện tích khoảng 500m2								Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Tân Đảo	2025	300		300		Sửa chữa nhà văn hóa.Mua sắm trang thiết bị thể dục và xây dựng khu thể thao thôn, diện tích khoảng 500m2	
5	Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Ngọc Diêm	2025	300	210	90		Sửa chữa nhà văn hóa.Mua sắm trang thiết bị thể dục và xây dựng khu thể thao thôn, diện tích khoảng 500m2								Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Ngọc Diêm	2025	300		300		Sửa chữa nhà văn hóa.Mua sắm trang thiết bị thể dục và xây dựng khu thể thao thôn, diện tích khoảng 500m2	
6	Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Tân Thành	2025	300	210	90		Sửa chữa nhà văn hóa.Mua sắm trang thiết bị thể dục và xây dựng khu thể thao thôn, diện tích khoảng 500m2								Công trình nhà văn hóa, khu thể thao thôn Tân Thành	2025	300		300		Sửa chữa nhà văn hóa.Mua sắm trang thiết bị thể dục và xây dựng khu thể thao thôn, diện tích khoảng 500m2	
II	HUYỆN DIÊN KHÁNH									-100	-70	-30										
	Nâng cấp, cải tạo trường THPT Hoàng Hoa Thám	2023	11.925	11.925		Nâng cấp, cải tạo sửa chữa	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Khối 14 phòng học, khối 10 phòng học, 02 khối phòng học bộ môn, khối nhà đa năng, khối hành chính, khối thực hành, các hạng mục phụ trợ....		2023-2025						Nâng cấp, cải tạo trường THPT Hoàng Hoa Thám	2023-2025	11.925	11.925		Nâng cấp, cải tạo sửa chữa	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Khối 14 phòng học, khối 10 phòng học, 02 khối phòng học bộ môn, khối nhà đa năng, khối hành chính, khối thực hành, các hạng mục phụ trợ....	
	Nâng cấp, cải tạo trường THPT Nguyễn Thái Học	2023	14.977	14.977		Nâng cấp, cải tạo sửa chữa	Nâng cấp, cải tạo sửa chữa: Khối 10 phòng học, khối phòng học bộ môn, khối hành chính, các hạng mục phụ trợ...		2023-2025						Nâng cấp, cải tạo trường THPT Nguyễn Thái Học	2023-2025	14.977	14.977		Nâng cấp, cải tạo sửa chữa	Nâng cấp, cải tạo sửa chữa: Khối 10 phòng học, khối phòng học bộ môn, khối hành chính, các hạng mục phụ trợ...	
1	Xã Diên Phú									-100	-70	-30										
a	*Thủy lợi và phòng chống thiên tai*																					
1	Nâng cấp kênh bà Tiếc	2023	1.250	861	389	Sửa chữa	Sửa chữa, nâng cấp kênh bê tông xi măng chiều dài 500m			-3	-2	-1			Nâng cấp kênh bà Tiếc	2023	1.227	859	368	Sửa chữa	Sửa chữa, nâng cấp kênh bê tông xi măng chiều dài 500m	
2	Nâng cấp kênh Tộc Hà	2023	1.230	861	369	Sửa chữa	Sửa chữa, nâng cấp kênh bê tông xi măng chiều dài 600m			-97	-68	-29			Nâng cấp kênh Tộc Hà	2023	1.133	793	340	Sửa chữa	Sửa chữa, nâng cấp kênh bê tông xi măng chiều dài 600m	
III	HUYỆN CAM LÂM									-13	-4	-9										
1	Xã Suối Cát									-4	-1	-3										
a	*Trường học*														Xây 04 phòng học, nhà đa năng, nâng cấp sân trường tiểu học Suối	2025	3.896	1.169	2.727	Xây mới, nâng cấp		
1	Xây 04 phòng học, nhà đa năng, nâng cấp sân trường tiểu học Suối Cát	2023	3.900	1.170	2.730	Xây mới, nâng cấp				-4	-1	-3										
2	Xã Cam Phước Tây									-9	-3	-6										
a	*Cơ sở vật chất văn hóa*																					
1	Sửa chữa, nâng cấp cổng tường rào, xây mới hệ thống vệ sinh và mua sắm trang thiết bị nhà thi đấu đa năng	2023	1.100	330	770	Xây mới tường rào, nhà vệ sinh và mua sắm trang thiết bị	Sửa chữa tường rào, xây mới hệ thống nhà vệ sinh, mua sắm trang thiết bị theo tiêu chuẩn đạt tiêu chí NTM			-2	-1	-1			Sửa chữa, nâng cấp cổng tường rào, xây mới hệ thống vệ sinh và mua sắm trang thiết bị nhà thi đấu đa năng	2023	1.098	329	769	Xây mới tường rào, nhà vệ sinh và mua sắm trang thiết bị	Sửa chữa tường rào, xây mới hệ thống nhà vệ sinh, mua sắm trang thiết bị theo tiêu chuẩn đạt tiêu chí NTM	
										-7	-2	-5			hợp thể thao x3	2023	1.193	358	835	Xây mới		
2	Xây mới hệ thống hồ bơi khu liên hợp thể thao x3	2023	1.200	360	840	Xây mới				-124	-87	-37										
IV	THÀNH PHỐ CAM RANH									-31	-22	-9										
1	Xã Cam Phước Đông																					
a	*Giao thông*														Đường nội đồng ông Công, thôn Thống Nhất	2024	*1.000*	700	300		chiều dài tuyến 300m	
1	Đường nội đồng ông Công, thôn Hoà An	2024	1.000	700	300		chiều dài tuyến 300m															
2	Nâng cấp, sửa chữa đường từ nhà ông Cao Sáu đến ngã ba nhà ông Châu, xóm Ba Hùng thôn Giải Phóng	2023	1.200	840	360					-14	-10	-4			Nâng cấp, sửa chữa đường từ nhà ông Cao Sáu đến ngã ba nhà ông Châu, xóm Ba Hùng thôn Giải Phóng	2023	1.186	830	356			
3	Nâng cấp, sửa chữa đường từ cầu Suối Hành đến mái ấm Đại Ân	2023	1.100	770	330					-11	-8	-3			Nâng cấp, sửa chữa đường từ cầu Suối Hành đến mái ấm Đại Ân	2023	1.089	762	327			
b	*Thuỷ lợi và PCTT*																					
1	Kênh mương nội đồng Vân Sơn, thôn Suối Mốn - Hòa Bình	2023	1.200	840	360					-2	-1	-1			Kênh mương nội đồng Vân Sơn, thôn Suối Mốn - Hòa Bình	2023	1.198	839	359			
1	Cầu ông Lân, thôn Tân Hiệp	2024	1.000	700	300			Cầu ông Lân đường nội đồng, thôn Tân Hiệp		-4	-3	-1			Cầu ông Lân đường nội đồng, thôn Tân Hiệp	2024	996	697	299			Điều chỉnh tên, điều chỉnh từ nhóm Thuỷ lợi và phòng chống thiên tai sang Giao thông
										-93	-65	-28										
2	Xã Cam Thịnh Tây																					
a	*Giao thông*																					
1	Nâng cấp đường dân cư tuyến số 7, thôn Thịnh Sơn	2023	1.200	840	360					-83	-58	-25			Nâng cấp đường dân cư tuyến số 7, thôn Thịnh Sơn	2023	1.117	782	335			
b	*Thuỷ lợi và phòng chống thiên tai*																					
1	Nâng cấp, mở rộng cống thoát nước đường dân cư tuyến 6, thôn Thịnh Sơn	2023	1.200	840	360					-10	-7	-3			Nâng cấp, mở rộng cống thoát nước đường dân cư tuyến 6, thôn Thịnh Sơn	2023	1.190	833	357			
										-4	-3	-1										
V	HUYỆN KHÁNH VĨNH									-3	-2	-1										
1	Xã Sông Cầu																					
a	*Giao thông*														đông từ Công ty Diệp Châu đến đất bà Mười	2024	599	419	180	Nâng cấp	Xây mới đường BTXM dài 300m	
1	Nâng cấp Bê tông hóa đường nội đồng từ Công ty Diệp Châu đến đất bà Mười	2024	600	420	180	Nâng cấp	Xây mới đường BTXM dài 300m			-1	-1											
2	Nâng cấp đường vào khu sản xuất cụm Công nghiệp Sông Cầu, giai đoạn 2	2024	1.000	700	300	Nâng cấp	Xây mới đường BTXM dài 600m			-2	-1	-1			cụm Công nghiệp Sông Cầu, giai đoạn 2	2024	998	699	299	Nâng cấp	Xây mới đường BTXM dài 600m	
										-1	-1											
2	Xã Khánh Thành																					
a	*Giao thông*																					
1	Đường sản xuất thôn Giòng Cao (Đoạn đường từ đất rẫy ông Hai đến đất rẫy ông Cao Lãnh)	2024	900	630	270	Xây dựng mới	Xây dựng mới đường BTXM dài khoảng 350m, nền đường rộng 5.0 m; mặt đường rộng 3,5 m; kết hợp với hệ thống thoát nước			-1	-1				Đường sản xuất thôn Giòng Cao (Đoạn đường từ đất rẫy ông Hai đến đất rẫy ông Cao Lãnh)	2024	899	629	270			
3	Xã Khánh Thượng																					
a	*Mầm non*																					

Số	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	Điều chỉnh tăng/giảm vốn			Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy mô đầu tư	Ghi chú
										TMĐT	*NS cấp tỉnh*	*NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác*										
1	Xây dựng hố rác xã Khánh Thượng	*2024*	300	90	210										Xây dựng hố rác xã Khánh Thượng	*2024*	*300*		300			

Phụ lục 08:

NHU CẦU VỐN SỰ NGHIỆP KINH TẾ BỔ SUNG CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Kinh phí	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	**47.380**	
1	Chi nâng cao chất lượng đào tạo nghề trên địa bàn toàn tỉnh	14.000	Điều 95 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính
2	Chi hỗ trợ điều tra số liệu nông thôn mới phục vụ đánh giá, xét công nhận đạt chuẩn	2.000	Khoản 7 Điều 4 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính
3	Chi hỗ trợ cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở; chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở	7.500	Điều 82, Điều 100 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính
4	Chi nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng – xanh – sạch- đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống nông thôn	3.000	Điều 103, Điều 106 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính
5	Chi hỗ trợ các Chương trình chuyên đề của Chương trình nông thôn mới gồm: Chương trình khoa học công nghệ trong xây dựng nông thôn mới (Điều 93 TT 55); Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới (Điều 94 TT 55), Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn (Điều 108 TT55), Chương trình Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 (Điều 111 TT55), Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Điều 120 TT 55) và các nội dung khác tại Thông tư 55/2023/TT-BTC	20.880	Các Điều 93,94,108,111,120 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính